

Tawhid Muyassir

“Giáo Lý Độc Thần” Đơn Giản - Dễ Hiểu

[Tiếng Việt – Vietnamese – فيتنامية]

Abdullah Bin Ahmad Al-Haweel

Được sự khen ngợi của
Tiền sĩ: - Abdullah Bin Abdur Rahman Al-Jibreen -
Khalid Bin Abdullah Al-Muslih

Dịch thuật : Abu Zaytune Usman Ibrahim
Kiểm duyệt : Abu Hisaan Ibnu Ysa

Ấn bản lần hai
Có chỉnh lý và bổ sung

2011 - 1432

IslamHouse.com

﴿ التوحيد الميسر ﴾

« باللغة الفيتنامية »

عبد الله بن أحمد الحويل

تقديم

فضيلة الشيخ العلامة الدكتور: عبد الله بن عبد الرحمن الجبرين

فضيلة الشيخ الدكتور: خالد بن عبد الله المصلح

ترجمة: أبو زيتون عثمان إبراهيم

مراجعة: أبو حسان محمد زين بن عيسى

الطبعة الثانية

مزيدة ومنقحة

2011 - 1432

IslamHouse.com

Mục Lục

| Chủ đề | Trang |
|---|--------------|
| - Lời bình của Sheikh Abdullah bin Abdur Rahman Al-Jibreen | 6 |
| - Lời bình của Sheikh Khalid Al-Muslih | 8 |
| - Lời mở đầu | 11 |
| - Khái niệm Tawhid | 14 |
| - Các dạng Tawhid | 15 |
| - Những điều hữu ích quan trọng | 19 |
| - Tầm quan trọng của Tawhid và ân phúc của nó | 21 |
| - Không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah | 28 |
| - Các điều kiện cần của câu tuyên thệ “لَا إِلَهَ إِلَّا اللهُ” | 32 |
| - Lời tuyên thệ chứng nhận Muhammad là Thiên Sứ của Allah | 38 |
| - Shirk, khái niệm và phân loại | 41 |
| - Các dạng của đại Shirk | 43 |
| - Các hình ảnh tiêu biểu về Shirk | 46 |
| - Lịch sử về Shirk | 49 |
| - Sự nghiêm trọng và hình phạt dành cho Shirk | 51 |
| - Những điều vô hiệu hóa Islam | 54 |
| - Sự phủ nhận Ta-ghut | 59 |
| - Ba nền tảng giáo lý cơ bản | 61 |
| - Kufr (Sự vô đức tin) | 64 |
| - Nifa-q (Sự giả tạo) | 69 |
| - Al-Wila’ và Al-Bara’ | 73 |
| - Những dạng người trong Al-Wila’ và Al-Bara’ | 76 |

| | |
|--|-----|
| - Islam | 77 |
| - Các trụ cột của Islam | 78 |
| - Đức tin Iman | 80 |
| - Các trụ cột của đức tin Iman | 81 |
| - Ihsan | 86 |
| - Mối liên hệ giữa Islam, Iman và Ihsan | 88 |
| - Thờ phượng | 89 |
| - Các nguyên tắc quan trọng trong Tawhid thờ phượng | 92 |
| - Các loại tình yêu | 94 |
| - Sự sợ hãi | 97 |
| - Hy vọng | 100 |
| - Tawakkul (Sự phó thác) | 102 |
| - Du-a (Cầu nguyện) | 104 |
| - Ruqa' (Câu thần chú) | 106 |
| - Tama-im (Bùa đeo) | 108 |
| - Tabarruk (Cầu phúc) | 110 |
| - Các nguyên tắc quan trọng về các tác nhân | 114 |
| - Tawassul (Cầu kẻ (vật) trung gian) | 116 |
| - Zabih (giết súc vật) tế những ai (vật) khác ngoài Allah | 118 |
| - Nazr (sự nguyện thề) với ai (vật) khác ngoài Allah | 121 |
| - Al-Istia'nah, Al-Istigha-thah, và Al-Isti'a-zhah | 123 |
| - Shafa-ah (Sự can thiệp) | 125 |
| - Thăm viếng mồ mả | 128 |
| - Sihr (bùa ngải và ma thuật) | 130 |
| - Kuha-nah và Arra-fah (Tiên đoán, bói toán) | 134 |

| | |
|---|-----|
| - Tayyarah (Điềm báo về điều không may) | 137 |
| - Tanji-m (Chiêm tinh) | 143 |
| - Al-Istisqa’ bil Al-Anwa’ (Cầu mưa từ sao) | 145 |
| - Riya’ (Sự phô trương) | 148 |
| - Khi hành động bị dính vào điều Riya’ | 151 |
| - Con người thể hiện hành động thờ phượng vì mong muốn lợi ích trần gian | 156 |
| - Halaf (thề thốt) bởi ai (vật) khác ngoài Allah | 159 |
| - Sự tỏ hợp Shirk giữa Allah và một tạo vật nào đó của Ngài bằng từ nối “و” – “và” | 163 |
| - Từ “لو” “Law” (giá mà, giá như, nế như) | 165 |
| - Chửi rủa thời gian | 168 |
| - Các nguyên tắc hữu ích trong cách dùng ngôn từ | 170 |
| - Bid’ah (sự đổi mới) | 172 |
| - Sự mời gọi đến với Tawhid | 181 |
| - Các sách quan trọng về Tawhid | 185 |
| - Lời kết | 189 |

Lời Đánh Giá & Khen Ngợi Của Sheik – Học Giả Uyên Bác – Abdullah Bin Abdur Rahman Al-Jibreen

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah
Đáng rất mực ĐỘ lượng
Đáng rất mực KHOAN dung

أَحْمَدُ اللَّهُ وَأَشْكُرُهُ وَأُصَلِّي وَأُسَلِّمُ عَلَى مُحَمَّدٍ وَآلِهِ وَصَحْبِهِ،

وَبَعْدُ:

Tôi xin ca ngợi và tán dương Allah, xin tạ ơn Ngài và cầu xin Ngài ban sự bằng an và phúc lành cho Muhammad, cho dòng dõi của Người và các vị Sahabah của Người.

Quả thật, tôi đã đọc bức thông điệp này. Nó có tựa đề “At-Tawhid Al-Muyassir” “Giáo Lý Độc Thần theo một cách đơn giản và dễ hiểu” do Sheik Abdullah bin Ahmad Al-Haweel biên soạn, là một bức thông điệp giá trị xoay quanh các chủ đề: Khái niệm về Tawhid (giáo lý độc thần), sự thờ phượng, ân phúc của thờ phượng và các thí dụ về các loại thờ phượng chỉ dành riêng cho Allah duy nhất; trong bức thông điệp này, tác giả còn có đề cập đến một số hình thức Shirk (gán ghép cho Allah đối tác ngang hàng) và những gì làm ảnh

hưởng cũng như khiến mất dần đi tính độc thần đích thực về Allah. Tôi khuyên rằng bức thông điệp này nên được in ấn, tuyên truyền và phân phát đến những nơi mà ở đó vẫn còn nhiều hình thức Shirk đang tồn tại một cách rất phổ biến do sự thiếu hiểu biết và bắt chước một cách mù quáng. Mong rằng với bức thông điệp này, Allah, Đấng Tối Cao và Nhân Từ sẽ ban lợi ích đến những ai ham muốn điều tốt đẹp và phúc lành.

وَصَلَّى اللّٰهُ وَسَلَّم عَلَى نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِهِ وَأَصْحَابِهِ

Và tôi cầu xin sự bằng an và phúc lành cho Nabi của chúng ta Muhammad, cho dòng dõi của Người và các vị Sahabah của Người.

Ngày 25 - 03 - 1425 Hijr

Abdullah bin Abdur Rahman Al-Jibreen

Lời Khen Của Sheikh Khalid Al-Muslih

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah

Đáng rất mực ĐỘ lượng

Đáng rất mực Khoan dung

الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ، وَأُصَلِّيَ وَأُسَلِّمُ عَلَى الْمَبْعُوثِ

رَحْمَةً لِّلْعَالَمِينَ، نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِهِ وَأَصْحَابِهِ أَجْمَعِينَ، وَبَعْدُ:

Mọi lời ca ngợi và tán dương kính dâng Allah, Đáng Chủ Tể của toàn vũ trụ, cầu xin bằng an và phúc lành cho vị được cử phái đến để mang sự độ lượng và nhân từ của Ngài cho toàn vũ trụ, vị Nabi của chúng ta Muhammad, và cho dòng dõi của Người cùng tất cả các vị Sahabah của Người.

Quả thật tôi đã có xem qua những gì mà người anh em của chúng ta Sheikh Abdullah bin Ahmad Al-Haweel đã viết trong quyển sách có nhan đề “At-Tawhid Al-Muyassir”. Thật tình tôi lấy làm vui mừng khi nhìn thấy cách trình bày của nó rất đơn giản mà dễ hiểu, người trình bày nó đúng là một người thầy giỏi và khéo léo. Và quả thật, việc trình bày đơn giản giúp

người học dễ hiểu là mục đích của giáo lý Islam, bởi lẽ Allah, Đấng Tối Cao đã phán:

﴿وَلَقَدْ يَسَّرْنَا الْقُرْآنَ لِلذِّكْرِ فَهَلْ مِنْ مُدَكِّرٍ﴾ (سورة القمر: الآية 32)

﴿Và TA đã làm cho Qur'an dễ hiểu và dễ nhớ. Thế có ai nhớ chẳng?﴾ (Chương 54 – Al-Qamar, câu 32).

Và Nabi ﷺ có nói:

« إِنَّمَا بُعِثْتُمْ مُبَسِّرِينَ وَلَمْ تُبْعَثُوا مُعَسِّرِينَ » (رواه أبو داود
والترمذي وأحمد)

“Quả thật, các người (cộng đồng Muslim) được lệnh phải cư xử dễ dãi với mọi người chứ không phải gây khó khăn và phức tạp cho mọi người.” (Abu Dawood, At-Tirmizhi, và Ahmad).

Và trong bộ Sahih Al-Bukhari, Hadith được thuật lại từ Abu Huroiroh رضي الله عنه và trong bộ Muslim, Hadith được thuật lại từ Jabir رضي الله عنه, rằng Nabi ﷺ cũng có nói:

«إِنَّ اللَّهَ لَمْ يَبْعَثْنِي مُعْتَبًا وَلَا مُتَعْتَبًا وَلَكِنْ بَعَثَنِي مُعَلِّمًا
مُبَسِّرًا»

“Quả thật, Allah không cử ta đến để gây khó khăn và khốn đốn cho mọi người mà ta được cử đến để truyền dạy một cách dễ hiểu cho mọi người.”

Do đó, giáo luật Islam, một giáo luật ân phúc được đặt trên cơ sở dễ hiểu, đơn giản trong việc tiếp thu và thực hành. Nó phù hợp cho toàn thể mọi hạng người và quả thật, nó là giáo luật dành cho toàn thể nhân loại.

Và những gì mà người anh em của chúng ta, Sheikh Abdullah, đã bỏ ra công sức quả thật là một việc làm rất tốt và có ý nghĩa nên được cảm kích, đặc biệt là trong việc trình bày giúp người bề tôi có thể học hỏi và tìm hiểu kiến thức nền tảng của Islam “Kiến thức về Tawhid (giáo lý độc thần)” một cách đơn giản và dễ hiểu, qua đó, y có thể biết được chân lý của Allah, cái mà nó đã cải thiện cuộc sống trần gian và đời sau.

Tôi cầu xin Allah phù hộ cho tất cả chúng ta và cho người anh em (tác giả của quyển sách) sự thành công và ngay chính trong lời nói cũng như trong hành động. Và xin Ngài hãy ban điều hữu ích cho sự nỗ lực đầy ân phúc này.

Khalid bin Abdullah Al-Muslih

10/05/1424 Hijr

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Lời Mở Đầu

الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ وَالصَّلَاةُ وَالسَّلَامُ عَلَى خَاتَمِ الْأَنْبِيَاءِ وَالْمُرْسَلِينَ نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِهِ وَأَصْحَابِهِ أَجْمَعِينَ، وَبَعْدُ:

Mọi lời ca ngợi và tán dương kính dâng Allah, Đấng Chủ Tể của toàn vũ trụ. Cầu xin bằng an và phúc lành cho vị Nabi, vị Thiên Sứ cuối cùng, Nabi của chúng ta Muhammad và cho dòng dõi của Người và tất cả những vị Sahabah của Người...

Đây là một sự tóm tắt hữu ích, tổng hợp mọi vấn đề bổ ích và cần thiết trong chủ đề “Tawhid” (Giáo lý độc thần), cái mà không có nó thì Allah sẽ không chấp nhận mọi hành động thờ phượng của người bề tôi và cũng sẽ không hài lòng đối với y trừ phi nó phải được khẳng định một cách kiên định trong lòng y.

Và quả thật, bài viết tóm tắt ngắn gọn này gồm các nguyên tắc cơ bản cùng với sự phân loại giúp người đọc phân biệt, tập trung và dễ dàng tiếp thu vào trí nhớ của mình.

Và bất kỳ một điều gì khi muốn tiếp thu được nó thì phải nắm rõ hai điều thiết yếu của nó:

- 1- Bản chất của nó.
- 2- Làm rõ điều ngược lại với bản chất của nó.

Tôi tập trung vào việc giải thích và làm rõ bản chất của “Tawhid”; tôi phân tích, lý giải các giáo lý nền tảng của nó và các dạng thức của nó. Sau đó, tôi đề cập và xác định những gì đi ngược lại với Tawhid và đó là “Shirk” (Sự gán ghép cùng với Allah một đối tác ngang hàng). Tôi đã định nghĩa, giải thích và làm rõ toàn diện bức tranh của Tawhid, các dạng của nó cũng như các giáo luật về nó.

Đổi lập để lộ ra vẻ đẹp của điều ngược lại;

Và với nó các sự việc sẽ được bộc lộ rõ ràng.

Và chắc chắn vẻ đẹp của Tawhid và ân phúc của nó sẽ không được bộc lộ rõ nét nếu như chưa nhận biết được cái xấu xa của Shirk và sự nguy hiểm của nó.

Ngoài ra, bài viết tóm tắt ngắn gọn này còn chứa đựng các luận điểm quan trọng khác liên quan đến Tawhid, không có chúng thì sự nhận thức Tawhid cũng chưa thể trọn vẹn.

Và quả thật, tôi đã cố gắng trình bày, sắp xếp, bố trí cũng như phân loại các vấn đề của Tawhid theo một cách rất đơn giản và dễ hiểu, đồng thời, trích dẫn các bằng chứng để làm cơ sở cho người đọc có thể dễ dàng tiếp thu và hiểu được trọn vẹn.

Tôi đã cố tránh những gì rườm rà mà chỉ diễn đạt và nói một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa. Và tôi đã đặt tên cho bức thông điệp này với tựa đề đúng

theo những gì tôi trình bày “Al-Tawhid Al-Muyassir” “Giáo lý Tawhid – Đơn giản và dễ hiểu”.

Và những gì tôi nói đúng thì nó quả thật đến từ Allah, một mình Ngài, còn những gì sai sót và nhầm lẫn là do sự yếu kém và sơ suất của bản thân tôi và Shaytan.

Và quả thật, tôi đã tập hợp và tóm tắt bức thông điệp ngắn gọn này từ những sách và tài liệu của các Ulama (học giả) có tư tưởng và quan điểm đồng nhất, và tôi đã gọi nó là “Al-Tawhid Al-Muyassir”. Cầu xin Allah, Đấng Phù hộ và Toàn năng ban điều hữu ích cho nó và xin Ngài hãy đặt nó lên đĩa cân của những việc tốt đẹp và công đức vào Ngày gặp lại Ngài.

وَصَلَّى اللهُ وَسَلَّمَ عَلَى نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِهِ وَصَحْبِهِ وَسَلَّمَ

Cầu xin Allah ban sự bằng an và phúc lành cho Nabi của chúng ta, Muhammad, và cho dòng dõi của Người, và các vị Sahabah của Người.

Abdullah Bin Ahmad Alhaweel

Al-Riyadh

P.O.Box 345169, post code 11381

Email: Alhaweel@hotmail.com

Mobile: 00966 558850025

Khái Niệm Tawhid

✿ Theo nghĩa của từ:

Tawhid “توحيد” là danh từ được biến thể từ động từ “وَحَّدَ” “Wahhada” có nghĩa là làm cho cái gì đó, sự việc gì đó thành một thứ duy nhất, một điều duy nhất.

✿ Thí dụ:

Khi chúng ta nói: Không một ai được phép rời khỏi nhà ngoại trừ Muhammad. Có nghĩa là chúng ta chỉ cho phép duy nhất một mình Muhammad rời khỏi nhà. Tương tự, khi chúng ta nói: “Không ai được đứng dậy khỏi chỗ ngồi ngoại trừ Khalid mà thôi” thì tức là chúng ta chỉ muốn một mình Khalid đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

✿ Theo thuật ngữ của giáo luật:

Tawhid có nghĩa là sự độc tôn Allah, Đấng Tối Cao, Chúng nhận Ngài là Đấng Duy Nhất trong:

1- Ar-Rububiyah (Trong việc tạo hóa, điều hành vũ trụ và mọi vạn vật, cung dưỡng cho mọi sự sống...)

2- Al-Ulu-hiyah (Đáng được mọi tạo vật phải thờ phượng và kính sợ)

3- Al-Asma’ Was Sifa-t (Có những đại danh và thuộc tính hoàn mỹ và tuyệt đối).

Các Dạng Tawhid

Tawhid được chia thành ba dạng:

- 1- Tawhid Ar-Rububiyah
- 2- Tawhid Al-Uluhiyah
- 3- Tawhid Al-Asma' Was Sifa-t

Khái niệm và làm rõ từng dạng Tawhid

1- Tawhid Ar-Rububiyah

Khái niệm:

- Tawhid Ar-Rububiyah là chứng nhận Allah là Đấng Duy Nhất trong việc Tạo hóa, Chế ngự, và Điều hành vũ trụ và mọi vạn vật.

- Hoặc có thể nói: Tawhid Ar-Rububiyah là chứng nhận Allah là Đấng Duy Nhất vận hành vũ trụ và mọi vạn vật. Tiêu biểu về sự vận hành của Ngài: Tạo hóa, cung dưỡng, làm cho sống, làm cho chết, ban mưa xuống, làm mọc ra cây cối, ...

Dẫn chứng:

(الأعراف : ٥٤) ﴿أَلَا لَهُ الْخَلْقُ وَالْأَمْرُ﴾

﴿**Chẳng phải mọi sự Tạo Hóa và Chỉ Huy đều ở nơi Ngài đó sao !**﴾ (Chương 7 – Al-Araf, câu 54)

﴿**وَلِلَّهِ مُلْكُ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ وَاللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ**﴾ (آل عمران: ١٨٩)

﴿**Và Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Và Allah có quyền chi phối trên tất cả mọi thứ**﴾ (Chương 3 - Ali-Imran, câu 189)

﴿**قُلْ مَنْ يَرْزُقُكُمْ مِنَ السَّمَاءِ وَالْأَرْضِ أَمْ مَنْ يَمْلِكُ السَّمْعَ وَالْأَبْصَارَ وَمَنْ يُخْرِجُ الْحَيَّ مِنَ الْمَيِّتِ وَيُخْرِجُ الْمَيِّتَ مِنَ الْحَيِّ وَمَنْ يُدِيرُ الْأَمْرَ فَسَيَقُولُونَ اللَّهُ فَقُلْ أَفَلَا تَتَّقُونَ**﴾ (يونس : ٣١)

﴿**Hãy hỏi họ: “Ai cấp dưỡng cho các người từ trên trời và dưới đất? Ai nắm quyền kiểm soát thính giác và thị giác của các người? Và ai đưa cái sống ra từ cái chết và đưa cái chết ra khỏi cái sống? Và quản lý điều hành mọi hoạt động của vũ trụ và vạn vật? Họ sẽ trả lời: “Allah”. Vậy hãy bảo họ: Thế các người không sợ Ngài hay sao ?**﴾ (Chương 10 – Yunus, câu 31).

2- Tawhid Al-Uluhiyah (hay còn gọi là Tawhid Al-Iba-dah)

Khái niệm:

Tawhid Al-Uluhiyah là chứng nhận Allah là Đấng Duy Nhất đáng được thờ phượng.

Một số hình thức thờ phượng tiêu biểu như dâng lễ nguyện Salah, nhịn chay, đi hành hương Hajj, sự phò thác, sự nguyện thề, sự kính sợ, niềm hy vọng, tình yêu thương, ...

Dẫn chứng:

﴿وَمَا خَلَقْتُ الْجِنَّ وَالْإِنْسَ إِلَّا لِيَعْبُدُونِ﴾ (الذاريات : ٥٦)

﴿Và TA đã tạo ra loài Jinn và loài người chỉ để chúng thờ phượng TA﴾ (Chương 51 – Al-Zhariyat, câu 56)

﴿وَاعْبُدُوا اللَّهَ وَلَا تُشْرِكُوا بِهِ شَيْئًا﴾ (النساء: ٣٦)

﴿Và hãy thờ phượng Allah và chớ đừng tổ hợp với Ngài một thứ gì﴾ (Chương 4 – Annisa’, câu 36).

﴿وَمَا أَرْسَلْنَا مِنْ قَبْلِكَ مِنْ رَسُولٍ إِلَّا نُوحِي إِلَيْهِ أَنَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنَا

فَاعْبُدُونِ﴾ (الأنبياء: ٢٥)

﴿Và không một Sứ giả nào được TA cử phái đến trước Người (Muhammad) mà không được TA mặc khải ra lệnh cho y nói: “Không có Thượng Đế nào khác mà chỉ có TA duy nhất, bởi thế hãy thờ

phượng một mình TA.”﴾ (Chương 21 – Al-Anbiya’, câu 25).

3- Tawhid Al-Asma’ Was Sifa-t:

Khái niệm:

Tawhid Al-Asma’ Was Sifa-t là chứng nhận tất cả những tên gọi và thuộc tính mà Allah hay Thiên Sứ của Ngài Muhammad ﷺ đã miêu tả về Ngài đích thực là những đại danh thiêng liêng và toàn mỹ, những thuộc tính của Ngài là tuyệt đối hoàn hảo, siêu đẳng, tối cao và quyền lực; không được so sánh, suy diễn và tưởng tượng (như thế nào, ra làm sao).

Dẫn chứng:

﴿لَيْسَ كَمِثْلِهِ شَيْءٌ وَهُوَ السَّمِيعُ الْبَصِيرُ﴾ (الشورى: ١١)

﴿**Không có thứ gì giống Ngài và Ngài là Đấng Hằng Nghe và Hằng Thấy**﴾ (Chương 42 - Ash-Shura, câu 11).

﴿وَلِلَّهِ الْأَسْمَاءُ الْحُسْنَىٰ فَادْعُوهُ بِهَا وَذَرُوا الَّذِينَ يُلْحِدُونَ فِي

أَسْمَائِهِ سَيُجْزَوْنَ مَا كَانُوا يَعْمَلُونَ﴾ (الأعراف: ١٨٠)

﴿Allah có các tên gọi tốt đẹp nhất. Do đó, hãy cầu xin Ngài với các tên gọi đó. Và hãy lánh xa những kẻ bóp méo tên gọi của Ngài. Rồi họ sẽ lãnh đủ sự trừng phạt về tội của họ﴾ (Chương 7 – Al-A’raf, câu 180).

Những Điều Hữu Ích Quan Trọng

Thứ nhất: Ba dạng thức của Tawhid luôn phải hiện diện cùng với nhau. Mỗi một dạng thức riêng lẻ không mang lại giá trị cho một tín đồ. Người nào chỉ thừa nhận một hay hai trong ba dạng thức của Tawhid mà bỏ đi dạng thức còn lại thì Tawhid của người đó không có giá trị.

Thứ hai: Quả thật, những kẻ ngoại đạo mà Thiên sứ của Allah ﷺ đã chiến đấu với họ, cũng thừa nhận dạng Tawhid Ar-Rububiyah. Họ thừa nhận rằng Allah là Đấng Tạo hóa, Đấng Cung dưỡng, Đấng làm cho sống và làm cho chết, Đấng ban điều lành và gây điều dữ, Đấng Chế ngự và Điều hành mọi sự việc. Tuy nhiên, điều đó không làm họ trở thành những tín đồ của Islam. Bằng chứng cho sự việc đó là lời phán của Allah:

﴿قُلْ مَنْ يَرْزُقُكُمْ مِنَ السَّمَاءِ وَالْأَرْضِ أَمْ مَنْ يَمْلِكُ السَّمْعَ
وَالْأَبْصَارَ وَمَنْ يُخْرِجُ الْحَيَّ مِنَ الْمَيِّتِ وَيُخْرِجُ الْمَيِّتَ مِنَ الْحَيِّ
وَمَنْ يَدِيرُ الْأَمْرَ فَسَيَقُولُونَ اللَّهُ فَقُلْ أَفَلَا تَتَّقُونَ﴾ (يونس : ٣١)

﴿**Hãy hỏi họ: “Ai cấp dưỡng cho các người từ trên trời và dưới đất? Ai nắm quyền kiểm soát thính giác và thị giác của các người? Và ai đưa cái sống ra từ cái chết và đưa cái chết ra khỏi cái sống? Và quản lý điều hành mọi hoạt động của vũ trụ và vạn vật? Họ sẽ trả lời: “Allah”. Vậy hãy bảo họ: Thế các người không sợ Ngài hay sao ?”**﴾ (Chương 10 – Yunus, câu 31).

Thứ ba: Dạng Tawhid Al-Uluhiyah là mục đích truyền giáo của các vị Thiên Sứ. Bởi quả thật, nó là nền tảng thiết yếu cho tất cả mọi việc làm và mọi hành vi. Không có nó, tức nếu như nó không được khẳng định và xác nhận thì tất cả mọi hành vi cũng như mọi việc làm đều trở nên vô ích. Và nếu như nó thực sự không được xác nhận thì điều ngược lại với nó chắc chắn xảy ra và đó là Shirk (sự thờ đa thần tức gán ghép với Allah một đối tác ngang hàng để thờ phượng), và sự tranh luận giữa các vị Thiên Sứ với các cộng đồng của họ sẽ làm thay đổi giáo lý Tawhid này. Do đó, bắt buộc phải luôn gìn giữ nó, đồng thời học hỏi những vấn đề của nó và phải hiểu nền tảng của nó.



Tâm Quan Trọng Của Tawhid & Ân Phúc của nó

1- Tawhid là trụ cột vĩ đại nhất trong các trụ cột của Islam. Nó là xương chống đỡ cho toàn cơ thể của Islam. Một người không thể gia nhập Islam nếu như không chứng nhận lời tuyên thệ của Tawhid, tức phải xác nhận rằng Đáng đáng được thờ phượng chỉ có Allah duy nhất và phủ nhận tất cả những thần linh khác ngoài Ngài.

Nabi Muhammad ﷺ nói: “Islam được dựng trên năm trụ cột:

- Lời chứng nhận không có Đáng thần linh nào khác ngoài Allah và Muhammad là vị Sứ giả của Allah,
- Dâng lễ nguyện Salah,

- Đóng Zakah,
- Nhịn chay Ramadan,
- Hành hương ngôi đền Ka'bah”. (Hadith được thống về tính xác thực của nó)

2- Tawhid là điều quan trọng nhất trong các điều quan trọng và là một điều bắt buộc đầu tiên. Nó phải đi đầu trước mỗi một hành động, mỗi một việc làm, cũng như nó luôn là cái quan trọng đứng đầu trong các điều quan trọng, bởi sự thiêng liêng và vĩ đại của nó.

Tawhid là điều đầu tiên được Nabi ﷺ ra lệnh cho Mu-a-zh ﷺ phải kêu gọi mọi người đến với nó khi Người cử phái ông đến xứ Yemen, Người ﷺ nói:

« إِنَّكَ تَأْتِي قَوْمًا مِنْ أَهْلِ الْكِتَابِ. فَادْعُهُمْ إِلَى شَهَادَةِ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ » وفي رواية «إِلَى أَنْ يُوحِّدُوا اللَّهَ» (متفق عليه)

“Người hãy đến cộng đồng của người dân kinh sách. Hãy kêu gọi họ đến với sự chứng nhận rằng không có thần linh nào khác ngoài Allah” và có lời ghi khác “đến với việc độc thần hóa Allah.” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).

3- Các hình thức thờ phượng sẽ không được thừa nhận nếu không có Tawhid. Bởi Tawhid là điều

kiện mang lại giá trị cho thờ phượng, là cơ sở để thờ phượng được chấp nhận, và thờ phượng sẽ không được gọi là thờ phượng nếu nó không đi cùng với Tawhid, giống như lễ nguyện Salah sẽ không được gọi là lễ nguyện Salah nếu như nó không đi cùng với Taha-rah (việc tẩy rửa làm sạch thân thể khi muốn dâng lễ nguyện Salah). Do đó, khi nào Shirk bước vào thì thờ phượng sẽ bị hư không còn giá trị nữa, giống như khi nào Hadath (đại tiện, tiểu tiện) bước vào Taha-rah. Và việc thờ phượng mà không có Tawhid sẽ trở thành Shirk (thờ đa thần), nó hủy hoại và làm rơi mất hết giá trị của mọi việc làm, và nó khiến chủ nhân của nó sẽ phải bị đày trong Hỏa Ngục đời đời, kiếp kiếp.

4- Tawhid mang lại sự an bình, thanh tịnh và được hướng dẫn đúng với chân lý trên trần gian và cõi đời sau. Bằng chứng cho điều này là lời phán dạy của Allah, Đáng Tội Cao:

﴿الَّذِينَ ءَامَنُوا وَلَمْ يَلْبِسُوا ءِيمَانَهُمْ بِظُلْمٍ أُولَٰئِكَ لَهُمُ الْأَمْنُ وَهُمْ

مُهْتَدُونَ﴾ (الأنعام : ٨٢)

﴿**Những ai có đức tin mà không trộn lẫn đức tin thuần túy của họ với điều sai trái, họ là những người sẽ được an toàn nhất bởi vì họ được hướng dẫn đúng theo Chính đạo.**﴾ (Chương 6. Al-An'am, câu 82).

Và điều sai trái ở đây có nghĩa là Shirk (Việc tôn thờ đa thần) như đã được Nabi ﷺ giải thích.⁽¹⁾

Học giả Ibnu Kathir ﷺ nói: “Có nghĩa là những ai thành tâm thờ phượng chỉ duy nhất một mình Allah không tỏ hợp cùng với Ngài một đối tác ngang hàng và cũng không gán ghép với Ngài một điều gì thì những người đó sẽ là những người được an toàn vào Ngày Phán Xét, họ sẽ được hướng dẫn đúng theo đúng Chính đạo ở trần gian này và cõi đời sau. Bởi vậy, vào Ngày sau, người nào trở về với đức tin của Tawhid trọn vẹn thì người đó sẽ thanh thản, bình an và được hướng dẫn một cách trọn vẹn, y sẽ được vào Thiên Đàng và không bị trừng phạt”.

Và Shirk là một điều bất công nhất trong các điều bất công, còn Tawhid là một điều công bằng nhất trong các điều công bằng.

5- Tawhid là nguyên nhân được vào Thiên Đàng và thoát khỏi hình phạt của Hỏa Ngục.

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« مَنْ شَهِدَ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ وَأَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ، وَأَنَّ عِيسَى عَبْدُ اللَّهِ وَرَسُولُهُ، وَكَلِمَتُهُ أَلْقَاهَا إِلَى مَرْيَمَ

⁽¹⁾ Trong bộ Al-Bukhari (2/484) từ Hadith được thuật lại từ Ibnu Mas-ud ﷺ (cầu xin Allah hải lòng về ông)

وَرُوحٌ مِنْهُ، وَالْجِنَّةُ حَقٌّ وَالنَّارُ حَقٌّ، أَدْخَلَهُ اللَّهُ الْجَنَّةَ عَلَى مَا كَانَ
مِنَ الْعَمَلِ « (متفق عليه)

“Ai chứng nhận không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah duy nhất, Đấng không có đối tác cùng Ngài, và Muhammad là bê tôi và Sứ giả của Ngài, Ysa là bê tôi và Sứ giả của Ngài, Ngài cho Ngôn từ của Ngài truyền đến Mar-yam và linh hồn là từ nơi Ngài, Thiên Đàng là sự thật, Hỏa Ngục là sự thật, thì người đó sẽ được Allah thu nhận vào Thiên Đàng theo những việc làm mà y đã làm.” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).

« فَإِنَّ اللَّهَ حَرَّمَ عَلَى النَّارِ مَنْ قَالَ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ. يَبْتَغِي بِذَلِكَ وَجْهَ
اللَّهِ » (متفق عليه)

“Quả thật, Allah đã nghiêm cấm Hỏa Ngục đùng đến ai nói "لا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ" "không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah" với lòng thành tâm vì Allah.” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).

6- Tawhid sẽ giúp chiến thắng những điều họa trên trần gian và ở đời sau.

Học giả Ibnu Al-Qayyim رحمته الله nói: “*Tawhid sẽ cứu rỗi kẻ thù của nó và những người bạn của nó*”.

- Đối với kẻ thù của nó: Nó đã cứu họ thoát khỏi những tai họa và rủi ro trên trần gian này, Allah, Đấng Tối cao phán:

﴿فَإِذَا رَكِبُوا فِي الْفُلِكِ دَعَوْا اللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ فَلَمَّا نَجَّاهُمْ إِلَى

الْبَرِّ إِذَا هُمْ يُشْرِكُونَ﴾ (العنكبوت: ٦٥)

﴿Bởi thế, khi chúng lên tàu (ra khơi), chúng cầu nguyện Allah, dâng trọn cả đức tin nơi Ngài. Nhưng khi Ngài cứu chúng lên bờ an toàn thì chúng lại thờ những thần linh khác cùng với Ngài﴾ (Chương 29. Al-Ankabut, câu 65).

- Đối với những người bạn của nó: Nó sẽ cứu rỗi họ thoát khỏi tai họa ở trần gian và cả đời sau và đây là con đường mà Allah đã dành riêng cho những bề tôi của Ngài, không có một thứ chi có thể ngăn chặn những tai họa của trần gian giống như Tawhid, bởi lẽ đó mà sự cầu nguyện nên bằng Tawhid, và sự cầu nguyện của vị Nabi gặp nạn trong bụng của con cá voi cũng được Allah giải thoát bằng Tawhid.

Và không một đại nạn kiếp nào xảy đến mà không phải do Shirk, và không có gì có thể cứu rỗi thoát khỏi nạn kiếp ngoại trừ Tawhid. Do đó, Tawhid sẽ che chở, phù hộ và ban phúc cho mọi chúng sinh.

7- Tawhid là mục đích cho việc tảo hóa ra loài người và loài Jinn.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَا خَلَقْتُ الْجِنَّ وَالْإِنْسَ إِلَّا لِيَعْبُدُونِ﴾ (الذريات : ٥٦)

﴿Và TA đã tạo ra loài Jinn và loài người chỉ để thờ phượng một mình TA﴾ (Chương 51. Azh-Zhariyat, câu 56).

Và không một vị Thiên Sứ nào được cử phái đến, không một kinh sách nào được ban xuống, không một giáo luật nào được sắc lệnh, cũng như không một tạo vật nào được tạo ra mà không với mục đích để tôn thờ một mình Allah, Đấng Duy nhất.



لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ

La ila-ha illallah

**((Không Có Thượng Đế Đích Thực
Nào Khác Ngoài Allah))**

❁ **Dẫn chứng:**

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿شَهِدَ اللَّهُ أَنَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ وَالْمَلَائِكَةُ وَأُولُو الْعِلْمِ قَائِمًا

بِالْقِسْطِ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْعَزِيزُ الْحَكِيمُ﴾ (آل عمران : ١٨)

﴿Allah tự xác nhận Ngài, các thiên thần và những người hiểu biết đều làm chứng rằng không có

Thượng Đế nào khác mà duy nhất chỉ có Allah. Không có Thượng Đế nào khác mà chỉ có Ngài, Đấng Toàn năng, Đấng Chí minh. ﴿Chương 3. Ali-Imran, câu 18).

﴿فَاعْلَمْ أَنَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ﴾ (محمد : ١٩)

﴿**Hãy biết rằng không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah cả.**﴾ (Chương 47. Muhammad, câu 19).

☀ **Ý nghĩa của câu " لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ " là**

Không có Đấng thờ phượng đích thực nào mà chỉ duy nhất một mình Allah.

☀ **Các ý nghĩa lệch lạc khác về " لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ ":**

1- **Không có Đấng thờ phượng nào khác ngoài Allah.** Câu nói này không đúng vì nó được hiểu là: Allah là Đấng thờ phượng nhưng bao hàm dụng ý rằng có thể Ngài là Đấng thờ phượng đích thực và cũng có thể là Đấng thờ phượng hư tạo.

2- **Không có Đấng Tạo Hóa ngoài Allah.** Câu này chỉ mang một phần ý nghĩa nhưng không phải là ý nghĩa thực sự của nó, bởi vì, nếu mà câu này là ý nghĩa của " لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ " thì quả thật đã không xảy ra sự tranh

cải giữa Nabi ﷺ và người dân của Người bởi lẽ họ cũng chứng nhận điều này.

3- Không có Đấng quyền lực nào khác ngoài Allah. Câu này cũng chỉ mang một phần ý nghĩa không phải là ý nghĩa thực sự của nó, bởi vì, nếu chỉ độc tôn Allah về quyền lực mà thờ phượng những gì khác ngoài Ngài thì như vậy cũng đã thành Tawhid, còn gì đáng nói.

❁ **Hai thành phần chính của câu "لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ" được coi như hai trụ cột thiết yếu.**

1- Sự phủ định: (لَا إِلَهَ) (Không có Thượng Đế nào), tức phủ định tất cả mọi thần linh được thờ phượng khác ngoài Allah.

2- Sự khẳng định: (إِلَّا اللَّهُ) (mà chỉ có Allah), tức khẳng định Allah mới là Thượng Đế đích thực đáng được thờ phượng, không có đối tác cùng Ngài.

Bằng chứng cho hai trụ cột thiết yếu trên là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿فَمَنْ يَكْفُرْ بِالطَّاغُوتِ وَيُؤْمِنْ بِاللَّهِ فَقَدِ اسْتَمْسَكَ بِالْعُرْوَةِ

الْوُثْقَى﴾ (Bقرة : ٢٥٦)

﴿**Ai phủ nhận Tà thần và tin tưởng nơi Allah thì chắc chắn sẽ nắm vững chiếc cán (của sợi dây cứu rỗi)**﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 256). ﴿**Ai phủ nhận Tà thần**﴾ là sự phủ định, trụ cột thứ nhất, ﴿**và tin tưởng nơi Allah**﴾ là sự khẳng định, trụ cột thứ hai.

Và Allah cũng phán ở câu kinh khác:

﴿وَإِذْ قَالَ إِبْرَاهِيمُ لِأَبِيهِ وَقَوْمِهِ إِنَّنِي بَرَاءٌ مِّمَّا تَعْبُدُونَ ﴿٢٦﴾ إِلَّا الَّذِي فَطَرَنِي فَإِنَّهُ سَيَهْدِينِ﴾ (الزخرف: ٢٦ - ٢٧)

﴿**Và khi Ibrahim thưa với phụ thân và người dân của y: “Quả thật, tôi vô can về những gì mà các vị tôn thờ, ngoại trừ Đấng đã sáng tạo ra tôi, và quả thật, Ngài sẽ hướng dẫn tôi.”**﴾ (Chương 43 Az-Zukhruf, câu 26 – 27). ﴿**Quả thật, tôi vô can về những gì mà các vị tôn thờ**﴾ là sự phủ định, ﴿**ngoại trừ Đấng đã sáng tạo ra tôi**﴾ là sự khẳng định.

❁ **Khi nào câu nói " لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ " của một người mang lại giá trị hữu ích cho y?**

1- Khi y biết và hiểu rõ nội dung ý nghĩa của nó.

2- Và hành động theo những gì nó yêu cầu (đó là từ bỏ việc thờ phượng những gì khác Allah mà chỉ thờ phượng Allah, một mình Ngài duy nhất).



Các Điều Kiện Cần Cho Câu ((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ)) ((La ila-ha illallah))

❁ Sau đây là toàn bộ các điều kiện cần của nó:

Câu ((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ)) sẽ không mang lại ý nghĩa gì cho người nói nếu như các điều kiện cần của nó không được y xác nhận. Và các điều kiện cần này gồm cả bảy tám điều:

- 1- Sự hiểu biết, phủ định sự ngu dốt.
- 2- Sự kiên định, phủ định sự ngờ vực.

3- Ikhla-s (Trung thành tôn thờ một Đấng duy nhất), phủ định Shirk (Tôn thờ đa thần).

4- Sự trung thực, phủ định sự dối trá.

5- Tình yêu thương, phủ định sự ghét bỏ.

6- Sự noi theo, phủ định sự ngoảnh mặt làm ngơ.

7- Chấp nhận, phủ định sự phản kháng.

8- Phủ nhận tất cả những gì tôn thờ khác Allah.

❁ Bài thơ để ghi nhớ về tám điều trên:

Hiểu, kiên, trung thành và chân thật.

Tình yêu, vâng mệnh, và chấp thuận.

Thêm vào cho đủ tám điều chắc:

Phủ nhận thần linh khác ngoài Ngài.

❁ Giải thích chi tiết các điều kiện trên:

1- Hiểu biết, phủ định sự ngu dốt:

Ý nghĩa là phải hiểu biết rõ ràng nội dung ý nghĩa của ((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ)) rằng nó là sự phủ định và khẳng định. Bằng chứng cho điều kiện này là lời phán của Allah:

﴿فَاعْلَمْ أَنَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ﴾ (محمد : ١٩)

﴿**Hãy biết rằng quả thật không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah cả.**﴾ (Chương 47. Muhammad, câu 19).

2- Kiên định, phủ định sự ngờ vực.

Người nói ((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ)) phải hoàn toàn kiên định rằng Allah là Đấng thờ phượng đích thực, không có bất kỳ sự nghi ngờ nào. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿إِنَّمَا الْمُؤْمِنُونَ الَّذِينَ ءَامَنُوا بِاللَّهِ وَرَسُولِهِ ثُمَّ لَمْ يَرْتَابُوا وَجَاهَدُوا بِأَمْوَالِهِمْ وَأَنْفُسِهِمْ فِي سَبِيلِ اللَّهِ أَوْ لَتَيْكَ هُمْ الصَّادِقُونَ﴾
(الحجرات : ١٥)

﴿**Chỉ những ai tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài, rồi không nghi ngờ điều gì và họ sẽ chiến đấu bằng cả tài sản lẫn sinh mạng của họ cho con đường Chính đạo của Allah mới là những người có đức tin. Họ mới là những người chân thật.**﴾ (Chương 49. Al-Hujurat, câu 15).

3- Ikhlā-s (Trung thành tôn thờ một Đấng duy nhất), phủ định Shirk (Tôn thờ đa thần):

Tuyệt đối trung thành và chân tâm hướng về một mình Allah duy nhất trong việc thờ phượng, không

được chuyển hướng đến một thứ gì khác ngoài Ngài. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَا أُمُورًا إِلَّا لِيَعْبُدُوا اللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ حُنَفَاءَ﴾ (البينة: ٥)

﴿Và họ được lệnh chỉ phải thờ phượng riêng Allah, triệt để thần phục Ngài một cách chính trực.﴾
(Chương 98. Albayyinah, câu 5).

4- Trung thực, phủ định sự dối trá:

Một người khi nói ((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ)) thì tâm của y phải chân thật với lời nói của y. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿الْم ۝ أَحْسِبَ النَّاسَ أَنْ يُتْرَكُوا أَنْ يَقُولُوا ءَامَنَّا وَهُمْ لَا يُفْتَنُونَ ۝ وَلَقَدْ فَتَنَّا الَّذِينَ مِنْ قَبْلِهِمْ فَلَيَعْلَمَنَّ اللَّهُ الَّذِينَ صَدَقُوا وَلَيَعْلَمَنَّ الْكٰذِبِينَ﴾ (العنكبوت: ١ - ٣)

﴿Alif. La-m. Mi-m. Phải chăng con người nghĩ rằng họ sẽ được yên thân khi nói: “Chúng tôi tin tưởng” và sẽ không bị thử thách hay sao? Và quả thật, TA đã thử thách những người trước họ. Allah muốn

thấy rõ ai là người chân thật và ai là kẻ gian dối.﴾

(Chương 29. Al-‘Ankabut, câu 1 – 3).

5- Tình yêu thương, phủ định sự ghét bỏ:

Người nói ((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ)) phải nói bằng tâm lòng yêu thương Allah và Sứ giả của Ngài ﷺ, và y phải yêu quý lời tuyên thệ này cũng như yêu quý những gì trong nội dung và ý nghĩa của nó. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمِنَ النَّاسِ مَن يَتَّخِذُ مِن دُونِ اللَّهِ أَندَادًا يُحِبُّونَهُمْ كَحُبِّ اللَّهِ وَالَّذِينَ ءَامَنُوا أَشَدُّ حُبًّا لِلَّهِ﴾
(البقرة : ١٦٥)

﴿**Nhưng trong nhân loại, có những kẻ đã dựng những đôi tác ngang hàng cùng với Allah. Họ yêu thương chúng giống với tình yêu họ dành cho Allah. Ngược lại, những ai có đức tin thì yêu thương Allah mạnh hơn.**﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 165).

6- Sự noi theo, phủ định sự ngoảnh mặt làm ngo:

Phải thờ phượng Allah duy nhất theo đúng đường lối giáo luật mà Ngài đã quy định, phải tin tưởng nơi giáo luật đó và phải luôn khẳng định trong lòng rằng nó là chân lý. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَأَنِيبُوا إِلَىٰ رَبِّكُمْ وَأَسْلِمُوا لَهُ﴾ (زمر : ٥٤)

﴿**Hãy quay về sám hối với Thượng Đế của các người và hãy thần phục Ngài (quy thuận Islam)**﴾ (Chương 39. Az-Zumar, câu 54).

7- Chấp nhận, phủ định sự phản kháng:

Phải chấp nhận lời tuyên thệ này và chấp nhận những gì mà câu tuyên thệ hàm chứa trong đó, từ việc toàn tâm thờ phượng Allah duy nhất cho đến việc từ bỏ thờ phượng mọi thần linh khác ngoài Ngài. Allah, Đấng Tối cao phán:

﴿إِنَّهُمْ كَانُوا إِذَا قِيلَ لَهُمْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ يَسْتَكْبِرُونَ ﴿٣٥﴾ وَيَقُولُونَ
أَيْنَا لَتَارِكُوا آلِهَتِنَا لِشَاعِرٍ مَّجْنُونٍ ﴿٣٦﴾﴾ (الصافات : ٣٥ - ٣٦)

﴿**Quả thật, chúng là những kẻ, khi được nhắc: “Không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah” thì chúng tỏ ra ngạo mạn; và chúng bảo:”Chẳng lẽ chúng tôi phải bỏ các thần linh của chúng tôi chỉ vì một tên thi sĩ điên khùng (Muhammad) hay sao ?**﴾ (Chương 37. As-Saffat, câu 35 -36)

8- Phủ nhận tất cả những gì tôn thờ khác Allah.

Tuyệt đối không can hệ và dính líu đến việc thờ phượng các thần linh khác ngoài Allah và phải khẳng định rằng tất cả những gì được thờ phượng ngoài Allah là hư ảo không thực. Allah, Đấng Tối cao phán:

﴿فَمَنْ يَكْفُرْ بِالطَّلُغُوتِ وَيُؤْمِنُ بِاللَّهِ فَقَدِ اسْتَمْسَكَ بِالْعُرْوَةِ
الْوُثْقَى﴾ (بقرة : ٢٥٦)

﴿Ai phủ nhận Tà thần và tin tưởng nơi Allah thì chắc chắn sẽ nắm vững chiếc cán (của sợi dây cứu rỗi).﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 256).



Lời Tuyên Thệ

((أَنَّ مُحَمَّدًا رَسُولُ اللَّهِ))

((Muhammad Là Sứ Giả Của Allah))

☉ Dẫn chứng:

Allah, Đấng Tối cao phán:

﴿لَقَدْ جَاءَكُمْ رَسُولٌ مِّنْ أَنْفُسِكُمْ عَزِيزٌ عَلَيْهِ مَا عَنِتُّمْ

حَرِيصٌ عَلَيْكُمْ بِالْمُؤْمِنِينَ رَءُوفٌ رَّحِيمٌ﴾ (التوبة : ١٢٨)

﴿Quả thật, một Sứ giả xuất thần từ các người đến gặp các người. Y đã buồn rầu khi thấy các người đau khổ, và hết sức lo lắng cho các người. Y đại lượng và khoan dung đối với những người tin tưởng.﴾ (Chương 9. At-Tawbah, câu 128).

﴿وَاللَّهُ يَعْلَمُ إِنَّكَ لَرَسُولُهُ﴾ (المنافقون : ١)

﴿... trong lúc Allah biết Người (Muhammad) thực sự là Sứ giả của Ngài.﴾ (Chương 63. Al-Muna-fiqu-n, câu 1).

✿ Ý nghĩa của lời tuyên thệ: Sự tin tưởng tuyệt đối trong lòng và phải thể hiện bằng lời nói rằng Muhammad là người bè tôi của Allah, là vị Sứ giả của Ngài, được cử phái đến cho hai loài: Con người và Jinn.

✿ Hai trụ cột chính của lời tuyên thệ:

1- Thừa nhận sứ mạng của Nabi Muhammad ﷺ. Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah:

﴿مُحَمَّدٌ رَسُولُ اللَّهِ﴾ (الفتح : ٢٩)

﴿Muhammad là Sứ giả của Allah﴾ (Chương 48. Al-Fath, câu 29).

2- Xác nhận rằng Nabi Muhammad ﷺ là người bề tôi của Allah. Bằng chứng là Allah đã khẳng định thân phận của Người rằng Người chỉ là một người bề tôi cao quý và đức hạnh bởi sứ mạng truyền bá của Người, Allah phán:

﴿وَأَنَّهُ لَمَّا قَامَ عَبْدُ اللَّهِ يَدْعُوهُ كَادُوا يَكُونُونَ عَلَيْهِ لِبَدًا﴾
(الجن: ١٩)

﴿Và quả thật, khi người bề tôi của Allah (Muhammad) đứng cầu nguyện Ngài thì chúng (những kẻ không tin) xúm nhau đến bao quanh Y đông đảo﴾ (Chương 72. Al-Jinn, câu 19).

Do đó, Nabi Muhammad đích thực là một vị Sứ giả không dối trá, đồng thời là một bề tôi chứ không phải là Đấng thờ phượng.

❁ **Các điều kiện cần của lời tuyên thệ và các yêu cầu của nó:**

1- Tuyệt đối tin tưởng những gì Người ﷺ thông tin và mách bảo.

2- Vâng lời theo những gì mà Người ﷺ ra lệnh và chỉ bảo.

3- Tránh xa những gì mà Người ﷺ nghiêm cấm và ngăn cản.

4- Chi thờ phượng Allah theo những gì Người
ﷺ chỉ dạy và hướng dẫn.



Shirk, Khái Niệm & Phân Loại

❁ Định Nghĩa Shirk:

Theo nghĩa của từ, Shirk là sự hợp tác và so sánh.

Theo thuật ngữ giáo luật, Shirk là gán ghép một đối tác ngang hàng cùng với Allah trong những điều mà nó chỉ thuộc về Allah duy nhất.

❖ Các loại Shirk:

1- **Đại Shirk:** là tất cả mọi Shirk được giáo luật quy ra và nó khiến một người bị trục xuất khỏi đạo.

2- **Tiểu Shirk:** là tất cả mọi lời nói và hành động được giáo luật xác định và quy cho tội danh Shirk hay “Đại nghịch bất đạo” nhưng không bị trục xuất khỏi đạo.

❖ Sự khác biệt giữa đại Shirk và tiểu Shirk.

Sự khác biệt giữa đại Shirk và tiểu Shirk sẽ được làm rõ trong bảng phân biệt sau:

| Đại Shirk | Tiểu Shirk |
|---|--|
| Người vi phạm phải gánh chịu: | |
| Bị trục xuất khỏi đạo | Không bị trục xuất khỏi đạo |
| Bị đày trong Hỏa Ngục đời đời kiếp kiếp | Không đời đời kiếp kiếp nếu bị đày trong Hỏa Ngục |
| Tất cả mọi việc làm đều không còn giá trị | Chỉ mất giá trị đối với việc làm nào có Riya’ (sự phân tâm vì ai khác ngoài Allah) |
| Tính mạng và tài sản có thể bị xâm phạm. | Không bị xâm phạm |



Các Dạng Đại Shirk

❁ **Đại Shirk có bốn dạng:**

Thứ nhất: Shirk trong cầu nguyện.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿فَإِذَا رَكِبُوا فِي الْفُلِكِ دَعَوْا اللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ فَلَمَّا نَجَّاهُمْ إِلَى

الْبَرِّ إِذَا هُمْ يُشْرِكُونَ﴾ (العنكبوت: ٦٥)

﴿Bởi thế, khi chúng lên tàu (ra khơi), chúng cầu nguyện Allah, dâng trọn cả đức tin nơi Ngài. Nhưng khi Ngài cứu chúng lên bờ an toàn thì chúng lại thờ những thần linh khác cùng với Ngài﴾ (Chương 29. Al-Ankabut, câu 65).

Thứ hai: Shirk trong tâm niệm.

Allah, Đấng Tội Cao phán:

﴿مَنْ كَانَ يُرِيدُ الْحَيَاةَ الدُّنْيَا وَزَيَّنَّتْهَا نُوفٍ إِلَيْهِمْ أَعْمَلْتَهُمْ فِيهَا

وَهُمْ فِيهَا لَا يُبْخَسُونَ ﴿١٥﴾ أُولَئِكَ الَّذِينَ لَيْسَ لَهُمْ فِي الْآخِرَةِ إِلَّا

النَّارُ وَحَبِطَ مَا صَنَعُوا فِيهَا وَبِطُلُّ مَا كَانُوا يَعْمَلُونَ ﴿١٦﴾﴾ (هود

: ١٥ - ١٦)

﴿Ai muốn đời sống trần tục này với vẻ hào nhoáng của nó thì TA sẽ trả đầy đủ phần công lao của họ nơi đó và họ sẽ không bị cắt giảm một tí nào nơi đó. Họ là những kẻ không hưởng được gì ở Đời Sau Ngoài Hỏa Ngục. (Lúc đó họ sẽ nhận thấy rằng) công trình của họ nơi trần gian sẽ tiêu tan, và những việc làm mà họ đã từng làm sẽ trở thành vô nghĩa﴾ (Chương 11. Hud, câu 15 - 16).

Thứ ba: Shirk trong việc vâng lệnh.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿اتَّخَذُوا أَحْبَارَهُمْ وَرُهْبَانَهُمْ أَرْبَابًا مِّن دُونِ اللَّهِ وَالْمَسِيحَ ابْنَ مَرْيَمَ وَمَا أُمِرُوا إِلَّا لِيَعْبُدُوا إِلَهًا وَاحِدًا لَّا إِلَهَ إِلَّا هُوَ سُبْحَانَهُ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿٣١﴾﴾ (التوبة : ٣١)

﴿Họ đã lấy các thầy tu Do thái và thầy tu Công giáo làm Thượng Đế của họ thay vì Allah, và lấy cả Masih (Ysa) con trai của Maryam (làm Thượng Đế của họ) trong lúc tất cả bọn họ được lệnh chỉ thờ phượng một Thượng Đế duy nhất, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Ngài quang vinh và trong sạch về những điều (kẻ) mà họ đã tổ hợp cùng với Allah﴾ (Chương 9. At-Tawbah, 31).

Và Tafseer (giải thích) về ý nghĩa câu kinh này thì không có gì phải bàn cãi đó là sự vâng lời các vị U'lama (các vị học giả) và các vị tu hành làm điều tội lỗi và nghịch đạo chứ không phải là cầu nguyện và khấn vái đến họ, giống như Nabi ﷺ đã giải thích cho Udai bin Hatim ﷺ khi ông hỏi Người ﷺ: Chúng tôi đâu có thờ phượng họ. Người bảo rằng thờ phượng họ

nghĩa là vâng lời họ làm những điều trái đạo và tội lỗi⁽²⁾.

Thứ tư: Shirk trong tình yêu thương.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمِنَ النَّاسِ مَن يَتَّخِذُ مِن دُونِ اللَّهِ أَنْدَادًا يُحِبُّونَهُمْ كَحُبِّ

اللَّهِ﴾ (البقرة: ١٦٥)

﴿Nhưng trong nhân loại, có những kẻ đã dựng những đối tác ngang hàng cùng với Allah. Họ yêu thương chúng giống với tình yêu họ dành cho Allah.﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 165).



Một Số Hình Ảnh Tiêu Biểu Của Đại Shirk & Tiểu Shirk

⁽²⁾ Hadith do Tirmizhi ghi lại, số (3094)

❁ Một số hình ảnh tiêu biểu của đại Shirk:

- **Đại Shirk rõ ràng và công khai:** Như giết súc vật tế những gì (vật, kẻ) khác ngoài Allah, nguyện thề với những gì khác ngoài Allah, cầu xin phúc lành và may mắn với những gì khác ngoài Allah.

- **Đại Shirk thâm kín và không dễ nhận biết:** như là sự Shirk của những người đạo đức giả, nỗi sợ hãi điều xấu và rủi ro và nó là nỗi sợ những gì khác ngoài Allah về những điều không thể xảy ra ngoài quyền năng của Allah.

❁ Một số hình ảnh tiêu biểu của tiểu Shirk:

- **Tiểu Shirk rõ ràng và công khai:** như là thề thốt với những gì khác ngoài Allah tiêu biểu như lời nói “Đây quả là điều Allah và anh đã muốn”, hoặc “Nếu như không được Allah và anh ...”

- **Tiểu Shirk thâm kín và khó nhận biết:** như là tiểu Riya’ (một hành động gì đó không phải toàn tâm vì Allah mà còn vì một điều gì khác ngoài Ngài, như khi dâng lễ nguyện Salah trước mặt một ai đó thì lại tỏ vẻ kính cẩn và nghiêm trang hơn, hoặc khi bố thí tiền cho người nghèo thì muốn khoe cho thiên hạ biết mình rộng lượng,...); và sự tin tưởng vào những gì được cho là điềm báo hoặc tin tưởng vào những điều tiên đoán của một kẻ nào đó (Mê tín).

❖ Lời cầu nguyện hữu ích ngăn chặn bị phạm vào Shirk:

Abu Musa Al-Ash-ary رضي الله عنه thuật lại, vào một ngày nọ, Thiên Sứ của Allah ﷺ giảng đạo cho chúng tôi nghe, Người nói:

« أَيُّهَا النَّاسُ اتَّقُوا هَذَا الشِّرْكَ فَإِنَّهُ أَحْفَى مِنْ دَيْبِ التَّمْلِ ». فَقَالَ لَهُ مَنْ شَاءَ اللَّهُ أَنْ يَقُولَ وَكَيْفَ نَتَّقِيهِ وَهُوَ أَحْفَى مِنْ دَيْبِ التَّمْلِ يَا رَسُولَ اللَّهِ قَالَ « قُولُوا اللَّهُمَّ إِنَّا نَعُوذُ بِكَ مِنْ أَنْ نُشْرِكَ بِكَ شَيْئًا نَعْلَمُهُ وَنَسْتَعْفِرُكَ لِمَا لَا نَعْلَمُ » (رواه أحمد و حسنه الألباني – رحمهما الله)

“Này hỡi người dân! Hãy coi chừng điều Shirk này đây, bởi quả thật, nó là điều khó nhận biết hơn cả dấu chân của loài kiến. Thế là, đã có người, mà Allah muốn cho y nói, hỏi: Thừa Thiên Sứ của Allah, vậy làm thế nào chúng ta có thể tránh xa nó nếu như nó là điều khó nhận biết hơn cả dấu chân của loài kiến? Người bảo: “Các người hãy cầu nguyện, nói: ((Olo-humma inna na-u’zhu bika min an nushrika bika shay-an na’lamuhu, wa nastaghfiruka lima la na’lam)) với ý nghĩa: ((Lạy Thượng Đế, quả thật chúng con xin Ngài phù hộ cho chúng con tránh làm Shirk bất kỳ một điều gì với Ngài mà chúng con biết rõ, và xin Ngài hãy tha thứ

cho chúng con về những gì mà chúng có không hay biết)).” (Hadith do Imam Ahmad ghi lại và được học giả Al-Alba-ni xác nhận là tốt).



Lịch Sử Về Shirk

❖ Tawhid là gốc nguồn đã có trong bản chất của con cháu Adam, còn Shirk chỉ là điều xâm nhập từ bên ngoài, xảy ra do một sự bất chợt nào đó.

Điều này đã được Ibnu Abbass رضي الله عنه nói: “Khoảng thời gian giữa Adam và Nuh là mười thế kỷ, tất cả họ đều trong đức tin Tawhid.”

❖ Điều Shirk đầu tiên xảy ra trên trái đất:

Bắt đầu là ở vào thời kỳ của Nabi Nuh عليه السلام khi cộng đồng của Người quá ngưỡng mộ và yêu quý những người hiền nhân ngoan đạo, đến nỗi sùng kính họ. Họ đã vẽ chân dung và nắn tạc các bức tượng của những vị hiền nhân ngoan đạo kia để tưởng nhớ. Sau đó, thế hệ con cháu sau này của họ lại thờ phượng và cúng vái đến các bức tượng đó và xem họ như những thần linh phù hộ, ban phước lành, và giúp tránh điều rủi ro. Họ quên mất Allah và không còn thờ phượng và cúng vái Ngài nữa. Thế là, Allah mới cử phái Nuh عليه السلام đến kêu gọi họ trở về với Tawhid.

❖ Shirk trong cộng đồng của Nabi Musa عليه السلام:

Nó xảy ra khi họ đã lấy con bò làm thần linh của họ.

❖ Shirk trong cộng đồng người Thiên Chúa giáo:

Nó xảy ra sau khi Nabi Ysa (Giê-su) عليه السلام được Allah đưa lên trời. Rồi “Polus” là kẻ đã sáng lập đức tin

Iman vào Masih (Giê-su) một cách ranh ma và quỷ quái. Hắn đã đã rót vào trong tôn giáo của Ysa thuyết ba ngôi, thờ phượng cây thánh giá và thờ phượng nhiều bụt tượng khác nhau.

❁ Shirk trong cộng đồng người Ả rập:

Nó xảy ra dưới tay của Amru bin Luhi Al-khaza-i, người đã thay đổi tôn giáo thuần túy của Ibrahim. Ông ta đã du nhập những cái tượng thờ vào vùng đất Ả rập và ra lệnh cho mọi người phải thờ phượng và cúng vái chúng.

❁ Shirk trong cộng đồng của Muhammad



Nó xảy ra dưới tay của những người Shi-ah Fatimimi-n (thuộc hệ phái Si-ai) bốn trăm năm sau đó. Họ đã xây lên những biểu tượng ở các ngôi mộ, họ đổi mới và cải biên tôn giáo, họ tổ chức nghi lễ sinh nhật trong Islam, họ ngưỡng mộ và yêu quý những người hiền nhân và ngoan đạo quá mức đến nỗi tôn thờ và sùng bái họ.

Và nó cũng đã xảy ra vào thời điểm tôn giáo bị bóp méo, cải biên và mọi người đã ngưỡng mộ quá mức thành tôn thờ các vị học giả, Imam, Sheikh.



Sự Nghiêm Trọng Của Shirk Và Hình Phạt Dành Cho Nó

1- Quả thật, Allah không bao giờ tha thứ cho những ai làm Shirk đến chết mà vẫn không sám hối quay về với Ngài.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿إِنَّ اللَّهَ لَا يَغْفِرُ أَنْ يُشْرَكَ بِهِ وَيَغْفِرُ مَا دُونَ ذَلِكَ لِمَنْ يَشَاءُ﴾
(النساء : ٤٨)

﴿Quả thật, Allah không tha thứ cho ai làm điều Shirk với Ngài, nhưng Ngài sẽ tha thứ những tội lỗi khác cho ai Ngài muốn.﴾ (Chương 4. Annisa’, câu 48).

2- Người làm Shirk sẽ bị trục xuất khỏi Islam (tức không còn là người Muslim nữa), và tính mạng và tài sản của y được phép xâm phạm.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿فَإِذَا أَنْسَلَخَ الْأَشْهُرَ الْحُرْمَ فَاقْتُلُوا الْمُشْرِكِينَ حَيْثُ وَجَدْتُمُوهُمْ وَخَذُوهُمْ وَأَحْصُرُوهُمْ﴾ (التوبة : ٥)

﴿Do đó, khi những tháng cấm đã chấm dứt, hãy đánh và giết những kẻ thờ đa thần ở nơi nào các người tìm thấy

chúng; và các người hãy bắt chúng và mai phục chúng ﴿﴾
(Chương 9. At-Tawbah, câu 5).

3- Quả thật, Allah, Đấng Tối Cao không chấp nhận bất kỳ việc làm nào có Shirk, và những công đức cùng các việc làm thiện tốt trước kia của chúng sẽ trở thành tro bụi không giá trị.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَقَدِمْنَا إِلَىٰ مَا عَمِلُوا مِنْ عَمَلٍ فَجَعَلْنَاهُ هَبَاءً مَنْثُورًا﴾ ﴿الفرقان: (٢٣).﴾

﴿Và TA sẽ xét lại công trình nào mà chúng đã làm ra và sẽ làm cho nó thành tro bay tứ tán.﴾ (Chương 25. Al-Furqan, câu 23).

﴿وَلَقَدْ أُوحِيَ إِلَيْكَ وَإِلَى الَّذِينَ مِن قَبْلِكَ لَئِن أَشْرَكْتَ لَيَحْبَطَنَّ عَمَلُكَ وَلَتَكُونَنَّ مِنَ الْخَاسِرِينَ﴾ ﴿الزمر: (٦٥).﴾

﴿Và quả thật, Người (Muhammad) và những vị (Sứ giả) trước Người đã được mặc khải cho biết: “Nếu người tôn thờ những kẻ đối tác (thần linh do các người gán ghép) cùng với Allah thì việc làm cả Người sẽ trở thành vô nghĩa và chắc chắn Người sẽ trở thành một kẻ thua thiệt.﴾ (Chương 39. Az-Zumar, câu 65)

4- Người làm Shirk bị cấm vào Thiên Đàng và y sẽ phải đời đời kiếp kiếp bị đày trong Hỏa Ngục.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿إِنَّهُ مَن يُشْرِكْ بِاللَّهِ فَقَدْ حَرَّمَ اللَّهُ عَلَيْهِ الْجَنَّةَ وَمَأْوَاهُ النَّارُ وَمَا

لِلظَّالِمِينَ مِنْ أَنْصَارٍ﴾ (المائدة : ٧٢)

﴿Quả thật, ai làm điều Shirk (gán ghép thần linh ngang hàng) với Allah thì chắc chắn sẽ bị cấm vào Thiên Đàng, và chỗ ở của y sẽ là Hỏa Ngục. Và những kẻ làm điều sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ.﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 72).



Những Điều Vô Hiệu Hóa Islam

Những điều vô hiệu hóa Islam có nghĩa là những gì làm mất giá trị Islam và hủy hoại đức tin Iman, tức chúng sẽ khiến một người Muslim không còn là Muslim nữa. Và trong những điều được cho là nghiêm trọng nhất và phổ biến nhất có mười điều tiêu biểu sau đây:

1- Shirk trong việc thờ phượng Allah: Tiêu biểu cho điều này là việc giết tế súc vật vì ai (vật) khác ngoài Allah như việc giết tế để cúng Jinn (ma, quỷ) hay để cúng mộ bia.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿إِنَّ اللَّهَ لَا يَغْفِرُ أَنْ يُشْرَكَ بِهِ وَيَغْفِرُ مَا دُونَ ذَلِكَ لِمَنْ يَشَاءُ﴾

(النساء : ٤٨)

﴿**Quả thật, Allah không tha thứ cho ai làm điều Shirk với Ngài, nhưng Ngài sẽ tha thứ những tội lỗi khác cho ai Ngài muốn.**﴾ (Chương 4. Annisa’, câu 48).

2- Người nào tự tạo ra kẻ (vật) trung gian giữa y và Allah để cầu nguyện và khấn vái đến chúng, phò thác cho chúng để mong được chúng phù hộ và giúp

đỡ, là kẻ ngoại đạo, không còn là người theo đạo Islam nữa. Đây là giáo lý được thống nhất bởi toàn thể học giả Islam.

3- Ai không phủ nhận những người đa thần, hoặc ngờ vực về sự không có đức tin của họ, hoặc xác nhận và khẳng định đường lối của họ là đúng đắn và chân lý thì người đó là Kafir (ngoại đạo vô đức tin).

4- Ai cho rằng bất kỳ chỉ đạo nào tốt hơn và hoàn hảo hơn Chỉ đạo của Nabi ﷺ, hoặc cho rằng luật của bất kỳ ai khác tốt hơn luật của Người ﷺ giống như những người đã yêu thích luật của những kẻ ngoại đạo hơn là luật của Người ﷺ, thì người đó là Kafir (vô đức tin).

5- Người nào căm ghét hay có lòng không ưa thích một điều gì đó đến từ mệnh lệnh của Thiên Sứ ﷺ, ngay cả khi y có thực hiện nó đi chăng nữa, thì y vẫn là người Kafir.

6- Người nào có thái độ giễu cợt, bất kính với một điều gì đó trong đạo của Thiên Sứ ﷺ, hay về sự thưởng phạt của Người thì người đó là Kafir.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿قُلْ أِبَاللّٰهِ وَعَآيَاتِهِۦ وَرَسُولِهِۦ كُنْتُمْ تَسْتَهْرِءُونَ ﴿٦٥﴾ لَا تَعْتَدِرُوا قَد

كَفَرْتُمْ بَعْدَ إِيمَانِكُمْ﴾ (التوبة: ٦٥ - ٦٦)

﴿**Hãy bảo chúng (Muhammad!): “Có phải các người đang chế giễu Allah và các Lời mặc khải của Ngài và Sứ giả của Ngài chẳng? Chớ tìm cách biện bạch. Quả thật các người đã chối bỏ đức tin của các người sau khi các người tin tưởng.”**﴾ (Chương 9. At-Tawbah, câu 65 -66).

7- Ma thuật và bùa ngải: Tiêu biểu là dùng đến ma thuật và bùa ngải để gây chia rẽ hay tác hợp đôi lứa, hoặc gây bệnh hoạn và tai hại cho người. Người nào dùng đến nó và hài lòng về nó là kẻ Kafir.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَا يُعَلِّمَانِ مِنْ أَحَدٍ حَتَّى يَقُولَا إِنَّمَا نَحْنُ فِتْنَةٌ فَلَا تَكْفُرْ﴾

(البقرة: ١٠٢)

﴿**Nhưng (hai thiên thần) này không dạy (pháp thuật) cho một ai mà không báo trước: “Chúng tôi đây chỉ là một sự cám dỗ (để thử thách quý vị); do đó, chớ phủ nhận đức tin.”**﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 102).

8- Ủng hộ và trợ giúp những người ngoại đạo đàn áp hay nghịch lại những người Muslim.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَنْ يَتَوَلَّهُمْ مِنْكُمْ فَإِنَّهُ مِنْهُمْ إِنَّ اللَّهَ لَا يَهْدِي الْقَوْمَ الظَّالِمِينَ﴾ (المائدة : ٥١)

﴿Và ai trong các người (Muslim) quay về kết thân với họ thì là người của họ. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 51).

9- Người nào tìm kiếm bất kỳ điều luật nào ngoài giáo luật của Muhammad ﷺ thì người đó là Kafir.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَنْ يَبْتَغِ غَيْرَ الْإِسْلَامِ دِينًا فَلَنْ يُقْبَلَ مِنْهُ وَهُوَ فِي الْآخِرَةِ مِنَ الْخَاسِرِينَ﴾ (آل عمران : ٨٥)

﴿Và ai tìm kiếm bất kỳ đạo nào khác ngoài Islam thì y sẽ không bao giờ được (Allah) chấp nhận, và Ngày Sau y sẽ là một trong những kẻ bị thua thiệt﴾ (Chương 3. Ali-Imran, câu 85).

10- Có sự chống đối với tôn giáo của Allah, không học hỏi và tìm hiểu cũng không chấp hành theo giáo luật của Ngài.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّنْ ذُكِّرَ بِآيَاتِ رَبِّهِ ثُمَّ أَعْرَضَ عَنْهَا إِنَّا مِنَ

الْمُجْرِمِينَ مُنْتَقِمُونَ﴾ (السجدة : ٢٢)

﴿Và còn ai đại nghịch bất đạo hơn những kẻ khi được nhắc đến Lời mặc khải của Thượng Đế của họ thì họ lại tỏ thái độ chống đối và không tuân lệnh. Quả thật, TA sẽ trừng trị những kẻ tội lỗi.﴾ (Chương 32. As-Sajdah, câu 22).

❖ Hai điều cần lưu ý:

Thứ nhất: Tất cả những điều vô hiệu hóa Islam này không có sự phân biệt giữa sự đùa giỡn, thật lòng, hay lo sợ ngoại trừ bị cưỡng bức.

Thứ hai: Tất cả những điều vô hiệu hóa Islam được nói đến trên đây đều là những điều rất mực nghiêm trọng và nguy hại đến tôn giáo của một người Muslim, và chúng cũng là những điều phổ biến mà mỗi người Muslim phải luôn đề cao cảnh giác, và hãy lo sợ cho bản thân của mình.



Sự Phủ Nhận Ta-ghut

✿ Định nghĩa Ta-ghut:

Theo nghĩa đen của từ: Ta-ghut là danh từ có nguồn gốc từ danh từ “الطغيان” “Attughya-n” có nghĩa là sự vượt quá mức hạn đã định.

Theo thuật ngữ giáo luật: Ta-ghut có nghĩa là những gì mà người bề tôi vượt quá giới hạn khỏi việc thờ phượng, hay tuân lệnh. (tức thờ phượng và tuân lệnh những gì khác ngoài Allah mà họ cho đó là thân linh có quyền năng ngang hàng với Allah)

✿ Phủ nhận Ta-ghut là điều bắt buộc:

Việc đầu tiên mà Allah sắc lệnh xuống cho con cháu Adam là phải nghịch lại với Ta-ghut và tin tưởng nơi Allah.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَلَقَدْ بَعَثْنَا فِي كُلِّ أُمَّةٍ رَّسُولًا أَنْ أَعْبُدُوا اللَّهَ وَأَجْتَنِبُوا

الطَّاغُوتِ﴾ (النحل : ٣٦)

﴿Và quả thật, TA đã cử phái một Sứ giả đến cho mỗi cộng đồng (với mệnh lệnh): “Hãy thờ phượng Allah và tránh xa Ta-ghut﴾ (Chương 16. An-Nahl, câu 36).

❖ Các hình thức phủ nhận Ta-ghut:

1- Phải tuyệt đối tin rằng những gì được thờ phượng khác ngoài Allah là tà thần, không thực. Hãy từ bỏ và tránh xa chúng, và hãy căm ghét chúng.

2- Phải phủ nhận và chống đối lại những ai tôn thờ chúng (Ta-ghut).

❖ Đầu não của những Ta-ghut:

Có rất nhiều Ta-ghut nhưng những tên đầu não của chúng có năm tên:

1- Iblis (Vua của Shaytan), Allah luôn nguyện rửa chúng.

2- Những kẻ được thờ phượng khác ngoài Allah và chúng hài lòng với điều đó.

3- Những ai kêu gọi thiên hạ thờ phượng bản thân hẳn.

4- Những ai tự cho mình hiểu biết một điều gì đó từ cõi vô hình.

5- Những ai phân xử không theo giáo luật mà Allah đã ban xuống.



Ba Nền Tảng Giáo Lý Cơ Bản

1- Người bề tôi phải nhận biết Thượng Đế của y.

2- Người bề tôi phải nhận biết tôn giáo của y.

3- Người bề tôi phải nhận biết Nabi của y, Muhammad ﷺ.

Và ba nền tảng giáo lý cơ bản này sẽ là những câu hỏi trong cõi mộ.

Nền tảng thứ nhất: Người bề tôi phải nhận biết Thượng Đế của y.

1- Y phải nhận biết rằng Allah là Thượng Đế của y, Đấng đã trông coi và cai quản y và mọi vạn vật của toàn vũ trụ bằng hồng phúc vĩ đại của Ngài.

2- Y phải nhận biết rằng Allah, Đấng Tối Cao, là Đấng đáng được thờ phượng đích thực, không có Đấng thờ phượng nào khác ngoài Ngài.

3- Y nhận biết Thượng Đế của y bởi những dấu hiệu của Ngài, và những tạo vật vĩ đại của Ngài trong vũ trụ càn khôn.

- Những dấu hiệu tiêu biểu của Ngài: Ban đêm, ban ngày, mặt trời, mặt trăng, và các tinh tú, ...

- Những tạo vật vĩ đại của Ngài: Các tầng trời, các hành tinh và mọi vạn vật trong chúng.

Nền tảng thứ hai: Người bề tôi phải nhận biết tôn giáo của y.

1- Allah sẽ không bao giờ chấp nhận bất kỳ một tôn giáo nào khác ngoài Islam.

2- Islam là sự quy phục Allah bằng Tawhid (tôn thờ duy nhất một mình Ngài), tuyệt đối chấp hành theo mệnh lệnh của Ngài, và tuyệt đối không liên can hay dính dấp đến Shirk (sự tổ hợp, gán ghép cùng với Allah một đối tác ngang hàng) và những người đi theo nó.

3- Ba cấp bậc của tôn giáo Islam: Islam, Iman và Ihsan.

Nền tảng thứ ba: Người bề tôi phải nhận biết Nabi của y, Muhammad ﷺ.

1- Tên của Người và dòng dõi:

Người tên là Muhammad bin Abdullah, cha của Người tên là Abdullah bin Abdul Muttalib. Ông Abdul Muttalib là con của Ha-shim, thuộc bộ tộc Quraish, một bộ tộc cao quý và tiếng tăm của người Ả rập, và người Ả rập thuộc dòng dõi của Nabi Isma-il, con Nabi Ibrahim - một vị Nabi được Allah ân sủng nhất.

2- Tuổi đời của Người:

Người sống thọ được 63 tuổi, bốn mươi năm trước khi nhận sứ mệnh Nabi và 23 năm lãnh nhiệm sứ mạng Nabi và Thiên Sứ.

3- Sứ mạng Nabi và Thiên Sứ của Người:

Sứ mạng Nabi của Người được biểu hiện qua lời mặc khải của chương “اقرأ” “Iqra” tức “Hãy đọc!” hay còn gọi là chương Al-Alaq (chương 96 theo thứ tự của Qur’an); và sứ mạng Thiên Sứ của Người được biểu hiện ở chương 74 – Al-Muddaththir (Người đắp chặn).

4- Quê hương và nơi chuyển cư của Người:

Quê hương của Người là Makkah, và nơi chuyển cư của Người là Madinah.

5- Nội dung hay mục đích truyền bá của Người:

Allah cử phái Người đến với nhân loại để kêu gọi họ từ bỏ Shirk và trở về với Tawhid.



Kufr **(Sự Vô Đức Tin)**

✿ Định nghĩa:

- Theo nghĩa của từ: Kufr là sự che đậy.
- Theo thuật ngữ giáo luật: Kufr có nghĩa là sự nghịch lại Islam.

✿ Các dạng Kufr: Có hai dạng.

- 1- Đại Kufr
- 2- Tiểu Kufr

✿ Đại Kufr:

- **Định Nghĩa:** Nó là sự không có đức tin Iman nơi Allah và các vị Thiên Sứ của Ngài, cho dù có phủ nhận hay không phủ nhận.

- **Giới luật về nó:** bị trục xuất khỏi tôn giáo.

- **Phân loại:** có năm loại.

1- **Kufr do phủ nhận:** Bằng chứng là lời phán của Allah, Đáng Tội Cao:

﴿وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّنِ افْتَرَىٰ عَلَى اللَّهِ كَذِبًا أَوْ كَذَّبَ بِالْحَقِّ لَمَّا

جَاءَهُۥٓ أَلَيْسَ فِي جَهَنَّمَ مَثْوًى لِّلْكَافِرِينَ ﴿٦٨﴾ (العنكبوت : ٦٨)

﴿Và còn ai sai quấy hơn kẻ đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah và phủ nhận Chân lý khi nó đến với y? Phải chăng trong Hỏa Ngục sẽ có một chỗ ở cho những kẻ vô đức tin hay sao ?﴾ (Chương 29. Al-Ankabut, câu 68).

2- **Kufr bởi sự ngạo mạn và tự cao tự đại dù trong thâm tâm vẫn tin tưởng:**

Bằng chứng là lời nói của Allah, Đáng Tội Cao:

﴿وَإِذْ قُلْنَا لِلْمَلَائِكَةِ اسْجُدُوا لِآدَمَ فَسَجَدُوا إِلَّا إِبْلِيسَ أَبَىٰ

وَاسْتَكْبَرَ وَكَانَ مِنَ الْكَافِرِينَ ﴿٣٤﴾ (البقرة : ٣٤)

﴿Và nhớ lại rằng, khi TA phán cho Thiên thần: “Hãy phủ phục trước Adam !” Tất cả chúng đều phủ phục ngoại trừ Iblis. Nó từ chối và ngạo mạn. Và nó trở thành một tên phản nghịch.﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 34).

3- Kufr bằng sự ngờ vực, và đó là kufr bởi sự tưởng rằng hay nghĩ rằng:

Bằng chứng là lời phán của Allah, Đấng Tối cao:

﴿وَدَخَلَ جَنَّتَهُ وَهُوَ ظَالِمٌ لِّنَفْسِهِ قَالَ مَا أَظُنُّ أَنْ تَبِيدَ هَذِهِ أَبَدًا ﴿٣٥﴾ وَمَا أَظُنُّ السَّاعَةَ قَائِمَةً وَلَئِنْ رُودْتُ إِلَىٰ رَبِّي لَأَجِدَنَّ خَيْرًا مِّنْهَا مُنْقَلَبًا ﴿٣٦﴾ قَالَ لَهُ صَاحِبُهُ وَهُوَ يُحَاوِرُهُ أَكَفَرْتَ بِالَّذِي خَلَقَكَ مِن تُرَابٍ ثُمَّ مِن نُّطْفَةٍ ثُمَّ سَوَّكَ رَجُلًا ﴿٣٧﴾ لَّكِنَّا هُوَ اللَّهُ رَبِّي وَلَا أُشْرِكُ بِرَبِّي أَحَدًا ﴿٣٨﴾﴾ (الكهف : ٣٥ - ٣٨)

﴿Và y đi vào ngôi vườn và tự làm cho mình sai quấy; y nói: “Tôi không nghĩ rằng ngôi vườn này sẽ vĩnh viễn tiêu tan. Tôi cũng không nghĩ, giờ xét xử sẽ xảy ra và nếu tôi được về với Thượng Đế của tôi trở lại thì chắc chắn tôi sẽ tìm huê lợi khá hơn ngôi vườn này”. Người bạn đáp lại trong lúc nói chuyện với y: “Phải chăng anh không tin tưởng nơi Đấng đã tạo ra anh từ cát bụi, rồi từ một giọt tinh dịch, rồi

uốn nắn anh thành một người bình thường? Đối với tôi, Ngài là Allah, Thượng Đế của tôi, tôi không gán ghép một đối tác nào cùng với Thượng Đế của Tôi cả”﴾ (Chương 18. Al-Kahf, câu 35 – 38).

4- Kufr bằng sự tránh xa, quay lưng làm ngo:

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿وَالَّذِينَ كَفَرُوا عَمَّا أُذِرُوا مُعْرِضُونَ﴾ (الأحقاف: ٣)

﴿Và những kẻ không có đức tin đã lánh xa những điều mà họ đã được cảnh báo﴾ (Chương 46. Al-Ahqaf, câu 3).

5- Kufr bởi đạo đức giả:

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿ذَلِكَ بِأَنَّهُمْ ءَامَنُوا ثُمَّ كَفَرُوا فَطُبِعَ عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ فَهُمْ لَا يَفْقَهُونَ﴾ (المنافقون: ٣)

﴿Sở dĩ như thế là vì chúng có niềm tin rồi chúng lại phủ nhận đức tin; bởi thế, quả tim của chúng bị niêm kín lại nên chúng không hiểu gì cả.﴾ (Chương 63. Al-Muna-fiqu-n, câu 3).

❖ Tiểu Kufr:

- **Định nghĩa:** Tất cả những điều trái nghịch lại với các giáo luật được kinh Qur'an, Sunnah cho là Kufr, nhưng chưa đến mức của đại Kufr.

- **Giới luật về nó:** Haram, và nó là đại tội trong các đại tội, tuy nhiên, nó không khiến người vi phạm phải bị trục xuất khỏi tôn giáo Islam.

- Các hình ảnh tiêu biểu của tiểu Kufr:

1- Phủ nhận hồng phúc. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿فَكَفَرْتَ بِأَنْعَمِ اللَّهِ﴾ (النحل : ١١٢)

﴿**Nhưng nó đã phủ nhận ân huệ của Allah**﴾ (Chương 16. An-Nahl, câu 112).

2- Người Muslim đánh giết người Muslim: Nabi Muhammad ﷺ có nói:

« سِبَابُ الْمُسْلِمِ فُسُوقٌ، وَقِتَالُهُ كُفْرٌ » (متفق عليه)

“**Chửi rủa người Muslim là điều xấu và tội lỗi, còn đánh giết người Muslim là vô đức tin (ngoại đạo)**” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).

3- Phỉ báng và làm mất danh dự người khác.

4- Than khóc và kêu gào cho người chết: Nabi Muhammad ﷺ nói:

« ائْتَانِ فِي النَّاسِ هُمَا بِهِمْ كُفْرَ الطَّعْنِ فِي النَّسَبِ وَالنِّيَاحَةَ عَلَى الْمَيِّتِ » (رواه مسلم)

“Trong thiên hạ, hai dạng người bị coi là kufr (vô đức tin) do hành động của họ: xúc phạm danh dự của người khác, và than khóc, kêu gào cho người chết” (Muslim).



Nifa-q (Sự Giả Tạo)

❁ Định nghĩa:

Theo nghĩa của từ: Nifa-q có nghĩa là sự che đậy và giấu kín một điều gì đó.

Theo thuật ngữ giáo luật: Nifa-q có nghĩa là sự biểu hiện Islam ở về bề ngoài nhưng che đậy sự vô đức tin và tâm niệm xấu xa ở bên trong.

❖ **Các dạng Nifa-q:** Có hai dạng Nifa-q.

- 1- Đại Nifa-q (về đức tin)
- 2- Tiểu Nifa-q (về hành vi)

❖ **Nifa-q đức tin:**

- **Khái niệm:** Nó là đại Nifa-q, bên ngoài được biểu hiện Islam rõ rệt nhưng bên trong là một sự vô đức tin.

- **Giới luật về nó:** Nó sẽ khiến một người bị trục xuất hoàn toàn ra khỏi tôn giáo, và người làm nó sẽ bị đày ở tận đáy của Hỏa ngục.

- **Các dạng của nó:** Có sáu dạng cả thảy.

- 1- Phủ nhận Thiên Sứ Muhammad ﷺ .
- 2- Phủ nhận một phần thông điệp được Thiên Sứ ﷺ mang đến.
- 3- Căm ghét Thiên Sứ ﷺ.
- 4- Căm ghét một phần thông điệp mà Thiên Sứ ﷺ đã mang đến.
- 5- Vui mừng khi thấy tôn giáo của Thiên Sứ ﷺ bị thất bại và tuột dốc.

6- Miễn cưỡng ủng hộ và giúp đỡ trong việc giành thắng lợi cho tôn giáo của Thiên Sứ ﷺ.

❁ Nifa-q hành vi:

* **Khái niệm:** Nó là việc có những hành vi giống như hành vi của những người Munafiqu-n (những người của Nifa-q, tức những người đạo đức giả), tuy nhiên, trong lòng vẫn còn đức tin Iman.

* **Giới luật về nó:** Nó không khiến bị trục xuất khỏi tôn giáo, nhưng nó là điều Haram (nghiêm cấm) và là một trong những đại trọng tội. Người có hành động dạng Nifa-q này tôn tại trong họ cả Iman (đức tin) và Nifa-q (giả tạo đức tin), và nếu như hành động Nifa-q này nhiều và thường xuyên có thể khiến trở thành một người đạo đức giả hoàn toàn.

* **Một số hình ảnh tiêu biểu về Nifa-q hành vi:**

1- Nói dối. Nabi ﷺ nói: « إِذَا حَدَّثَ كَذَبَ » “**Khi nói thì dối trá**”. (Al-Bukhari, Muslim)

2- Thất tín. Nabi ﷺ nói: « وَإِذَا وَعَدَ أَخْلَفَ » “**và khi giao hẹn thì thất tín**” (Al-Bukhari, Muslim)

3- Bội tín. Nabi ﷺ nói: « وَإِذَا أُتُمِّنَ حَانَ » “**và khi được tín nhiệm thì bội tín**” (Al-Bukhari, Muslim)

4- Bừa bãi, nông cuồng khi tranh luận. Nabi ﷺ nói: « وَإِذَا خَاصَمَ فَجَرَ » “**và khi tranh luận thì có thái độ nông cuồng không đứng đắn**” (Al-Bukhari, Muslim)

5- Bội ước. Nabi ﷺ nói: « وَإِذَا عَاهَدَ غَدَرَ » “**và khi giao ước thì phản lại**” (Al-Bukhari, Muslim)

6- Lười biếng dưng lễ nguyện Salah tập thể cùng mọi người ở thánh đường. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَإِذَا قَامُوا إِلَى الصَّلَاةِ قَامُوا كَسَالِي﴾ (النساء : ١٤٢)

﴿**Và khi chúng đứng dậy dưng lễ Salah thì chúng đứng lên một cách uể oải và nặng nề**﴾ (Chương 4. An-Nisa, câu 142).

7- Phô trương những việc làm ngoan đạo. Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿يُرَاءُونَ النَّاسَ﴾ (النساء : ١٤٢)

﴿**Chúng chỉ muốn phô trương cho thiên hạ nhìn thấy**﴾ (Chương 4. An-Nisa, câu 142).



Al-Wila’ Và Al-Bara’

✿ Theo nghĩa của từ:

- **Al-Wila’**: có nguồn gốc từ danh từ “الولاية”
“Al-Wila-yah”, có nghĩa là tình yêu.

- **Al-Bara’**: là danh động từ của động từ “برى” “Bara” có nghĩa là cắt đứt, châm dứt.

✿ **Theo thuật ngữ giáo luật:**

- **Al-Wila’**: Tình yêu dành cho những người Muslim, ủng hộ, giúp đỡ họ, quý mến, kính trọng họ, và luôn gần gũi họ.

- **Al-Bara’**: Không yêu thích người ngoại đạo, tránh xa họ và không ủng hộ hoặc giúp đỡ họ.

✿ **Tầm quan trọng của Al-Wila’ và Al-Bara’:**

- 1- Thuộc nền tảng giáo lý của Islam.
- 2- Giữ vững đức tin Iman.
- 3- Nó thuộc đường lối của Nabi Ibrahim عليه السلام và đường lối của Nabi Muhammad صلى الله عليه وسلم.

✿ **Các loại Al-Muwa-la-h:** Có hai loại.

- 1- Tawalli. 2- Muwa-la-h.

✿ **Tawalli:**

- **Ý nghĩa:** Yêu thích Shirk và Kufr và những người đi theo nó. Giúp đỡ những người ngoại đạo chống lại những người tin tưởng.

- **Giới luật:** Đây là đại Kufr bị trục xuất khỏi môn đạo Islam.

- **Bằng chứng:** Lời phán của Allah:

﴿وَمَنْ يَتَوَلَّهُمْ مِنْكُمْ فَإِنَّهُ مِنْهُمْ﴾ (المائدة : ٥١)

﴿Và ai trong các người quay lại kết thân với họ thì là người của họ.﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 51).

❖ **Almuwa-la-h:**

- **Ý nghĩa:** Yêu thích người ngoại đạo vì lợi ích trần gian nhưng không chung sức ủng hộ họ.

- **Giới luật:** Là đại trọng tội trong các đại trọng tội.

- **Bằng chứng:** Lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿يَا أَيُّهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا لَا تَتَّخِذُوا عَدُوِّي وَعَدُوَّكُمْ أَوْلِيَاءَ تُلْقُونَ إِلَيْهِم بِالْمَوَدَّةِ﴾ (الممتحنة : ١)

﴿Hỡi những người có đức tin! Chớ kết bạn với kẻ thù của TA và kẻ thù của các người bằng cách bày tỏ thiện cảm của các người với họ﴾ (Chương 60. Al-Mumtahinah, câu 1).

❖ **Những biểu hiện của Muwa-la-h (yêu thích) người ngoại đạo:**

- Thích làm giống như họ trong cách ăn mặc và giao tiếp.

- Đi du lịch đến đất nước của họ để tham quan và giải trí.

- Sinh sống ở đất nước hoặc xứ sở của họ và không muốn chuyển cư đến những đất nước và xứ sở của người Muslim, mục đích vì muốn tránh né tôn giáo.

- Thích dùng lịch của người ngoại đạo như những cách tính lịch truyền thống của họ trong việc để kỷ niệm hay tưởng nhớ thành những nghi lễ nhất định nào đó của họ, như lịch được tính theo ngày sinh của Nabi Ysa (Giê-su) (còn gọi là Tây lịch).

- Tham gia, chung vui cùng với họ trong các lễ hội của họ, ủng hộ, giúp đỡ và chúc tụng họ nhân dịp lễ hội hoặc đến để giúp sức tổ chức lễ hội cho họ.

- Xung hộ và gọi tên nhau bằng các tên của họ.



Những Dạng Người Được Phân Loại Theo Alwila' (Sự Yêu Mến Những Người Muslim) Và Albara' (Sự Không Thích Những Người Ngoại Đạo).

Phân loại theo Alwila’ và Albara’ thì gồm có ba dạng người:

Dạng người thứ nhất: Dành trọn tình yêu cho Allah và tôn giáo của Ngài cùng những người đồng đạo. Và đây là những người có đức tin trung thực.

Dạng người thứ hai: Căm ghét và thù nghịch lại với Alwila’ và Albara’ tức họ căm ghét và thù nghịch những người Muslim và tôn giáo Islam. Và đây là những người ngoại đạo.

Dạng người thứ ba: Chưa dành trọn tình yêu cho Allah và tôn giáo của Ngài. Họ là những người Muslim nhưng làm điều tội lỗi và sai quấy. Họ cũng yêu thương những gì thuộc về đức tin Iman nhưng họ cũng không ghét bỏ một số điều tội lỗi ngoại trừ Kufr và Shirk.



Islam

❁ **Islam theo nghĩa của từ:** Là quy thuận, tuân thủ và phủ phục.

❁ Islam theo thuật ngữ giáo luật: Là

1- Quy phục Allah bằng cách tôn thờ duy nhất một mình Ngài (được gọi là Tawhid)

2- Tuân thủ và chấp hành theo mệnh lệnh của Ngài.

3- Tuyệt đối không liên hệ và dính dấp đến việc Shirk và người dân của nó.

❁ Islam nói chung và Islam nói riêng:

- **Islam với ý nghĩa tổng quát:** là sự thờ phượng Allah theo những gì mà Ngài đã sắc lệnh và ban hành kể từ lúc Ngài cử phái các vị Sứ giả của Ngài đến hướng dẫn nhân loại cho đến ngày Tận thế.

- **Islam với ý nghĩa cụ thể riêng biệt:** là những gì được mặc khải riêng biệt cho Nabi Muhammad ﷺ.



Các Trụ Cột Của Islam

❁ Năm trụ cột của Islam:

1- Lời tuyên thệ Shaha-dah:

أَنَّ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَأَنَّ مُحَمَّدًا رَسُولُ اللَّهِ

Alla ila-ha illollo-h wa anna Muhammadar rosu-lullo-h
(Không có Đấng Thờ phượng đích thực nào khác ngoài
Allah và Muhammad là Sứ Giả của Ngài).

2- Dâng lễ nguyện Salah.

3- Bỏ thí Zakah.

4- Nhịn chay tháng Ramadan.

5- Đi hành hương ngôi đền Ka’bah đối với ai có
đủ điều kiện và khả năng.

❖ **Năm trụ cột được phân thành hai loại:**

**1- Các trụ cột thiết yếu (còn gọi là các trụ cột
cơ bản):**

1- Lời tuyên thệ Shaha-dah.

2- Dâng lễ nguyện Salah.

**2- Các trụ cột thứ yếu (còn gọi các trụ cột
hoàn thiện):**

1- Bỏ thí Zakah.

2- Nhịn chay tháng Ramadan.

3- Đi hành hương ngôi đền Ka’bah.

❖ **Bằng chứng cho các trụ cột Islam:**

Nabi Muhammad ﷺ nói:

«بُنِيَ الْإِسْلَامُ عَلَى خَمْسٍ شَهَادَةِ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَأَنَّ مُحَمَّدًا رَسُولُ اللَّهِ ، وَإِقَامِ الصَّلَاةِ ، وَإِيتَاءِ الزَّكَاةِ ، وَالْحُجِّ ، وَصَوْمِ رَمَضَانَ»

“Islam được dựng trên năm điều: Lời tuyên thệ Shaha-dah (chứng nhận) không có Đấng thờ phượng đích thực nào khác ngoài Allah và Muhammad là vị Sứ giả của Ngài, dâng lễ nguyện Salah, bổ thí Zakah, hành hương Hajj và nhịn chay Ramadan” (Al-Bukhari, Muslim).



Đức Tin Iman

❁ **Iman theo nghĩa của từ:** Là niềm tin và sự thừa nhận.

❁ **Iman dưới quan điểm của phái Sunnah và Jama-ah:** Là

- 1- Niềm tin bằng con tim.
- 2- Chứng nhận bằng lời nói.
- 3- Hành động bằng thể xác và chấp hành đầy đủ các trụ cột.
- 4- Iman sẽ tăng theo sự vâng lệnh.
- 5- Iman sẽ giảm xuống theo sự nghịch đạo.



Các Trụ Cột Của Islam

❖ Sáu trụ cột của đức tin Iman:

- 1- Tin nơi Allah.
- 2- Tin các Thiên thần của Ngài.
- 3- Tin các kinh sách của Ngài.
- 4- Tin các vị Thiên sứ của Ngài.
- 5- Tin nơi Ngày Sau (Ngày Tận thế, Ngày Phục sinh, Ngày Phán xét).
- 6- Tin vào định mệnh (số phận được định sẵn) tốt xấu.

Và sau đây là phân tóm gọn các yếu tố của từng trụ cột Iman:

1- Tin nơi Allah: Gồm bốn yếu tố thiết yếu

1- Tin sự hiện hữu của Allah tức Allah đích thực tồn tại không phải là hư cấu hay ảo ảnh.

2- Tin rằng Ngài là Đấng Tạo hóa, cai quan, điều hành, chế ngự toàn vũ trụ và mọi vạn vật; và Ngài nuôi dưỡng mọi sự sống.

3- Tin rằng Ngài là Đấng thờ phượng đích thực, không có Đấng thờ phượng khác ngoài Ngài.

4- Tin rằng các đại danh và thuộc tính của Ngài, những gì được Ngài miêu tả về chính Ngài, là hoàn mỹ và tuyệt đối ưu việt.

2- Tin các Thiên thần của Ngài: Gồm bốn yếu tố

1- Tin vào sự tồn tại của họ.

2- Tin vào các vị mà chúng ta đã được biết tên tiêu biểu như Đại Thiên thần (Jibril) và các vị mà chúng ta chưa biết tên. Phải tin vào tất cả họ.

3- Tin vào những gì mà chúng ta biết được về các thuộc tính của họ.

4- Tin vào những gì mà chúng ta biết được từ những công việc của họ mà Allah giao phó cho họ.

3- Tin các kinh sách của Ngài: Gồm bốn yếu tố

1- Tin rằng các kinh sách đích thực đều được ban xuống từ Allah.

2- Tin vào những gì mà chúng ta biết được tên của chúng như kinh Qur'an, Attawrah, và Injil.

3- Tuyệt đối tin tưởng vào thông điệp đích thực từ chúng như thông điệp của Qur'an, và các thông điệp nguyên thủy không bị sửa đổi và bóp mép từ các kinh sách trước đây qua sự tuyên truyền một cách xác thực có cơ sở.

4- Chấp hành và thực hiện theo những gì chưa bị xóa bỏ, hài lòng và quy phục một cách tuyệt đối cho dù có nhận thức được giá trị của nó hay không. Và tất

cả những kinh sách trước đây đã bị xóa bỏ và được thay thế bởi Qur'an.

4- Tin các vị Thiên sứ của Ngài: Gồm có bốn yếu tố.

1- Tin rằng bức thông điệp được họ mang đến là Chân lý đến từ Allah, Đấng Tối Cao. Người nào phủ nhận bất kỳ một bức thông điệp từ vị Thiên sứ nào trong số họ thì coi như y đã phủ nhận tất cả họ.

2- Tin nơi các vị mà chúng ta được cho biết tên của họ như: Muhammad, Ibrahim, Musa, Ysa (Giê-su) và Nuh.

3- Tin những gì được xác thực về họ.

4- Chấp hành và tuân thủ theo giáo luật của vị được cử phái đến với chúng ta trong bọn họ, và Muhammad ﷺ là vị cuối cùng trong bọn họ và Người là vị được cử phái đến cho toàn nhân loại.

5- Tin nơi Ngày Sau (Ngày Tận thế, Ngày Phục sinh, Ngày Phán xét): gồm ba yếu tố.

1- Tin vào sự phục sinh.

2- Tin vào sự xét xử và thưởng phạt.

3- Tin vào Thiên Đàng và Hỏa Ngục.

Đức tin Iman nơi Ngày Sau còn bao hàm niềm tin vào tất cả những gì diễn ra sau cái chết và tiêu biểu là cuộc thử thách trong cõi mộ (cõi chết), nơi đó cũng

có cực hình để trừng phạt và sự dễ chịu thoải mái để khen thưởng.

6- Tin vào định mệnh (số phận được định sẵn) tốt xấu: Gồm bốn yếu tố.

1- Tin rằng Allah, Đấng Tối Cao biết và am tường mọi vật, mọi sự việc, mọi hiện tượng một cách cụ thể và chi tiết.

2- Tin rằng Allah đã ghi tất cả những điều trên trong Lawhul-Mahfuzh (Bản văn lưu trữ, còn được gọi là quyển sổ mẹ).

3- Tin rằng tất cả mọi sự hình thành và hoạt động của mọi vạn vật đều nằm trong ý muốn của Allah.

4- Tin rằng tất cả mọi vạn vật đều là tạo vật của Allah, Đấng Tối Cao. Bản chất, thuộc tính và hành động đều do Ngài tạo ra.

❖ Bằng chứng cho sáu trụ cột của đức tin:

1- Lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿لَيْسَ الْبِرَّ أَنْ تُوَلُّوا وُجُوهَكُمْ قِبَلَ الْمَشْرِقِ وَالْمَغْرِبِ وَلَكِنَّ

الْبِرَّ مَنْ ءَامَنَ بِاللَّهِ وَالْيَوْمِ الْآخِرِ وَالْمَلَائِكَةِ وَالْكِتَابِ وَالنَّبِيِّينَ

(البقرة : ١٧٧)

❖ **Sự ngoan đạo không phải là các người quay mặt về hướng đông hay hướng tây, mà sự ngoan đạo là các**

người tin tưởng nơi Allah, tin tưởng nơi Ngày Sau, tin nơi các Thiên thần, các Kinh sách và các vị Nabi» (Chương 2. Al-Baqarah, câu 177).

2- Lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿إِنَّا كُلَّ شَيْءٍ خَلَقْنَاهُ بِقَدَرٍ﴾ (القمر : ٤٩)

«Quả thật, TA (Allah) tạo hóa tất cả mọi vạn vật theo Tiên định» (Chương 54. Al-Qamar, câu 49).

3- Từ Sunnah, theo những gì được ghi lại trong Hadith về việc Đại Thiên thần Jibril biến thành một người đàn ông đến gặp Nabi ﷺ và hỏi: Người hãy cho ta biết về đức tin Iman? Người ﷺ nói:

«أَنْ تُؤْمِنَ بِاللَّهِ وَمَلَائِكَتِهِ وَكُتُبِهِ وَرُسُلِهِ وَالْيَوْمِ الْآخِرِ وَتُؤْمِنَ بِالْقَدَرِ خَيْرِهِ وَشَرِّهِ» (رواه مسلم)

“Rằng người phải tin nơi Allah, các Thiên thần của Ngài, các Kinh sách của Ngài, các vị Thiên sứ của Ngài, tin vào Ngày Sau và tin vào định mệnh tốt xấu.” (Muslim).



Ihsan

❖ Định nghĩa

- **Theo nghĩa của từ:** Là trái nghĩa của sự xấu xa và tội lỗi.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Sự theo dõi và quan sát của Allah trong mọi tình huống và hoàn cảnh, thâm kín hay công khai.

❖ **Các trụ cột của Ihsan:** Chỉ có duy nhất một trụ cột. Đó là **“Rằng thờ phượng Allah như thể chúng ta nhìn thấy Ngài, và nếu chúng ta không thể nhìn thấy Ngài thì hãy biết rằng, quả thật Ngài nhìn thấy chúng ta”**.

❖ **Phân loại Ihsan:** Có hai loại.

1- Ihsan đối với tạo vật của Đấng Tạo Hóa trong bốn điều:

- Tiền tài
- Danh vọng
- Kiến thức
- Thể xác (sức khỏe)

2- Ihsan trong việc thờ phượng Đấng Tạo Hóa: Có hai phương diện:

Thứ nhất: Phương diện **“thờ phượng Allah như thể chúng ta nhìn thấy Ngài”**. Và đây là phương diện cao nhất trong hai phương diện.

Thứ hai: Phương diện theo dõi và quan sát từ phía Đấng Tạo Hóa **“và nếu chúng ta không thể nhìn**

thấy Ngài thì hãy biết rằng, quả thật Ngài nhìn thấy chúng ta”.

❁ **Bảng chứng cho Ihsan:**

﴿إِنَّ اللَّهَ مَعَ الَّذِينَ اتَّقَوْا وَالَّذِينَ هُمْ مُحْسِنُونَ﴾ (النحل : ١٢٨)

﴿**Quả thật, Allah ở cùng với những ai sợ Ngài và với những ai là người làm tốt**﴾ (Chương 16. An-Nahl, câu 128).

Nabi Muhammad ﷺ khi được đạ Thiên thần Jibril hỏi về Ihsan thì Người nói:

« أَنْ تَعْبُدَ اللَّهَ كَأَنَّكَ تَرَاهُ فَإِنْ لَمْ تَكُنْ تَرَاهُ فَإِنَّهُ يَرَاكَ » (رواه مسلم)

“**Người phải thờ phượng Allah như thể người nhìn thấy Ngài, còn nếu như người không thể nhìn thấy Ngài thì hãy biết rằng, quả thật Ngài nhìn thấy người”** (Muslim).



Mối Liên Hệ Giữa Islam, Iman Và Ihsan

Thứ nhất: Khi ba cấp bậc này được nhập chung với nhau thì mỗi một cấp bậc lại mang một ý nghĩa và giá trị riêng biệt.

1- **Islam:** Ý nghĩa và giá trị của nó là biểu hiện cho những hành động bên ngoài, những việc làm có thể nhìn thấy được.

2- **Iman:** Biểu hiện cho những điều vô hình, tức biểu hiện cho nội tâm.

3- **Ihsan:** Biểu hiện cho cảnh giới cao nhất của tôn giáo.

Thứ hai: Khi tách ba cấp bậc này thành riêng lẻ thì chúng lại là một phần của nhau.

1- Khi tách riêng Islam ra thì trong Islam lại có Iman.

2- Khi tách riêng Iman ra thì trong Iman lại có Islam.

3- Khi tách riêng Ihsan ra thì trong Ihsan lại có Islam và Iman.



Thờ Phụng

❁ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là hạ mình, sùng kính và bái phục.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Là danh từ chỉ tất cả những gì mà Allah yêu thích và hài lòng từ lời nói, hành động công khai hay thầm kín.

❁ Nguyên do gọi các việc làm được giáo luật quy định cho những người có trách nhiệm và bổn phận là “**thờ phượng**”: Bởi vì họ bị bắt buộc phải chấp hành theo những giáo luật được Allah sắc lệnh một cách hạ mình và phủ phục.

❁ **Các trụ cột của thờ phượng:** Gồm có ba trụ cột.

- 1- Tình yêu.
- 2- Lòng kính sợ.
- 3- Niềm hy vọng.

❁ **Điều kiện để việc thờ phượng có giá trị và được chấp nhận:** Có hai điều kiện.

- 1- Sự thành tâm.

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَا أُمْرُوا إِلَّا لِيَعْبُدُوا اللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ حُنَفَاءَ﴾ (البينة: ٥)

﴿Và họ được sắc lệnh chỉ thờ phượng một mình Allah, triệt để thờ phượng Ngài một cách chính trực và thành tâm﴾ (Chương 98. Al-Bayyinah, câu 5).

2- Làm đúng theo sự chỉ dẫn của Nabi Muhammad ﷺ.

Nabi nói:

« مَنْ عَمِلَ عَمَلًا لَيْسَ عَلَيْهِ أَمْرُنَا فَهُوَ رَدٌّ » (متفق عليه)

“Người nào làm bất kỳ việc gì đó mà nó không có trong sứ mạng của ta thì việc làm đó không được chấp nhận.” (Hadith được thống nhất bởi toàn thể học giả Islam).

❖ Thờ phượng được phân thành hai loại:

- 1- Thờ phượng Kawni-yah (trong phạm trù vũ trụ)
- 2- Thờ phượng Shar-i-yah (trong phạm trù giáo luật)

❖ Thờ phượng Kawni-yah:

- Định nghĩa: Sự phủ phục mọi mệnh lệnh của Allah trong quy luật hoạt động của vũ trụ.

- Loại này bao hàm tất cả mọi tạo sinh của Allah không loại trừ một ai: kể cả người có đức tin kafir (vô đức tin), người ngoan đạo, và người không ngoan đạo.

- Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿إِنَّ كُلَّ مَنْ فِي السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ إِلَّا آتَى الرَّحْمَنِ عَبْدًا﴾ (مريم: ٩٣)

﴿**Quả thật, bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất đều phải đến trình diện Đấng Rất mực ĐỘ lượng như một người bề tôi**﴾ (Chương 19. Maryam, câu 93).

❁ Thờ phượng Shar-i-yah:

- Định nghĩa: Sự phủ phục mọi mệnh lệnh của Allah qua các giáo luật mà Ngài đã ban hành.

- Và loại này chỉ dành riêng cho những ai vâng lệnh Allah và noi theo đúng những gì các vị Thiên Sứ của Ngài mang đến.

- Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿وَعِبَادُ الرَّحْمَنِ الَّذِينَ يَمْشُونَ عَلَى الْأَرْضِ هَوْنًا﴾ (الفرقان: ٦٣)

﴿**Và bày tôi của Đấng Rất mực ĐỘ lượng là những ai đi lại trên mặt đất dáng điệu khiêm tốn**﴾ (Chương 25. Al-Furqan, câu 63).



Nguyên Tắc Quan Trọng Trong Tawhid Thờ Phụng

❖ Nội dung của nguyên tắc:

“Bất kỳ một hành động nào được cho là thờ phụng thì chỉ được phép thực hiện nó hướng về một mình Allah, Đấng duy nhất, được gọi là Tawhid, còn nếu thực hiện nó để hướng đến một ai (vật) khác ngoài Ngài thì đó là Shirk, một điều làm ô uế Tawhid vô cùng tội lỗi”

❖ Bằng chứng cho nguyên tắc này:

Có rất nhiều bằng chứng nhưng tiêu biểu là các lời phán của Allah sau đây:

﴿وَأَعْبُدُوا اللَّهَ وَلَا تُشْرِكُوا بِهِ شَيْئًا﴾ (النساء : ٣٦)

﴿Các ngươi hãy thờ phụng Allah và không được làm Shirk (tổ hợp một đối tác ngang hàng) với Ngài một điều gì﴾ (Chương 4. An-Nisa, câu 36).

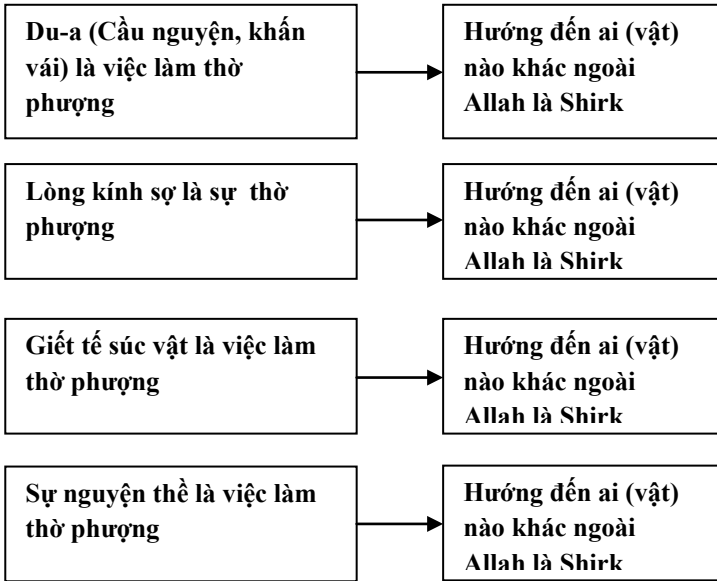
﴿وَقَضَىٰ رَبُّكَ أَلَّا تَعْبُدُوا إِلَّا إِيَّاهُ﴾ (الإسراء: ٢٣)

﴿Và Thượng Đế của Ngươi (Muhammad) sắc lệnh rằng các ngươi chỉ được phép thờ phụng một mình Ngài duy nhất﴾ (Chương 17. Al-Isra, câu 23).

﴿قُلْ تَعَالَوْا أَتْلُ مَا حَرَّمَ رَبُّكُمْ عَلَيْكُمْ أَلَّا تُشْرِكُوا بِهِ شَيْئًا﴾
(الأنعام : ١٥١)

﴿Hãy bảo họ (Muhammad!): “Đến đây, Ta đọc cho các người điều lệnh mà Thượng Đế của các người đã cấm các người: Chớ đừng tổ hợp bất cứ cái gì với Ngài﴾ (Chương 6. Al-An’am, câu 151).

❁ **Thí dụ:**



Các Loại Tình Yêu

Tình yêu trong vấn đề Tawhid được phân thành bốn loại:

1- Tình yêu mang tính thờ phượng:

- Tình yêu dành cho Allah.
- Tình yêu đối với những gì mà Allah yêu thích.

Và bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿وَالَّذِينَ آمَنُوا أَشَدُّ حُبًّا لِلَّهِ﴾ (البقرة: ١٦٥)

Và những người có đức tin thì yêu thương Allah nhiều hơn ﴿(Chương 2. Al-Baqarah, câu 165).

2- Tình yêu mang tội Shirk:

Đó là tình yêu dành cho những ai (vật) khác ngoài Allah, bằng sự phủ phục và sùng bái chúng trong khi những biểu hiện đó chỉ được dành riêng cho Allah duy nhất.

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿وَمِنَ النَّاسِ مَنْ يَتَّخِذُ مِنْ دُونِ اللَّهِ أَنْدَادًا يُحِبُّونَهُمْ كَحُبِّ

اللَّهِ﴾ (البقرة: ١٦٥)

﴿Nhưng trong nhân loại, có những kẻ đã dựng những đối tác ngang hàng cùng với Allah. Họ yêu thương chúng giống như tình yêu họ dành cho Allah﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 165).

3- Tình yêu cho việc làm trái đạo:

Sự yêu thích làm những điều xấu và tội lỗi nghịch lại giáo luật như Bid'ah (đổi mới, cải biên), những điều cấm Haram, và không chấp hành mệnh lệnh của giáo luật.

Và bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿إِنَّ الَّذِينَ يُحِبُّونَ أَنْ تَشِيعَ الْفَاحِشَةُ فِي الَّذِينَ ءَامَنُوا لَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ فِي الدُّنْيَا وَالْآخِرَةِ وَاللَّهُ يَعْلَمُ وَأَنْتُمْ لَا تَعْلَمُونَ ﴿١٩﴾﴾ (النور: ١٩)

﴿Và những ai yêu thích phổ biến rộng rãi những điều nghịch đạo trong hàng ngũ của những người có đức tin thì sẽ chịu một hình phạt đau đớn trên trần gian và cả Ngày Sau. Và Allah biết rõ trong lúc các người không biết﴾ (Chương 24. An-Nur, câu 19).

4- Tình yêu tự nhiên:

Thứ tình cảm tự nhiên của con người được Allah ban cho như tình yêu đối với con cái, cha mẹ, vợ

chồng, người thân thuộc, bản thân và những người khác. Đây là thứ tình yêu được phép.

﴿رُزِيَ لِلنَّاسِ حُبُّ الشَّهَوَاتِ مِنَ النِّسَاءِ وَالْبَنِينَ وَالْقَنَاطِيرِ
 الْمُقَنْطَرَةِ مِنَ الذَّهَبِ وَالْفِضَّةِ وَالْخَيْلِ الْمُسَوَّمَةِ وَالْأَنْعَامِ وَالْخَرْثِ
 ذَلِكَ مَتَاعُ الْحَيَاةِ الدُّنْيَا وَاللَّهُ عِنْدَهُ حُسْنُ الْمَبَاقِ﴾ (آل
 عمران: ١٤)

﴿Nhân loại thường yêu thích những thú vui từ phụ nữ, con cái, kho tàng vàng bạc chất đống, giống ngựa tốt, gia súc và đất đai trồng trọt tốt. Đó là sự hưởng thụ của đời sống trần tục này trong lúc ở nơi Allah có một chỗ quay về tốt đẹp hơn (những thứ đó)﴾ (Chương 3. Ali-Imran, câu 14).



Sự Sợ Hãi

✿ Khái niệm:

Đó là một xúc cảm hay một cảm giác xảy ra khi gặp phải những gì dẫn đến sự hủy diệt, hoặc gây hại cho bản thân.

✿ Các loại sợ hãi:

1- Sợ hãi mang tính Đại Shirk:

Đó là sự sợ hãi thâm kín: Sợ những ai (vật) khác ngoài Allah về những gì mà không ai (vật) nào có quyền năng trên nó ngoại trừ Allah duy nhất.

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿فَلَا تَخَافُوهُمْ وَخَافُونِ إِنْ كُنْتُمْ مُّؤْمِنِينَ﴾ (آل عمران : ١٧٥)

﴿Bởi thế, chớ sợ chúng mà hãy sợ TA (Allah) nếu các ngươi là những người có đức tin﴾ (Chương 3. Ali-Imran, câu 175).

2- Sợ hãi được xem là haram:

Và đó là sự từ bỏ bỏn phận của tín đồ và làm những điều haram vì lo sợ thiên hạ.

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿فَلَا تَخْشَوُا النَّاسَ وَاخْشَوْنِ﴾ (المائدة : ٤٤)

﴿**Bởi thế, chớ sợ con người mà hãy sợ TA**﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 44).

3- Sự sợ hãi được phép:

Đó là sự sợ hãi tự nhiên như sợ Sư tử, sợ kẻ thù, sợ quyền cai trị,...

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿فَأَصْبَحَ فِي الْمَدِينَةِ خَائِفًا يَتَرَقَّبُ﴾ (القصص: ١٨)

﴿**Nhưng vào buổi sáng nọ, khi Người (Nabi Musa) đang ở trong thành phố vừa lo sợ vừa ngó chừng (binh lính của Fir'aun, sợ chúng đến lùng bắt)**﴾ (Chương 28. Al-Qasas, câu 18).

4- Sự sợ hãi mang tính thờ phượng:

Đó là nỗi sợ một mình Allah duy nhất, không có đối tác cùng Ngài.

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿وَلِمَنْ خَافَ مَقَامَ رَبِّهِ جَنَّاتٍ﴾ (الرحمن: ٤٦)

﴿Và đối với ai sợ việc đứng trình diện trước Thượng Đế của y sẽ có được hai Ngòi vườn Thiên Đàng﴾
(Chương 55. Ar-Rahman, câu 46).

✿ **Nỗi sợ Allah có hai dạng:**

1- Dạng được khen ngợi:

Đó là nỗi sợ giúp ngăn cách giữa người bề tôi với những điều trái lệnh Allah, giúp người bề tôi thực hiện, hoàn thành tốt các bổn phận và từ bỏ những điều nghiêm cấm.

2- Dạng không được khen ngợi:

Đó là nỗi sợ khiến người bề tôi chán chường và tuyệt vọng về lòng nhân từ của Allah.



Hy Vọng

❁ Định nghĩa:

Niềm hy vọng là niềm tin một điều gì đó được yêu thích chắc chắn sẽ xảy đến với sự mong mỏi và chờ đợi.

❁ Các dạng hy vọng: Có ba dạng.

1- Hy vọng mang tính thờ phượng:

Đó là niềm hy vọng nơi Allah, một Đấng duy nhất, không có đối tác cùng Ngài. Niềm hy vọng ở dạng này có hai loại:

- Niềm hy vọng được khen ngợi:

Đó là niềm hy vọng luôn đi song phương cùng với hành động tuân lệnh Allah.

- Niềm hy vọng bị khiển trách, chỉ trích:

Đó là niềm hy vọng không kèm theo hành động, đây là niềm hy vọng hão huyền và ảo tưởng.

2- Hy vọng mang tính Shirk:

Đó là niềm hy vọng vào những ai (vật) khác ngoài Allah về những điều mà không một tạo vật nào có khả năng ngoài quyền năng của Allah.

3- Hy vọng của bản chất tự nhiên trong con người:

Đó là sự hy vọng về một điều gì đó từ một người nào đó có khả năng thực hiện nó, như khi chúng ta nói: “Tôi hy vọng anh sẽ đến”.

❁ Bằng chứng cho niềm hy vọng cũng là điều thờ phượng:

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿فَمَنْ كَانَ يَرْجُوا لِقَاءَ رَبِّهِ فَلْيَعْمَلْ عَمَلًا صَالِحًا وَلَا يُشْرِكْ

بِعِبَادَةِ رَبِّهِ أَحَدًا﴾ (الكهف: ١١٠)

﴿Do đó, ai kỳ vọng được gặp lại Thượng Đế của y, thì nên làm việc thiện và chớ tổ hợp với Allah một đối tác ngang hàng trong việc thờ phượng﴾ (Chương 18. Al-Kahf, câu 110).



Tawakkul (Sự Phó Thác)

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Tawakkul có nghĩa là sự tin cậy và gửi gắm.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Tawakkul là sự đặt niềm tin và phó thác cho Allah, một Đấng duy nhất.

✿ **Tawakkul theo giáo luật:** Tawakkul đúng theo giáo luật phải hội đủ ba yếu tố:

1- Đặt niềm tin nơi Allah một niềm tin thực sự.

2- Tuyệt đối tin tưởng và kiên định nơi Allah rằng tất cả mọi vụ việc đều trong tay Allah.

3- Hành động để tạo ra nguyên nhân (Allah là Đấng cho thành hay không thành) trong khuôn khổ cho phép của giáo luật.

✿ Các loại Tawakkul: Có ba loại.

1- Tawakkul mang tính thờ phượng:

Đó là sự phó thác cho Allah, một Đấng duy nhất, không có đối tác cùng Ngài.

2- Tawakkul mang tính Shirk:

- Như đặt niềm tin vào những ai (vật) khác ngoài Allah về những điều mà nó chỉ thuộc phạm vi của Ngài.

- Đặt niềm tin hoàn toàn hay một phần vào các nguyên nhân.

3- **Tawki-l (Sự ủy thác hay ủy nhiệm):** Đó là việc chúng ta nhờ cậy một người nào đó làm thay cho mình một điều gì đó mà người đó có khả năng (khả năng của một con người). Đây là Tawakkul được phép.

❖ **Sự khác nhau giữa Tawakkul (phó thác) và Tawki-l (ủy thác):**

- Tawakkul là việc làm của nội tâm.

- Tawki-l là việc làm biểu hiện ở bên ngoài.

❖ **Bằng chứng về Tawakkul:**

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَعَلَى اللَّهِ فَتَوَكَّلُوا إِن كُنْتُمْ مُؤْمِنِينَ﴾ (المائدة: ٢٣)

﴿**Hãy phó thác cho Allah nếu các người có đức tin thực sự**﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 23).



Du-a (Cầu nguyện, Khấn vái)

✿ Du-a là thờ phượng:

Du-a là một trong các việc thờ phượng khác bởi lời di huấn của Nabi ﷺ:

« الدُّعَاءُ هُوَ الْعِبَادَةُ » (رواه الترمذي)

“Du-a là một việc làm thờ phượng” (At-Tirmizhi).

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَأَنَّ الْمَسْجِدَ لِلَّهِ فَلَا تَدْعُوا مَعَ اللَّهِ أَحَدًا﴾ (الجن : ١٨)

﴿Và những thánh đường là của Allah, bởi thế, chớ cầu nguyện một ai khác ngoài Allah﴾ (Chương 72. Al-Jinn, câu 18).

✿ Các dạng Du-a: Có hai dạng.

1- Du-a thờ phượng:

Bao hàm tất cả mọi việc làm thờ phượng của một người đối với Thượng Đế của y. Thí dụ: đi hành hương Hajj, bổ thí cho người nghèo, nhịn chay, ...

Nguyên nhân gọi các việc làm thờ phượng này là Du-a bởi vì Du-a có nghĩa là sự cầu xin và khẩn vái, mà một người làm những việc làm này mục đích chỉ muốn cầu xin Allah thương yêu họ và thu nhận họ vào Thiên Đàng.

2- Du-a Mas-alah (Cầu xin một điều gì đó)

Là sự cầu nguyện và khẩn vái Allah ban cho phúc lành hay một điều gì đó. Thí dụ như chúng ta nói: “Lạy Thượng Đế, xin Ngài hãy thương xót bề tôi! Ôi Thượng Đế, xin Ngài hãy tha thứ tội lỗi cho bề tôi! ...”.

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿وَمَنْ يَدْعُ مَعَ اللَّهِ إِلَهًا آخَرَ لَا بُرْهَانَ لَهُ بِهِ فَإِنَّمَا حِسَابُهُ

عِنْدَ رَبِّهِ إِنَّهُ لَا يُفْلِحُ الْكَافِرُونَ ﴿١١٧﴾ (المؤمنون: ١١٧)

﴿Và ai cầu nguyện xin một thần linh khác cùng với Allah mà không có một bằng chứng nào về việc (thờ phượng) đó thì quả thật việc thanh toán của y là ở nơi Thượng Đế của y. Và quả thật, những người không có đức tin sẽ không thành đạt.﴾ (Chương 23. Al-Mu'minin, câu 117).



Ruq'a (Câu Thần Chú)

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là danh từ số nhiều của “رقية” “Ruqyah” có nghĩa là sự cầu xin cứu rỗi.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Là những câu kinh, những lời tụng niệm và những lời Du-a được đọc để chữa bệnh và xua đuổi tà ma.

✿ Các loại Ruq'a: Có hai loại.

- 1- Ruq'a được giáo luật cho phép.
- 2- Ruq'a bị nghiêm cấm.

✿ Các Ruqyah được giáo luật cho phép:

Đó là những gì phải được hội đủ ba điều kiện đã được thống nhất bởi giới học giả Islam:

1- Nó phải bằng ngôn từ Ả rập rõ ràng, và được hiểu ý nghĩa nội dung.

2- Nó phải là lời phán của Allah hoặc là các thuộc tính cũng như những đại danh của Ngài.

3- Không được tin cậy hoàn toàn vào nó, mà phải hiểu rằng Ruqyah thực chất không gây một hiệu lực nào, tất cả đều phụ thuộc vào quyền năng và sự cho phép của Allah, Đấng Tối Cao.

❖ Các Ruqyah bị nghiêm cấm:

Đó là những gì nằm ngoài các điều kiện của các Ruqyah được giáo luật cho phép.

❖ Bằng chứng từ Sunnah về Ruqa:

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« إِنَّ الرُّقَى وَالْتَّمَائِمَ وَالتَّوَلَةَ شِرْكٌ » (رواه أحمد وأبو داود)

“Quả thật Ruqa (các lời thần chú), đeo bùa ngải, và bùa yêu là những việc làm Shirk” (Ahmad, Abu Dawood ghi lại).

« اعْرِضُوا عَلَيَّ رُقَاكُمْ لَا بَأْسَ بِالرُّقَى مَا لَمْ يَكُنْ فِيهِ شِرْكٌ »
(رواه مسلم)

“Hãy cho ta biết tất cả các hình thức Ruqa của các người đi. (Và sau khi Người ﷺ nghe xong thì bảo:) Không vấn đề gì đối với Ruqa mà nó không dính vào đại tội Shirk” (Muslim).



Tama-im (Bùa Đeo)

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là danh từ số nhiều của “تميمة” “Tami-mah” có nghĩa là bùa đeo hay bùa hộ mạng.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Tama-im là danh từ chỉ tất cả những gì được đeo trên cổ, tay, và trên mình với niềm tin sẽ tránh được tà ma, bùa ngải và xua đuổi bệnh tật. (Thường là để đeo trên cổ của trẻ con).

✿ Các dạng Tama-im (Bùa đeo): Có hai dạng.

1- **Dạng thứ nhất:** Các loại bùa đeo từ Qur'an, các lời Du-a được di huấn từ Nabi ﷺ. Và đích thực những thứ này đều bị nghiêm cấm bởi ba yếu tố sau:

- Lời di huấn của Nabi ﷺ nghiêm cấm chung tất cả các loại Tama-im (Bùa đeo) không phân biệt bất kỳ một loại nào.

- Đóng chặt các phương tiện dẫn đến những điều không được phép.

- Bởi vì nó sẽ trở thành một việc làm khinh rẻ khi người đeo nó mang vào trong nhà vệ sinh để giải quyết nhu cầu.

2- Dạng thứ hai: Các loại Tama-im (Bùa đeo) không phải từ Qur'an, các lời Du-a được di huấn từ Nabi ﷺ, như những gì được viết lên đó từ những tên gọi của Jinn (ma quỷ) và Shaytan, hay những kí hiệu không được hiểu nghĩa. Đây là dạng hoàn toàn Haram (bị nghiêm cấm) rất rõ ràng, và đó đích thực là việc làm Shirk bởi vì đã đeo vào người những thứ của những thần linh (những người mê tín quan niệm như vậy) ngoài Allah.

❖ Tóm lại:

Quả thật, tất cả mọi Tama-im (Bùa đeo) đều Haram, dù từ Qur'an hay không phải Qur'an. Nếu từ những gì khác với Qur'an thì đó vừa là Haram vừa là Shirk.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

« إِنَّ الرُّقَى وَالتَّمَائِمَ وَالتَّوَلَةَ شِرْكٌ » (رواه أحمد وأبو داود)

“Quả thật Ruqa (các lời thần chú), đeo bùa ngải, và bùa yêu là những việc làm Shirk” (Ahmad, Abu Dawood ghi lại).



Tabarruk (Cầu Phúc)

✿ Ý nghĩa của Tabarruk:

- Theo nghĩa của từ: Có nhiều thứ gì đó một cách vững chắc.

- Theo thuật ngữ giáo luật: Cầu xin phúc lành với sự mong mỏi và tin tưởng.

✿ Các loại Tabarruk: Có hai loại.

- 1- Tabarruk được phép, hợp với giáo luật.
- 2- Tabarruk trái với giáo luật, bị nghiêm cấm.

✿ Tabarruk được phép:

1- Tabarruk qua cơ thể của Nabi ﷺ và những gì nằm ngoài cơ thể của Người. Và đây đặc biệt chỉ đối với Nabi ﷺ khi Người còn sống trên thế gian.

2- Tabarruk bởi những lời nói, việc làm hợp giáo luật mà khi một người bề tôi thực hiện nó đều mang lại phúc lành và tốt đẹp, như đọc Qur'an, tụng

niệm tưởng nhớ Allah, tham dự những buổi thuyết giảng để học hỏi kiến thức (đạo giáo).

3- Tabarruk tại những nơi, những địa điểm được Allah ban phúc lành, như các Masjid (Thánh đường) và những xứ sở như Makkah, Madinah, Sha-m (Palestine).

Và ý nghĩa của việc Tabarruk bởi những nơi này là làm nhiều việc thiện tốt, thờ phượng Allah bởi những hành động hợp giáo luật tại đó, chứ không phải là sờ, chạm vào các vách tường, hay các cột của của những nơi đó.

4- Tabarruk bởi những thời điểm mà Allah đã đặc biệt nó và ban thêm cho nó nhiều ân phúc hơn, như tháng Ramadan, mười ngày của tháng Zhul-Hajj, đêm định mệnh (Qadr) và khoảng thời gian một phần ba cuối cùng của đêm. Và việc Tabarruk ở đây có nghĩa là tìm sự phúc lành qua nhiều việc làm thiện tốt, thờ phượng Allah với các hình thức thờ phượng được giáo luật quy định.

5- Tabarruk bởi những thức ăn, thức uống được Allah cho nhiều ân phúc, như dầu Ôliu, mật ong, sữa chua, hạt thì là, nước Zamzam⁽³⁾.

❖ Tabarruk bị nghiêm cấm:

⁽³⁾ Nước Zamzam đích thực không bị mất đi phúc lành khi di chuyển từ một nơi đến một nơi khác.

1- Không được phép Tabarruk tại các địa điểm không phải là những nơi được Allah ban phúc, như:

- Chạm, sờ vào những bức tường của những nơi được Allah ban phúc, hôn vào các cửa cũng như các cột của chúng hoặc lấy đất những nơi đó và cho rằng có thể được khỏi bệnh.

- Tabarruk bởi các mộ mả của những người ngoan đạo, hay mộ của Nabi ﷺ.

- Tabarruk ở những nơi có liên quan đến các sự kiện lịch sử như nơi sinh của Nabi ﷺ hoặc hang núi Hira' hoặc hang Thawr.

2- Tabarruk bị nghiêm cấm liên quan đến thời gian như:

- Làm những sự việc trái với giáo luật và những hình thức thờ phượng Bid-ah (mới, không có trong sứ mạng của Nabi ﷺ) vào những thời điểm được giáo luật cho là có ân phúc.

- Tabarruk vào những thời điểm mà giáo luật không cho là có ân phúc, như ngày sinh của Thiên Sứ, đêm Isra'- Mi'ra'j (Dạ hành và thăng thiên), đêm của nửa tháng Sha'ban cũng như các ngày và các đêm kỷ niệm về sự kiện lịch sử.

3- Tabarruk bởi thân thể của các vị ngoan đạo và những chứng tích của họ:

Không được phép Tabarruk bởi thân thể của một người phạm tục nào ngoài Nabi ﷺ. Và đây là điều đặc biệt dành riêng đối với Thiên Sứ ﷺ khi Người đang còn sống.

❖ Những nguyên tắc cũng như các chuẩn mực trong Tabarruk:

1- Tabarruk là một hình thức thờ phượng, và nguyên gốc của mọi sự thờ phượng đều bị nghiêm cấm và nguy hiểm cho đến khi nào có chỉ đạo từ trong giáo luật.

2- Tất cả mọi ân phúc đều đến từ Allah, một Đấng Duy nhất. Ngài là Đấng ban mọi phúc lành và mọi hồng ân, cho nên, không được cầu xin, mong mỏi ân phúc từ những ai (gì) khác ngoài Ngài .

3- Tabarruk chỉ có thể thực hiện đối với những gì được giáo luật minh chứng rõ ràng nó thực sự có ân phúc. Và điều Tabarruk sẽ không mang lại hữu ích ngoại trừ người thực hiện nó là người vững chắc Tawhid, có đức tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài ﷺ.

4- Tabarruk với những gì được giáo luật xác thực là có ân phúc, phải được noi theo đúng đường lối

được giáo luật qui định chứ không phải là đường lối Bid'ah hay những đường lối cũng như các phương thức mà những vị ngoan đạo chính trực thời trước chưa từng làm.



Các Quy Tắc Quan Trọng Về Các Tác Nhân

1- Các tác nhân đều thông qua quyền năng của Allah chứ bản thân chúng không có quyền năng, bởi Allah là Đấng tác nhân của chúng và cho chúng tồn tại.

2- Tất cả mọi tác nhân đều được chối buộc bởi sự định đoạt và chiếu chỉ của Allah.

3- Việc xác định một điều gì đó làm nguyên nhân có hai cách:

Cách thứ nhất: Bằng con đường giáo luật. Thí dụ: Mật ong là nguyên nhân cho khỏi bệnh vì Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَأَوْحَىٰ رَبُّكَ إِلَى التَّحْلِ أَنْ آتَخِذِي مِنَ الْجِبَالِ بُيُوتًا وَمِنَ الشَّجَرِ
وَمِمَّا يَعْرِشُونَ ﴿٢٨﴾ ثُمَّ كُلِّي مِنْ كُلِّ الثَّمَرَاتِ فَاسْلُكِي سُبُلَ رَبِّكِ ذُلُلًا

﴿يَخْرُجُ مِنْ بُطُونِهَا شَرَابٌ مُخْتَلِفٌ أَلْوَانُهُ فِيهِ شِفَاءٌ لِلنَّاسِ﴾
(النحل: ٦٨ – ٦٩)

﴿Và Thượng Đế của Người (Muhammad) đã mặc khải cho ông mật rằng: “Hãy xây tổ trên núi, trên cây và trên những vật mà họ (con người) đã dựng lên. Hãy ăn (hút mật) mỗi loại trái cây rồi hãy đi theo các con đường thành-thuộc của Thượng Đế của người!”. Từ trong bụng của chúng tiết ra một loại chất uống với nhiều màu sắc khác biệt, trong đó chứa một dược liệu chữa bệnh cho nhân loại﴾
(Chương 16. An-Nahl, câu 68 -69).

Cách thứ hai: Bằng con đường thử nghiệm và xem xét tính toán.

Thí dụ: Lửa là nguyên nhân gây cháy. Để xác định chính xác điều đó thì phải trải qua thử nghiệm thực tế mới có thể đánh giá và khẳng định, còn nếu khẳng định mà không có gì để chứng minh thực tế thì đó là sự viển lý hoặc ảo tưởng, điều này giống như việc khẳng định rằng đeo một cái khoen sẽ tránh được một căn bệnh gì đó hay một điều rủi nào đó.



Tawassul (Cầu Kẻ (Vật) Trung Gian)

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa đen của từ:** Là danh từ có nguồn gốc từ “وسيلة” “Wasi-lah” có nghĩa là phương tiện, tức tìm một thứ gì đó như một phương tiện làm cầu nối trung gian để được đến gần một điều gì đó.

- **Theo nghĩa thành ngữ :** Tìm lấy nguyên nhân để đến gần Allah, Đấng Tối Cao.

✿ Các loại Tawassul: Có hai loại.

- 1- Tawassul được giáo luật cho phép.
- 2- Tawassul bị nghiêm cấm.

❖ **Tawassul được giáo luật cho phép:** Có ba dạng.

1- Tawassul với những đại danh và thuộc tính thiêng liêng và ân phúc của Allah, Đấng Tối Cao.

2- Tawassul bằng những việc làm ngoan đạo và thiện tốt.

3- Tawassul qua sự du-a (cầu nguyện) của một người ngoan đạo còn sống trên thế gian.

❖ **Tawassul bị nghiêm cấm:**

Và đó là Tawassul với những gì khác với ba dạng được nêu ở phần trên của Tawassul được giáo luật cho phép, tiêu biểu như:

1- Tawassul đến với Allah bởi địa vị và bậc cấp của một số người.

2- Du-a (cầu nguyện) và nguyện thề với những người hiền nhân, ngoan đạo còn sống hãy đã chết.

3- Giết súc vật dâng tế cho các linh hồn của những vị hiền nhân, ngoan đạo và tổ chức nghi lễ quanh các ngôi mộ của họ.



Zhabh (Giết Súc Vật) Vì Những Ai (Vật) Khác Ngoài Allah

❁ Định nghĩa Zhabh:

- **Theo nghĩa đen của từ:** Có nghĩa là sự làm cho nứt, làm cho gãy hoặc những gì có ý nghĩa tương tự.

- **Theo nghĩa thành ngữ:** Làm cho chết và làm cho chảy máu để tỏ lòng sùng kính cũng như để dâng cúng dưới hình thức đặc trưng.

❁ Các loại Zhabh (Giết Súc vật): Có ba loại.

1- Zhabh (Giết Súc vật) được giáo luật quy định.

2- Zhabh (Giết súc vật) không bị cấm.

3- Zhabh (Giết súc vật) mang tội Shirk.

❖ Zhabh (Giết súc vật) được giáo luật quy định:

1- Giết súc vật vào ngày đại lễ Eid Al-Adha.

2- Giết súc vật để thực hiện lời nguyện với Allah.

3- Giết súc vật khi thực hiện Hajj.

4- Giết súc vật chịu phạt khi phạm các điều cấm trong nghi thức Hajj cũng như Umrah.

5- Giết súc vật ăn mừng Aqi-qah (lễ cạo đầu) cho trẻ mới sinh.

6- Giết súc vật bố thí cho người nghèo với lòng hảo tâm vì muốn được gần Allah.

7- Giết súc vật để tiếp đãi khách.

❖ Zhabh (Giết súc vật) không bị cấm:

1- Giết súc vật để mua bán kinh doanh.

2- Giết súc vật để ăn thịt.

❖ Zhabh (Giết súc vật) mang tội Shirk:

1- Giết súc vật để cúng tế các bụt tượng, các thần linh ngoài Allah.

2- Giết súc vật để cúng tế Jinn (ma quỷ, và shaytan).

3- Giết súc vật để cúng tế ở các tượng đài ghi công, ở những nơi di tích lịch sử và ở mồ mả.

4- Giết súc vật trước khi vào ở ngôi nhà mới với quan niệm tránh tà ma hay quỷ ám.

5- Giết súc vật khi cô dâu, chú rể bước vào nhà và để hai người họ bước đi trên máu của súc vật vừa giết.

6- Giết súc vật vì Allah nhưng lại không nhân danh Ngài mà nhân danh ai (vật gì) khác ngoài Ngài.

❖ Tóm lược:

1- Giết súc vật là việc làm thờ phượng, nên không được thực hiện nó hướng đến một ai (vật) khác ngoài Allah. Bởi Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿قُلْ إِنَّ صَلَاتِي وَنُسُكِي وَمَحْيَايَ وَمَمَاتِي لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٦٢﴾﴾
(الأنعام: ١٦٢)

﴿**Hãy bảo họ (Muhammad!): Quả thật, cuộc lễ nguyện Salah của ta và việc tế lễ của ta, cuộc sống và cái chết của ta đều hiến trọn cho Allah, Đấng Chủ Tể của vũ trụ**﴾ (Chương 6. Al-An'am, câu 162).

2- Giết súc vật vì một ai (vật) khác ngoài Allah được coi là một việc làm đại Shirk. Người làm nó sẽ bị nguyên rủa bởi lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ có nói:

« لَعَنَ اللَّهُ مَنْ ذَبَحَ لِغَيْرِ اللَّهِ » (رواه مسلم)

“Allah nguyên rủa người nào giết tế cho những ai (vật) khác ngoài Allah” (Muslim).



Nazhr (Sự Nguyện Thề) Với Những Ai (Vật) Khác Ngoài Allah

❁ **Định nghĩa:**

- Theo nghĩa của từ: Là bôn phạt.

- Theo nghĩa trong giáo luật: Nazhr có nghĩa là bôn phạt và nhiệm vụ tình nguyện của một người khi y đã nguyện thề.

❁ Nazhr (nguyện thề) là thờ phượng dành riêng cho một mình Allah:

Hãy biết rằng sự nguyện thề là việc làm thờ phượng chỉ đối với một mình Allah duy nhất, không được hướng đến một ai (vật) khác ngoài Ngài. Người nào hướng sự nguyện thề đến với một ai (vật) khác ngoài Allah thì quả thật đã phạm vào đại tội Shirk. Allah Đáng Tội Cao phán:

﴿يُوفُونَ بِالتَّذْرِ﴾ (الإنسان : ٧)

﴿Họ thực hiện và hoàn thành lời nguyện thề﴾ (Chương 76. Al-Insan, câu 7).

❖ Khi nào sự nguyện thề trở thành điều Shirk?

Khi nào con người bắt bản thân của mình làm một điều gì đó hướng về một ai (vật) khác ngoài Allah để tỏ lòng sùng kính và tôn thờ. Và tiêu biểu cho điều này là:

1- Như một người nói rằng nếu Allah cho tôi khỏi bệnh thì tôi sẽ cúng tế một con cừu hay một số tiền đến ngôi mộ của vị thánh này.

2- Nếu tôi có con, tôi sẽ giết súc vật tế cho vị thánh tên gì đó ngay tại ngôi mộ của vị ấy.

3- Tôi nguyện với vị thánh này hay vị Jin kia sẽ giết tế ba con vật.

4- Sự nguyện thề đến các bụt tượng.

5- Sự nguyện thề đến mặt trời và mặt trăng.



Isti'a-nah, Istigha-thah, Isti'a-zhah

✿ Ý nghĩa:

- **Isti'a-nah:** Cầu xin sự phù hộ.
- **Istigha-thah:** Cầu xin phúc lành và thắng lợi.
- **Isti'a-zhah:** Cầu xin sự cứu rỗi.

✿ **Bằng chứng cho ba việc làm trên là sự thờ phượng:**

- **Isti'a-nah (Cầu xin sự phù hộ):**

﴿إِيَّاكَ نَعْبُدُ وَإِيَّاكَ نَسْتَعِينُ﴾ (الفاتحة : ٥)

﴿Chỉ với Ngài chúng con xin thờ phượng và chỉ với Ngài chúng con cầu xin sự trợ giúp﴾ (Chương 1. Al-Fatihah, câu 5).

- Istigha-thah (Cầu xin phúc lành và thắng lợi):

﴿إِذْ تَسْتَغِيثُونَ رَبَّكُمْ فَاسْتَجَابَ لَكُمْ﴾ (الأنفال : ٩)

﴿Khi các người cầu xin Thượng Đế của các người ban phúc lành và thắng lợi thì Ngài đã đáp lại lời cầu xin của các người﴾ (Chương 8. Al-Anfal, câu 9).

- Isti'a-zhah (Cầu xin sự cứu rỗi):

﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ﴾ (الناس : ١)

﴿Hãy nói đi (Muhammad!): “Tôi cầu xin Thượng Đế của nhân loại cứu rỗi!”﴾ (Chương 114 An-Nas, câu 1)

✿ Giáo luật về Isti'a-nah, Istigha-thah, và Isti'a-zhah những ai (vật) khác ngoài Allah:

Được chia thành hai loại:

1- Được phép: Khi nào hội đủ bốn điều kiện sau đây:

* Hai điều kiện liên quan đến những điều muốn Isti'a-nah, Istigha-thah, và Isti'a-zah:

- Những điều đó không phải nằm trong quyền năng duy nhất của Ngài.

- Kẻ được khẩn cầu phải có khả năng thực hiện những điều đó.

* Hai điều kiện liên quan đến những ai được Isti'a-nah, Istighathah, và Isti'a-zah:

- Người đó phải là người đang còn sống trên thế giân.

- Người đó phải có mặt ngay lúc được khẩn cầu.



Shafa'ah **(Sự Can Thiệp)**

❁ **Định nghĩa:**

- **Theo nghĩa của từ:** Là danh động từ của “شفع” “Shafa’a” có nghĩa là làm cho cái gì đó thành đôi, và nó trái nghĩa với “وتر” “Witr” (đơn, lẻ).

- **Theo nghĩa thành ngữ:** Nhờ người khác can thiệp để xin hộ điều phúc và giúp tránh điều rủi.

❖ **Các dạng Shafa’ah:** Có hai dạng.

1- Shafa’ah bị phủ nhận

2- Shafa’ah được khẳng định

❖ **Shafa’ah bị phủ nhận:**

Đó là Shafa’ah được khẩn cầu những ai (vật) khác ngoài Allah về những gì mà chỉ có Allah duy nhất mới có quyền năng.

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿يَأْتِيهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا أَنفِقُوا مِمَّا رَزَقْنَاكُمْ مِّن قَبْلِ أَن يَأْتِي يَوْمٌ لَا بَيْعٌ فِيهِ وَلَا خُلَّةٌ وَلَا شَفْعَةٌ ۗ وَالْكَافِرُونَ هُمُ الظَّالِمُونَ ﴿٢٥٤﴾﴾
(البقرة : ٢٥٤)

❖ **Hỡi những ai có niềm ! Hãy chi dùng tài sản mà TA (Allah) đã cung cấp cho các ngươi (để làm việc thiện) trước khi xảy ra Ngày mà sẽ không có việc mua bán đổi chác, sẽ không có tình bạn hữu (bao**

che cho nhau) và cũng sẽ không có sự can thiệp nào (được chấp thuận). Và những kẻ không có đức tin là những kẻ làm điều sai quấy﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 254).

❖ Shafa'ah được khẳng định:

Đó là Shafa'ah được khấn cầu nơi Allah. Và các yếu tố của nó:

- Dưới sự cho phép của Allah đối với người được quyền can thiệp.

- Sự hài lòng của Ngài về người can thiệp và người được can thiệp.

Bằng chứng cho dạng Shafa'ah này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ﴾ (البقرة : ٢٥٥)

﴿Ai là người có thể can thiệp nơi Ngài nếu không có phép của Ngài ?﴾ (Chương 2. Al-Baqarah, câu 255).

﴿وَكَم مِّن مَّلَكٍ فِي السَّمَوَاتِ لَا تُغْنِي شَفَعَتُهُمْ شَيْئًا إِلَّا مِنْ بَعْدِ

أَنْ يَأْذَنَ اللَّهُ لِمَنْ يَشَاءُ وَيَرْضَى﴾ (النجم : ٢٦)

﴿Và có bao nhiêu Thiên Thần trong các tầng trời mà sự can thiệp chẳng có kết quả gì trừ phi Allah chấp

thuận cho ai mà Ngài muốn và hài lòng?﴾ (Chương 53. An-Najm: 26).

❁ **Giáo luật quy định về việc Shafa'ah đến người còn sống có khả năng:**

1- Nếu chúng ta yêu cầu và nhờ vả đến ai đó về một điều gì đó được phép trong giáo luật và người đó có khả năng thực hiện nó thì sự việc này là được phép. Và sự việc này mang ý nghĩa tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau để làm việc tốt.

2- Nếu yêu cầu và nhờ vả về một điều gì đó mà người được nhờ vả không có khả năng, chỉ Allah mới có quyền năng, thì đây là điều Shirk.



Thăm Viếng Mộ Mả

Có ba dạng thăm viếng mộ mả:

1- Thăm viếng được giáo luật cho phép:

Đó là sự thăm viếng mộ mả nhằm mục đích:

- Tưởng nhớ đến Ngày Sau.

- Chào Salam đến những người trong mô.
- Cầu nguyện cho họ.

2- Thăm viếng Bid’ah:

Đây là việc làm đã phủ nhận Tawhid, đồng thời là một trong những phương tiện Shirk, tiêu biểu ở dạng này là:

- Đến mô mà với mục đích là thờ phượng Allah.
- Đến mô mà để mong được phúc lành từ chúng.
- Tìm đủ mọi cách và công sức chỉ để thực hiện việc thăm viếng mô mà.

3- Thăm viếng mang tội Shirk:

Đây là việc làm phủ nhận hoàn toàn Tawhid, và nó là sự hướng một trong các sự thờ phượng đến với người trong mô, như:

- Đến mô mà để cầu xin người trong mô thay vì chỉ được phép cầu xin Allah, một mình Ngài duy nhất.
- Đến mô mà cầu xin sự phù hộ cũng như phúc lành.
- Giết tế vật nuôi và nguyện thề cho người trong mô.
- Và những gì khác với ý nghĩa tương tự.



Sirh **(Bùa Ngải và Ma Thuật)**

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là những gì có tính thâm kín và có ảnh hưởng một cách nhẹ nhàng.

- **Theo nghĩa thành ngữ:** Là danh từ để gọi những sự việc liên quan đến những lời thần chú, bùa phép, ma thuật, phương pháp trị liệu bất thường qua các loại cây cỏ, làm ảnh hưởng đến tinh thần và thể xác dưới sự cho phép của Allah.

❁ **Các loại Sihr:** Có hai loại.

1- Sihr mang tính Đại Shirk:

Đó là những gì được thực hiện qua trung gian của Jinn (Ma quỷ) và Shaytan bằng cách thờ phượng chúng, cúng tế cũng như cúi đầu quỳ lạy chúng mục đích để được chúng giúp đỡ gây hại người khác.

2- Sihr mang tính tội lỗi và gây thù nghịch:

Đó là việc dùng những loại cây cỏ, dược liệu hay những gì tương tự để làm hại mọi người.

❁ **Giáo luật quy định về Sihr:**

- Nếu Sihr dưới hình thức ở loại thứ nhất thì người dùng nó là Kafir (kẻ vô đức tin) bị xử tử theo tội danh từ bỏ tôn giáo.

- Nếu Sirh dưới hình thức ở loại thứ hai thì người dùng nó không phải là kẻ vô đức tin nhưng y được coi là kẻ đại nghịch tội lỗi, y sẽ bị xử tử nhằm để răn đe nếu vị Imam (người có thẩm quyền trông coi và quản lý vụ việc của một cộng đồng) thấy việc đó cần xử lý như thế.

❁ **Bằng chứng về việc Sirh mang tội Kufr (sự vô đức tin):**

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَمَا يُعَلِّمَانِ مِنْ أَحَدٍ حَتَّى يَقُولَا إِنَّمَا نَحْنُ فِتْنَةٌ فَلَا تَكْفُرْ﴾
(البقرة: ١٠٢)

❁ **Nhưng hai (Thiên thần) này không truyền dạy (phép thuật) cho một ai mà không báo trước: “Chúng tôi chỉ là một sự cám dỗ, do đó, chớ phủ nhận đức tin.”** (Chương 2. Al-Baqarah, câu 102).

❁ **Giáo luật qui định về Nushrah:**

Nushrah là sự tháo gỡ Sirh cho người bị Sirh. Và nó gồm có hai hình thức:

1- **Tháo gỡ Sirh bằng Sirh:** Đây là hình thức bị nghiêm cấm, và nó là hành vi của Shaytan.

2- **Tháo gỡ Sirh bằng những lời thần chú, tụng niệm được giáo luật qui định, và được liệu được phép:** Đây là hình thức được phép trong Islam.

❖ **Việc tuyên truyền và cảnh báo về tội lỗi của những kẻ làm Sirh:**

Bắt buộc phải tuyên truyền và cảnh báo mọi người về tội lỗi của hành vi Sirh bởi đó là cách phản kháng và chống lại những điều nghịch đạo cũng như cách khuyên răn những người Muslim.

❖ **Dấu hiệu nhận biết người làm Sirh:**

Khi nào nhìn thấy một trong các hành động sau đây của người chữa trị thì có thể xác định đó là thầy Sirh:

1- Y hỏi tên người bệnh và tên mẹ của người bệnh.

2- Y lấy đi một thứ gì đó từ người bệnh (như quần áo, khăn đội, ..)

3- Viết những ký hiệu hay biểu tượng khác thường và khó hiểu.

4- Đọc những lời thần chú không thể hiểu.

5- Đôi lúc, y yêu cầu phải có một con vật nhất định nào đó để y giết và khi giết y không nhân danh Allah, có thể y sẽ dùng máu con vật bị giết đó bôi lên các chỗ đau của người bệnh hoặc vứt đi ở chỗ hoang phế.

6- Đưa cho người bệnh chiếc khăn hay mảnh vải nhỏ mà ở trên bốn góc của nó có ghi các chữ cái hoặc các số.

7- Y làm bằm những lời không thể hiểu.

8- Đưa cho người bệnh những tờ giấy để đốt hoặc để hun khói.

9- Đưa cho người bệnh một thứ gì đó để chôn xuống đất.



Kuha-nah – Arra-fah (Tiên Đoán – Bói Toán)

❖ **Khái niệm về Ka-hin (Nhà tiên đoán):** Là người tiên đoán những sự việc xảy ra ở tương lai thông qua Jinn (Ma quỷ) và Shaytan.

❖ **Khái niệm về Arra-f (Thầy bói):** Là người tự cho mình biết điều ở quá khứ, hiện tại lẫn tương lai.

❖ **Việc tự nhận mình hoặc thừa nhận ai đó biết những điều ở cõi vô hình:** là Kufr (Vô đức tin) bởi vì đó là sự phủ nhận Qur'an khi Allah, Đấng Tối Cao đã phán:

﴿قُلْ لَا يَعْلَمُ مَنْ فِي السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ الْغَيْبَ إِلَّا اللَّهُ﴾ (النمل):
(٦٥)

﴿**Hãy bảo chúng (Muhammad!): “Không ai biết được điều vô hình trong các tầng trời và trái đất ngoại trừ Allah”**﴾ (Chương 27. An-Naml, câu 65).

❖ **Những loại người nói về những điều vô hình:**

1- Người thông tin về những điều vô hình thông qua Jinn (Ma quỷ) được gọi là thầy bói.

2- Người thông tin về những điều vô hình bằng cách xem đất đai và địa hình được gọi là thầy địa lý, hay thầy thổ.

3- Người thông tin về những điều vô hình thông qua các vì sao được gọi là nhà chiêm tinh.

4- Người thông tin về những gì bị mất trộm hay những gì bị thất lạc được gọi là nhà tiên đoán.

❖ **Giáo luật quy định về những ai tìm đến thầy bói, nhà tiên đoán, hay thầy bùa:** Được chia thành hai dạng:

1- **Người nào tìm đến họ để hỏi thông tin nhưng không tin:** Là người đã làm một điều nghiêm cấm, một trọng tội trong các đại tội, y sẽ không được chấp nhận lễ nguyện Salah trong bốn mươi ngày.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

« مَنْ أَتَى عَرَّافًا فَسَأَلَهُ عَنْ شَيْءٍ لَمْ تُقْبَلْ لَهُ صَلَاةٌ أَرْبَعِينَ لَيْلَةً »
(رواه مسلم)

“Ai tìm đến thầy bói để hỏi y về một điều gì đó thì y sẽ không được chấp nhận lễ nguyện Salah trong bốn mươi ngày.” (Muslim).

Ý nghĩa lễ nguyện Salah ở đây là ân phước của nó tức trong bốn mươi ngày việc dâng lễ nguyện Salah của y sẽ không được ban ân phước.

2- **Ai tìm đến họ để lấy thông tin từ họ và tin những gì họ nói:** thì sẽ trở thành người vô đức tin, tức

y đã phủ nhận những gì được mặc khải xuống cho Nabi Muhammad ﷺ.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

« مَنْ أَتَى عَرَّافًا أَوْ كَاهِنًا فَصَدَّقَهُ بِمَا يَقُولُ فَقَدْ كَفَرَ بِمَا أُنزِلَ عَلَى مُحَمَّدٍ » (رواه الأربعة والحاكم)

“Ai tìm đến thầy bói hoặc nhà tiên đoán rồi tin theo những gì y nói thì quả thật y đã phủ nhận những gì được mặc khải xuống cho Muhammad.” (Abu Dawood, Tirmizhi, Annasa-i, Ibnu Ma-jah, và Hakim).



Tayyarah (Điềm Báo Về Điều Không May)

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là danh từ biến thể của “تطير” “Tattayara” có nghĩa là lạc quan hay bi quan bởi một điều gì đó.

- **Theo nghĩa thành ngữ:** Là sự bi quan khi nghe, nhìn thấy, và biết được kết quả của một sự việc gì đó vì tin rằng đó là điềm báo.

✿ Giáo luật qui định về sự tin vào một điều gì đó là điềm báo:

Tin vào một sự việc gì đó như một điềm báo là phủ nhận Tawhid dựa trên hai phương diện:

1- Rằng người xem một điều gì đó như một điềm báo và tin vào nó có nghĩa là y đã cắt đứt niềm tin cậy và sự phó thác nơi Allah và y đã tin vào những gì khác ngoài Allah.

2- Rằng người này (người tin vào một điều gì đó như một điềm báo) đã dựa vào điều không thực, ngược lại, đó là một sự tưởng tượng và mê tín.

✿ Bằng chứng nghiêm cấm sự tin vào một thứ gì đó như điềm báo:

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿أَلَا إِنَّمَا طَبَّرَهُمْ عِنْدَ اللَّهِ وَلَكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ﴾
(الأعراف : ١٣١)

﴿**Chẳng phải là những tai họa và những rủi ro đều ở nơi Allah đó sao? Nhưng đa số không biết về điều đó**﴾ (Chương. Al-A'raf, câu 131).

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« لَا عَدْوَى وَلَا طَيْرَةَ وَلَا هَامَةَ وَلَا صَفَرَ » (متفق عليه)

“**Không có sự gây bệnh (mà không có phép của Allah), không có điềm báo không may, không có bất kỳ chim cú nào hay loài ký sinh nào mang lại điều xui xẻo.**” (Bukhari, Muslim).

« الطَّيْرَةُ شِرْكٌ » (رواه أبو داود والترمذي)

“**Tin vào một điều gì đó là điềm báo không may là mang tội Shirk.**” (Abu Dawood, Tirmizhi)

✿ **Tình trạng do sự tin vào một điều gì đó là điềm báo không tốt lành:** Người tin một điều gì đó như một điềm báo về một điều không may sẽ không thể thoát khỏi hai tình trạng chủ yếu sau:

Thứ nhất: Y rơi vào tuyệt vọng và buông xuôi mọi hành động để đáp lại những gì được cho là điềm báo. Đây là một sự bi quan tai hại nhất.

Thứ hai: Y cứ cho qua nhưng trong lòng vẫn cảm thấy lo lắng, bồn chồn, thấp thỏm, sợ bị những gì mà y cho là điềm báo có hiệu ứng thực sự cho y. Đây cũng là một sự bi quan nhưng nhẹ hơn tình trạng thứ nhất.

Cả hai tình trạng vừa nêu trên đều làm giảm đi đức tin Iman vào Đấng duy nhất tức làm mất dần Tawhid trong đức tin, đồng thời gây hại cho người bề tôi.

❖ **Dược liệu cho người hay để tâm đến những điều gì đó như một điềm báo không tốt lành:**

- Có một người đã nói về một điều gì đó như một điều không may mắn trước Nabi ﷺ thì Người bảo: “Hãy nói:

« اللَّهُمَّ لَا يَأْتِي بِالْحَسَنَاتِ إِلَّا أَنْتَ وَلَا يَدْفَعُ السَّيِّئَاتِ إِلَّا أَنْتَ
وَلَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِكَ » (رواه أبو داود)

“Allo-humma la ya’ti bilhasana-t illa anta, wa la yadfa’us sayyi-a-t illa anta, wa la hawla wa la qu-wata illa bika”

“Lạy Thượng Đế, rằng không ai có thể mang đến điều tốt lành ngoại trừ Ngài, và cũng không ai có thể chống lại điều xấu ngoại trừ Ngài, và không có quyền năng nào ngoài quyền năng của Ngài.” (Abu Dawood).

Và trong một Hadith khác thì Nabi ﷺ bảo nói:

« اللَّهُمَّ لَا طَيْرَ إِلَّا طَيْرُكَ وَلَا خَيْرَ إِلَّا خَيْرُكَ وَلَا إِلَهَ غَيْرُكَ »
(رواه أحمد وصححه الألباني)

“Allo-humma la tayra illa tayruka, wa la khaira illa khairuka, wa la ila-ha ghairuka”

“Lạy Thượng Đế, không có điều rủi ro nào mà không đến từ nơi Ngài, và không có một điều tốt nào mà không phải là điều tốt từ nơi Ngài, và không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài.” (Hadith do Ahmad ghi lại và được Alba-ni xác nhận).

Sau đó y phải:

1- Nhận biết tác hại của việc tin vào một điều gì đó như một điềm báo không tốt lành.

2- Phải chiến đấu với bản ngã.

3- Phải có đức tin vào số phận đã được Allah an bài và định sẵn.

4- Phải luôn có sự suy nghĩ tốt đẹp nơi Allah.

5- Cầu xin phúc lành từ Allah.

❖ **Thực chất của việc tin vào điềm báo:**

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« إِنَّمَا الطَّيْرَةُ مَا أَمْضَاكَ أَوْ رَدَّكَ » (رواه أحمد)

“Quả thật những gì được cho là điềm báo không tốt lành chỉ đơn thuần là tâm bệnh và sự lung lay của đức tin.” (Ahmad).

❖ **Điềm tốt:**

- **Ý nghĩa:** Là lời nói tốt đẹp mà khi con người nghe sẽ cảm thấy vui và phấn khởi.

- **Thí dụ:** Một người định bắt đầu cho một chuyến đi thì y nghe có người nói: Ngày hôm nay người bằng an. Thế là y phấn khởi và vui mừng.

- **Giáo luật qui định:** Điều này được phép.

- **Bằng chứng cho điều này:** Là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

« وَيُعِجِبُنِي الْفَأَلُ » (متفق عليه)

“Và ta thích những điềm tốt.” (Hadith được thống nhất về sự xác thực của nó).

❖ **Sự khác nhau giữa niềm tin vào điều được cho là điềm xấu và niềm tin vào điều được cho là điềm tốt:**

- **Niềm tin vào điều được cho là điềm xấu:** Là sự suy nghĩ không tốt lành nơi Allah, đã gán quyền năng nào đó của Ngài cho ai khác và đặt cái tâm vào những tạo vật không thể mang lại phúc lành cũng không thể gây hại.

- **Niềm tin vào điều được cho là điều tốt:** Là sự suy nghĩ những điều tốt đẹp nơi Allah, mong mỏi và tin những điều tốt đẹp ở nơi Ngài.



Tanji-m (Chiêm Tinh)

❖ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là danh động từ của “نجم” “Najjama” có nghĩa là có kiến thức về chiêm tinh hoặc tin rằng các vì sao có ảnh hưởng đến mọi tạo sinh.

- **Theo nghĩa thành ngữ:** Dựa vào các ngôi sao để suy luận về những vấn đề cụ thể nào đó.

❖ Các dạng chiêm tinh học: Có hai loại.

1- Chiêm tinh học nghiên cứu về những ảnh hưởng của chúng đến số phận của tạo vật: Có ba loại

- Loại thứ nhất: Quan niệm rằng các vì sao là tác nhân tạo ra mọi tai họa và điều xấu.

- Loại thứ hai: Cho rằng các vì sao là nguyên nhân cho biết kiến thức về cõi vô hình. Đây là đại Kufur (vô đức tin).

- Loại thứ ba: Quan niệm rằng các vì sao là nguyên nhân của điềm xấu và điềm tốt, trong khi Allah mới là Đấng gây ra mọi sự việc. Và đây là điều Haram và mang tội của tiểu Shirk.

❁ **Chiêm tinh học dựa vào các vì sao để định hướng và xác định thời gian:** Có hai dạng.

1- Dựa vào sự di chuyển của các sao để cải thiện các vụ việc của tôn giáo. Và đây là kiến thức được giáo luật yêu cầu, như thông qua các vì sao để xác định hướng Qiblah.

2- Dựa vào các vì sao để mang lại hữu ích cho đời, được chia làm hai dạng:

- Dạng dựa vào các sao để xác định phương hướng. Đây là điều được phép.

- Dạng dựa vào các sao để xác định các mùa trong năm. Theo quan điểm đúng thì đây không phải việc làm bị giáo luật chê trách.

❁ **Ý nghĩa trong việc Allah tạo ra các vì sao:**

Có ba ý nghĩa:

1- Allah tạo ra các vì sao để trang hoàng cho bầu trời.

2- Allah tạo ra các vì sao để làm vật ném những tên Shaytan.

3- Allah tạo ra các vì sao để làm dấu hiệu xác định phương hướng.



Istisqa’ bil-Anwa’ (Cầu Mưa Từ Sao)

❁ **Istisqa’ bil-Anwa’ (Cầu mưa từ sao) là như thế nào :**

Istisqa’ là cầu mưa.

Anwa’ là số nhiều của danh từ “نوء” “Naw” có nghĩa là các vị trí của sao và nó gồm hai mươi tám vị trí.

Ý nghĩa Istisqa’ bil-Anwa’ là cầu mưa từ các sao.

❁ **Các dạng Istisqa’ bil-Anwa’:** Có ba dạng.

1- Đại Shirk: Có hai hình thức tiêu biểu

- Khấn vái các ngôi sao ban mưa như nói: Này sao gì đó hãy ban mưa xuống cho chúng tôi, hoặc này sao gì đó hãy ban phúc cho chúng tôi, hay những lời nói tương tự như vậy.

- Cho rằng nguyên nhân khiến trời mưa là do các sao gây ra, chúng có quyền năng chứ không lệ thuộc nơi Allah và cho dù không cầu xin chúng.

2- Tiểu Shirk:

Là việc lấy các sao và vị trí của nó làm nguyên nhân để cầu mưa.

3- Được phép:

Đó là việc dựa vào các ngôi sao và vị trí của chúng để xác định phương hướng và làm các dấu hiệu hướng dẫn, chứ không phải coi chúng như là nguyên nhân gây ra mưa hay có ảnh hưởng nhất định nào đó đến một hiện tượng hay một sự vật gì đó.

❖ **Bằng chứng nghiêm cấm Istisqa' bil-Anwa' (Cầu Sao ban cho mưa xuống):**

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿وَتَجْعَلُونَ رِزْقَكُمْ أَنْتُمْ تُكَدِّبُونَ﴾ (الواقعة : ٨٢)

❖ **Các người đã dùng (Qur'an) trong việc tìm kiếm bổng lộc (thay vì tri ân Allah) các người đã phủ nhận (nó) ?** ﴿ (Chương 56. Al-Waqi'ah, câu 82).

Muja-hid nói: Có nghĩa là họ bảo rằng sao gì đó đã ban mưa xuống và tạo phúc lành cho họ.

Nabi Muhammad ﷺ nói:

﴿هَلْ تَدْرُونَ مَاذَا قَالَ رَبُّكُمْ﴾. قَالُوا اللَّهُ وَرَسُولُهُ أَعْلَمُ. قَالَ: «أَصْبَحَ مِنْ عِبَادِي مُؤْمِنٌ بِي وَكَافِرٌ، فَأَمَّا مَنْ قَالَ مُطِرْنَا بِفَضْلِ

اللَّهُ وَرَحْمَتِهِ فَذَلِكَ مُؤْمِنٌ بِي وَكَافِرٌ بِالْكَوْكِبِ، وَأَمَّا مَنْ قَالَ بِنُؤُءِ
كَذَا وَكَذَا فَذَلِكَ كَافِرٌ بِي وَمُؤْمِنٌ بِالْكَوْكِبِ» (متفق عليه)

“Các người có biết Thượng Đế của các người nói gì không ?” Những vị Sahabah nói: Allah và Thiên Sứ của Ngài biết rõ hơn hết. Người ﷺ bảo: “**Trong số những bè tôi của TA có người tin tưởng nơi TA và có người phủ nhận TA. Ai nói “*Chúng tôi được ban mưa xuống bởi hồng phúc của Allah và lòng nhân từ của Ngài.*” Thì người đó là người tin tưởng nơi TA và không có đức tin nơi các vì sao; còn ai nói bởi ngôi sao gì đó thì đó là kẻ vô đức tin nơi TA và tin tưởng nơi các vì sao.**” (Al-Bukhari, Muslim).



Riya’

(Sự Phô Trương)

✿ Định nghĩa:

- **Theo nghĩa của từ:** Là phô bày một điều gì đó cho người khác biết.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Là sự phô bày việc hành đạo và vâng lệnh Allah cho thiên hạ biết để được thiên hạ khen ngợi, đề cao và kính trọng.

✿ Giáo luật qui định về Riya’:

1- Riya’ dưới mức độ thấp, chưa đáng kể: Là tiểu Shirk.

2- Riya’ trong mọi việc làm hoặc đa phần đều có sự Riya’:

Đây là đại Shirk và những người mà trong tâm của họ luôn có Riya’ như vậy không còn được xem là người có đức tin nữa mà họ chính là người đạo đức giả.

✿ Nguy hại mà Riya’ mang lại:

1- Nó là việc làm của tiểu Shirk:

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« إِنَّ أَخْوَفَ مَا أَخَافُ عَلَيْكُمُ الشِّرْكَ الْأَصْغَرَ ». قَالُوا وَمَا الشِّرْكَ الْأَصْغَرُ يَا رَسُولَ اللَّهِ قَالَ « الرِّيَاءُ » (رواه أحمد)

“Quả thật, điều đáng sợ mà ta lo ngại cho các người là tiểu Shirk.” Những vị Sahabah hỏi: Tiểu Shirk là gì, thưa Thiên Sứ của Allah ? Người bảo: “Riya”” (Ahmad ghi lại).

2- Quả thật, Allah sẽ không tha thứ cho người làm điều Riya' mà không ăn năn sám hối:

Allah, Đấng Tối Cao phán:

﴿إِنَّ اللَّهَ لَا يَغْفِرُ أَنْ يُشْرَكَ بِهِ وَيَغْفِرُ مَا دُونَ ذَلِكَ لِمَنْ يَشَاءُ﴾
(النساء : ٤٨)

﴿Allah sẽ không tha thứ cho những ai làm điều Shirk với Ngài, tuy nhiên, Ngài sẽ tha thứ cho những tội danh khác cho những ai Ngài muốn﴾
(Chương 4. An-Nisa', câu 48).

Và lời phán này bao hàm cả đại Shirk và tiểu Shirk.

3- Những việc làm có sự Riya' trong đó sẽ không có giá trị:

« قَالَ اللَّهُ تَبَارَكَ وَتَعَالَى أَنَا أَعْنَى الشُّرَكَاءِ عَنِ الشِّرْكِ مَنْ عَمِلَ
عَمَلًا أَشْرَكَ فِيهِ مَعِيَ غَيْرِي تَرَكْتُهُ وَشِرْكَهُ » (رواه مسلم)

“Allah, Đấng Tối Cao và Ân Phúc nói: TA không có nhu cầu đến những đối tác. Người nào làm một việc làm gì đó mà trong đó có Shirk (sự gán ghép những đối tác ngang hàng) những ai khác cùng với TA thì TA sẽ bỏ rơi kẻ đó cùng với thứ mà hắn đã Shirk.” (Muslim ghi lại).

4- Việc làm Riya’ còn nghiêm trọng và đáng lo sợ hơn sự thử thách khi đối mặt với Masi-h Dajja-l:

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« أَلَا أُخْبِرُكُمْ بِمَا هُوَ أَخَوْفُ عَلَيْكُمْ عِنْدِي مِنَ الْمَسِيحِ
الدَّجَالِ ». قَالَ قُلْنَا بَلَى. فَقَالَ « الشِّرْكَ الحَفِي أَنْ يَقُومَ الرَّجُلُ
يُصَلِّي فَيُزَيِّنُ صَلَاتَهُ لِمَا يَرَى مِنْ نَظَرِ رَجُلٍ » (رواه ابن ماجه)

“Các người có muốn ta nói cho các người biết điều mà nó đáng sợ cho các người hơn là Masi-h Dajja-l không ?” Các vị Sahabah nói: Thưa muốn. Người ﷺ bảo: “Đó là Shirk một cách thầm kín, rằng một người dâng lễ nguyện Salah cố nghiêm trang và trang hoàng cho lễ nguyện Salah vì thấy một người đang nhìn vào mình” (Ibnu Ma-jah ghi lại).



Khi Việc Làm Có dính Vào Điều Riya’

❁ Có ba trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: Rằng người hành động đã có mục đích và chủ ý về việc phô bày cho thiên hạ nhìn thấy việc làm của mình.

Đây là điều Shirk và việc thờ phượng trong trường hợp này là vô nghĩa, không có giá trị.

Trường hợp thứ hai: Rằng người hành động có chủ ý và định tâm vì Allah rồi sau đó bị lẫn vào điều Riya’.

Và trường hợp này có hai tình huống:

1- Người hành động có đấu tranh với bản ngã nhưng vẫn không thể hoàn toàn thoát khỏi điều Riya’ trong lòng, khiến cái tâm của y chưa được tịnh. Tình huống này không làm ảnh hưởng đến giá trị của việc hành đạo.

2- Người hành động vẫn thanh thản với điều Riya’ đang tồn tại lẫn lộn mà không có sự đấu tranh để

loại bỏ nó. Tình huống này được chia thành hai dạng trong thờ phượng:

- Nếu hành động ban đầu là một hành động độc lập và vẫn được thành tâm thì những gì định tâm vì Allah lúc ban đầu là có giá trị còn những gì đã dính vào Riya' sau đó là không có giá trị.

Thí dụ: Một người bố thí cho người nghèo với số tiền một trăm đồng với lòng thành tâm vì Allah, rồi sau đó y nhìn thấy một người thì y lại bố thí thêm một trăm đồng nữa. Vậy sự bố thí lần đầu là có giá trị nơi Allah còn sự bố thí lần hai là không có giá trị.

- Nếu hành động sau đó và hành động ban đầu là một phần của nhau thì tất cả việc làm thờ phượng đều trở nên không có giá trị.

Thí dụ: Một người dâng lễ nguyện Salah hai Rak-at vì Allah, nhưng trong Rak-at thứ hai y bị dính vào điều Riya' và y không có sự nỗ lực để đấu tranh loại trừ nó mà vẫn để tâm mình xuôi theo thì cuộc dâng lễ nguyện đó của y trở nên vô giá trị.

Trường hợp thứ ba: Những gì bị dính vào Riya' sau khi hành động thờ phượng đã được hoàn tất. Trường hợp này không làm ảnh hưởng đến hành động thờ phượng vì hành động thờ phượng đã xong.

❁ **Người nào nghe lời khen ngợi của thiên hạ về mình rồi cảm thấy vui mừng và hạnh phúc:**

Đây không phải là Riya’ mà đó là điều tốt đẹp và là dấu hiệu tốt cho y trên thế gian. Nabi Muhammad ﷺ khi được hỏi rằng Người thấy thế nào đối với ai làm nhiều việc thiện tốt rồi được thiên hạ khen ngợi, thì Người ﷺ nói:

« تِلْكَ عَاجِلُ بُشْرَى الْمُؤْمِنِ » (رواه مسلم)

“Đó là tin vui và tốt lành được báo trước cho người có đức tin trên thế gian này.” (Muslim ghi lại).

❖ Sự khác biệt giữa Riya’ và Sum’ah:

Riya’: Là những gì liên quan đến đôi mắt tức một người hành động chỉ vì muốn để thiên hạ nhìn thấy mà khen ngợi.

Sum’ah: Là những gì liên quan đến tai nghe tức một người hành động chỉ để thiên hạ nghe thấy và khen ngợi mong được tiếng tăm.

❖ Cách trị liệu Riya’:

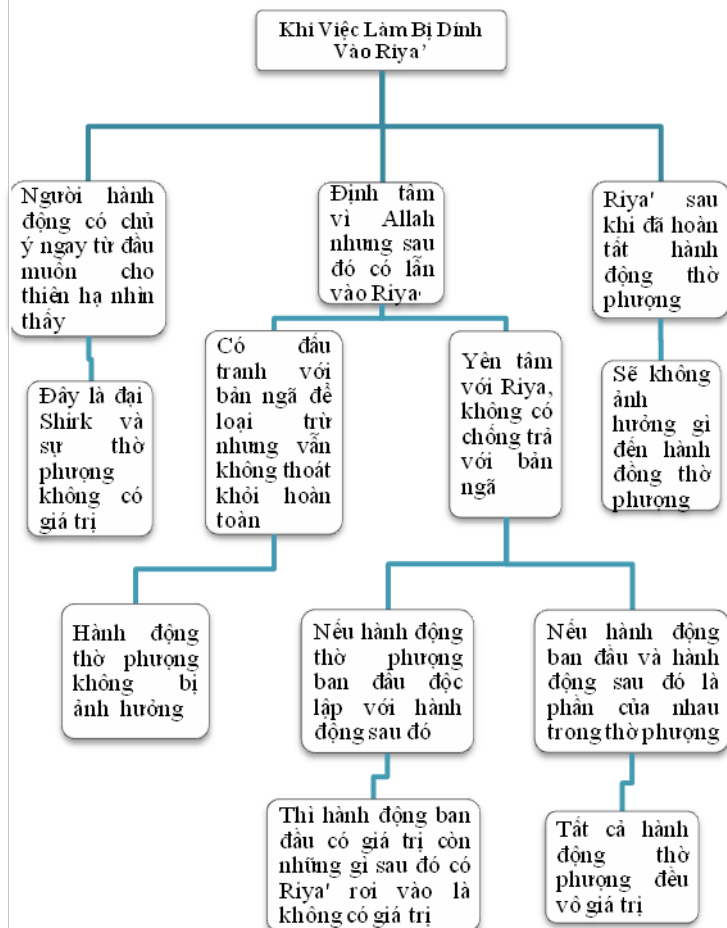
- 1- Nghĩ đến ân phước của sự thành tâm.
- 2- Nghĩ đến những nguy hại do Riya’ mang lại và nó khiến mọi việc làm trở thành vô nghĩa nơi Allah.
- 3- Nghĩ đến Đồi Sau.
- 4- Phải biết rằng không người nào trong thiên hạ có thể mang lại điều lành hay điều rui.

5- Du-a (cầu nguyện) và lời du-a tiêu biểu như:

اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ أَنْ أَشْرِكَ بِكَ وَأَنَا أَعْلَمُ وَأَسْتَغْفِرُكَ لِمَا لَا أَعْلَمُ

Allo-humma inni a’u-zhu bika an ushrika bika wa ana a’lam. Wa astaghfiruka lima la a’lam.

Có nghĩa là “*Lạy Thượng Đế, bề tôi cầu xin Ngài giúp bề tôi tránh khỏi làm điều Shirk với Ngài những gì bề tôi biết rõ và xin Ngài tha thứ cho bề tôi những gì bề tôi không hãy biết*”.



Con Người Thể Hiện Hành Động Thờ Phụng Vì Lợi Ích Trần Gian

✿ Ý nghĩa về vấn đề này :

Có nghĩa là một người hành động một việc làm thờ phụng nào đó chỉ vì muốn đạt được lợi ích ở nơi trần gian.

✿ Các hình ảnh thí dụ về vấn đề này :

1- Người đi hành hương Hajj vì muốn có được của cải.

2- Người tham gia trận chiến mục đích chỉ muốn thu được chiến lợi phẩm.

3- Người làm công việc Azan (thông báo vào giờ dâng lễ nguyện) mục đích muốn có được lương hàng tháng.

4- Người đi tìm hiểu và học hỏi kiến thức tôn giáo chẳng qua chỉ vì muốn có được bằng cấp và có một địa vị nhất định nào đó.

✿ Giáo luật qui định về vấn đề này :

Có hai trường hợp.

1- Nếu đa phần các hành động thờ phụng hoặc tất cả được thực hiện với mục đích lợi ích trần gian thì đó là đại Shirk.

2- Rằng chỉ thực hiện một hành động thờ phượng nào đó với mục đích lợi ích trần gian, thì đây là tiêu Shirk, việc làm đó không có giá trị nơi Allah.

❖ **Sự cảnh báo cho những ai thực hiện các hành động thờ phượng chỉ vì mục đích lợi ích trần gian :**

Allah, Đấng Tối Cao phán :

﴿مَنْ كَانَ يُرِيدُ الْحَيَاةَ الدُّنْيَا وَزِينَتَهَا نُوفِّ إِلَيْهِمْ أَعْمَلَهُمْ فِيهَا وَهُمْ فِيهَا لَا يُبْخَسُونَ ﴿١٥﴾ أُولَئِكَ الَّذِينَ لَيْسَ لَهُمْ فِي الْآخِرَةِ إِلَّا النَّارُ وَحَبِطَ مَا صَنَعُوا فِيهَا وَبِطُلُّ مَا كَانُوا يَعْمَلُونَ ﴿١٦﴾﴾ (هود: 15-16)

﴿Ai muốn đời sống trần tục này với vẻ hào nhoáng của nó, thì TA sẽ trả đầy đủ phần công lao của họ nơi đó và họ sẽ không bị cắt giảm một tí nào nơi đó. Họ là những kẻ sẽ không hưởng được gì ở Đời Sau ngoại trừ Lửa (của Hỏa ngục). (Lúc đó, họ mới nhận thấy) công trình của họ nơi (trần gian) sẽ tiêu tan và công việc mà họ đã từng làm nơi đó sẽ trở thành vô nghĩa﴾ (Chương 11. Hud, câu 15 – 16).

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« مَنْ تَعَلَّمَ عِلْمًا مِمَّا يُبْتَغَى بِهِ وَجْهُ اللَّهِ عَزَّ وَجَلَّ لَا يَتَعَلَّمُهُ إِلَّا لِيُصِيبَ بِهِ عَرَضًا مِنَ الدُّنْيَا لَمْ يَجِدْ عَرَفَ الْجَنَّةَ يَوْمَ الْقِيَامَةِ »
(رواه أبو داود وأحمد)

“Ai học hỏi kiến thức thuộc những gì phải hướng về nơi Allah, Đấng Tối Cao, mà không vì Ngài, ngược lại học nó chỉ vì mục đích để đạt được lợi ích nào đó của trần gian thì y sẽ không nghĩ thấy mùi của Thiên Đàng vào Đờì Sau.” (Abu Dawood, Ahmad ghi lại).



Halaf (Thề Thốt) Bởi Ai (Vật) Khác Ngoài Allah

❖ Định nghĩa Halaf:

- Theo nghĩa của từ: Là sự ràng buộc.

- Theo nghĩa thành ngữ: Sự xác nhận cho một quyết định bằng cách nhân danh một thứ gì đó được tôn vinh bởi các từ ngữ thề thốt.

Và các từ ngữ thề thốt tiêu biểu: “و” “wa-u”, “ب” “ba’-” “ت” “ta’-”.

❖ Các tên gọi khác cho Halaf:

Halaf còn được gọi là: Al-Yami-n, Al-Qasam.

❖ Sự thề thốt được giáo luật cho phép:

- Thề bởi Allah như nói: Wollo-h, Billa-h, Tollo-h.

- Thề bởi các đại danh của của Allah như nói: Warrohma-n (thề bởi Đấng Nhân từ), Wal-Azhi-m (thề bởi Đấng Vĩ đại), Wassamia’ (Thề bởi Đấng Hằng nghe), ...

- Thề bởi các thuộc tính của Allah như nói: Bi I’zatilla-h (Thề bởi Quyền năng của Allah), Wa

Rohmatilla-h (Thề bởi Lòng Nhân từ của Allah), Wa l’millah (Thề bởi Kiến thức của Allah), ...

❁ **Giáo luật qui định về việc thề thốt bởi ai (vật) khác ngoài Allah:**

Được chia thành hai dạng.

1- Nếu như ai (vật) khác ngoài Allah được tôn vinh đến mức sùng bái như chúng được tôn vinh ngang hàng hoặc hơn so với Allah, **thì đây là đại Shirk.**

2- Nếu như ai (vật) khác ngoài Allah được tôn vinh nhưng sự tôn vinh đó chưa vượt mức ngang bằng so với Allah, **thì đây là tiểu Shirk.**

❁ **Bằng chứng cho các qui định của giáo luật về sự thề thốt bởi ai (vật) khác ngoài Allah:**

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« مَنْ حَلَفَ بِغَيْرِ اللَّهِ فَقَدْ كَفَرَ أَوْ أَشْرَكَ » (رواه أبو داود
والترمذي وأحمد)

“Người nào thề thốt bởi ai (vật) khác ngoài Allah thì người đó không có đức tin (Kufr) hoặc mang tội Shirk.” (Abu Dawood, At-Tirmizhi, và Ahmad ghi lại).

❁ **Các thí dụ tiêu biểu về sự thề nguyện bởi ai (vật) khác ngoài Allah:**

1- Thề thốt bởi các vị ngoan đạo và hiền nhân được cho là các vị thánh (đối với những người có tư tưởng và quan niệm sai lệch, rời xa Tawhid).

2- Thề thốt bởi địa vị của Nabi hoặc bậc cấp của các vị thánh nhân (theo quan niệm và tư tưởng sai lệch).

3- Thề thốt bởi sự sống của một số người nhất định nào đó.

4- Thề thốt bởi uy tín và đạo hạnh cao quý của một ai đó.

❖ **Phân tóm lược hữu ích về giới luật Halaf (thề thốt):**

1- Nghiêm cấm việc thề thốt bởi ai (vật) khác ngoài Allah bởi vì đó là đại Shirk.

2- Nghiêm cấm việc thề thốt bởi Allah trên những sự việc dối trá và những điều không trung thực. Và đó là hành động phản bội lời thề và bất kính với Allah.

3- Nghiêm cấm việc lạm dụng quá nhiều sự thề thốt bởi Allah trong những hoàn cảnh không nhất thiết, cho dù sự thề thốt đó trên những sự việc trung thực đi chăng nữa. Bởi lẽ, điều đó sẽ hạ thấp sự thiêng liêng và tính tối cao của Allah.

4- Cho phép thề thốt bởi Allah trên những sự việc (điều) trung thực nếu thật sự cần thiết.

❁ **Cách tự xóa tội cho ai lỡ thề thốt bởi ai (vật) khác ngoài Allah:**

Rằng y hãy nói: “لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ” “La ila-ha illollo-h” “Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah”.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

«مَنْ حَلَفَ فَقَالَ فِي حَلْفِهِ وَاللَّاتِ وَالْعُزَّى. فَلْيَقُلْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ.» (متفق عليه)

“Ai thề thốt và đã nói trong lời thề của mình: thề bởi thánh Al-Lat, thánh Al-Uzza, thì hãy nói:

“لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ” “La ila-ha illollo-h” “Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah”” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).



SỰ TỔ HỢP SHIRK GIỮA ALLAH VÀ MỘT TẠO VẬT NÀO ĐÓ CỦA NGÀI BẰNG TỪ NÓI “VÀ” – “VÀ”

✿ Ý nghĩa của vấn đề:

Việc dùng từ nối “Và” – “Và” để liên kết Allah với một ai (vật) nào đó từ những tạo vật của Ngài trong bất kỳ một sự việc (điều) gì đó là mang tội Shirk với Ngài.

✿ Một số câu nói tiêu biểu:

- 1- Đó là những gì Allah và anh (chị, ..) đã muốn.
- 2- Tôi hy vọng nơi Allah và hy vọng nơi anh (chị, ..).
- 3- Tôi cầu xin Allah và anh (chị, ..) giúp đỡ.
- 4- Nếu không có Allah và anh (chị, ..) thì tôi đã chết rồi.

Và những gì tương tự những lời nói trên đây.

✿ Giáo luật qui định về vấn đề này:

Giáo luật phân chia vấn đề này thành hai trường hợp.

1- Nếu người nói có tư tưởng và quan niệm sự ngang bằng giữa Allah với bất kỳ ai, (hoặc vật gì đó), thì đây là đại Shirk, cho dù từ liên kết là từ “ثم” “Thumma” có nghĩa là “Sau đó, sau nữa, rồi”.

2- Nếu người nói không có tư tưởng và quan niệm ngang bằng giữa Allah và bất kỳ ai, (hoặc vật gì đó), thì đây là tiểu Shirk.

❖ Sự đúng đắn trong các lời nói sau đây:

1- Dùng từ nối “ثم” “Thumma” có nghĩa là “Sau đó, sau nữa, rồi”, đồng thời không có tư tưởng và quan niệm sự ngang bằng giữa Allah và ai (vật) khác ngoài Ngài.

Thí dụ như nói: Allah muốn rồi anh (chị, ..) muốn, tôi cầu xin Allah giúp đỡ rồi sau đó là nhờ anh (chị, ..), ...

2- Tất cả mọi vụ việc đều là do Allah.

Thí dụ như nói: Allah đã muốn như thế, Tôi cầu xin Allah giúp đỡ, ... Và đây là cách nói tốt nhất và hoàn mỹ nhất.

❖ Sự khác nhau giữa hai từ nối “و” và “ثم”:

- Từ nối “و” thể hiện tính so sánh và ngang bằng.

- Từ nói “ثم” thể hiện sự theo sau, tiếp nói theo sau.



Từ “لو” “Law” (Dẫu Mà, Giá Mà, Giá như)

❁ Có ba trường hợp dùng từ này:

1- Trường hợp thứ nhất: Được phép.

Dùng từ này để thông tin như nói:

“Giá như tôi tham dự buổi học là tôi đã thu thập được nhiều điều hữu ích rồi”.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

« لَوْ اسْتَقْبَلْتُ مِنْ أَمْرِي مَا اسْتَدْبَرْتُ مَا سُقْتُ الْهَدَى ، وَحَلَلْتُ مَعَكُمْ » (متفق عليه)

“Giá như Ta biết trước sự việc như vậy là Ta đã không giết Hady (con vật giết tế khi làm Hajj) mà đợi tahallul (hoàn tất các nghi thức Hajj để trở lại sinh hoạt bình thường) cùng các người.” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).

2- Trường hợp thứ hai: Khuyến khích.

Dùng từ này để nói lên sự khao khát và ước muốn làm điều tốt.

Thí dụ như nói: “Giá mà mình có tiền thì mình sẽ bố thí cho người nghèo”.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ khi Người kể về một câu chuyện về một người trong bốn người nói: **“Giá như mình có tiền thì chắc chắn mình hành động như người kia đã làm”** tức y đang ao ước được làm điều tốt. Rồi Người ﷺ bảo:

«فَهُوَ بِنَيْتِهِ فَأَجْرُهُمَا سَوَاءٌ» (رواه أحمد و الترمذي)

“Y sẽ được ban ân phước theo sự định tâm của y. Và phần ân phước cho cả hai người đều như nhau.”
(Ahmad và Tirmizhi ghi lại).

3- Trường hợp thứ ba: Bị nghiêm cấm.

Dùng từ này trong ba tình huống sau.

- Phản đối lại giáo luật:

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿لَوْ أَطَاعُونَا مَا قُتِلُوا﴾ (آل عمران : ١٦٨)

﴿**Phải chi họ nghe lời chúng mình thì đâu đến nỗi phải bị giết**﴾ (Chương 3. Ali-Imran, câu 168).

- **Phản đối và chống lại định mệnh:**

Bằng chứng cho điều này là lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿لَوْ كَانُوا عِنْدَنَا مَا مَاتُوا وَمَا قُتِلُوا﴾ (آل عمران : ١٥٦)

﴿**Giá họ ở lại với chúng mình thì đâu đến nỗi bị chết hoặc bị giết**﴾ (Chương 3. Ali-Imran, câu 156).

- **Ao ước và mong muốn làm điều xấu:**

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ khi Người kể về câu chuyện của bốn người và một trong bọn họ nói: “Giá như mình có tiền mình sẽ hành động như người kia đã làm” tức y đang ao ước làm điều xấu. Người ﷺ bảo:

﴿فَهُوَ بِنَيْتِهِ فَوَزُرُهُمَا سَوَاءٌ﴾ (رواه أحمد و الترمذي)

“Y sẽ được toại nguyện theo sự định tâm của y. Và tội lỗi cho cả hai người đều như nhau.” (Ahmad và Tirmizhi ghi lại).



Nguyên Rửa Thời Gian

✿ Ý nghĩa:

Chửi, than trách và đổ lỗi cho thời gian.

✿ Giáo luật qui định về việc nguyên rửa và than trách thời gian:

Giáo luật phân chia vấn đề này thành ba dạng.

1- Mang tính thông báo chứ không mang nghĩa chê trách. Đây là dạng được phép.

Thí dụ như nói: Chúng tôi cảm thấy mệt do ngày hôm nay nóng quá. Hoặc như câu nói của Nabi Lu-t عليه السلام: “Hôm nay là ngày khó khăn và gập gờ”.

2- Chửi rửa thời gian vì cho rằng nó chính là thủ phạm.

Như có tư tưởng và quan niệm rằng thời gian nào đó sẽ làm thay đổi những điều tốt lành thành những điều rủi ro và tai ách. Đây là điều đại Shirk.

3- Chửi rủa thời gian vì cho rằng nó chính là thời điểm của một sự việc nào đó không tốt lành, tuy nhiên vẫn tin rằng Allah là Đáng xui khiến. Đây là điều bị nghiêm cấm và nó là một trong những đại tội.

❖ **Chửi rủa thời gian là hành vi sai trái và bất kính với Allah, Đáng Tối Cao:**

Nabi Muhammad ﷺ nói:

« قَالَ اللَّهُ عَزَّ وَجَلَّ يُؤْذِينِي ابْنُ آدَمَ ، يَسُبُّ الدَّهْرَ وَأَنَا الدَّهْرُ ،
بِيَدِي الْأَمْرُ ، أَقْلِبُ اللَّيْلَ وَالنَّهَارَ » (متفق عليه)

“Allah, Đáng Tối Cao phán bảo: Con cháu của Adam đã xúc phạm đến TA, chúng chửi rủa thời gian trong khi TA là thời gian, mọi sự việc đều ở tay TA, TA đã làm luân chuyển đêm và ngày” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó). **“TA là thời gian”** có nghĩa là Allah muốn nói rằng Ngài là Đáng đã quản lý thời gian, mọi sự thay đổi và luân chuyển của thời gian đều do sự điều hành và cho phép của Ngài.

Lưu ý:

Thời gian không phải là tên trong các tên thiêng liêng của Allah.



Hai Nguyên Tắc Hữu Ích Trong Ngôn từ

1- Bắt buộc phải giữ chiếc lưỡi của mình khỏi những lời nói bị nghiêm cấm như: Nói xấu sau lưng người khác, phỉ báng, mách lẻo gây oán hận lẫn nhau, và gian dối. Và giữ chiếc lưỡi khỏi điều Shirk như thể thốt bởi ai (vật) khác ngoài Allah.

Bởi vì mỗi một người sẽ phải bị thanh toán tất cả mọi hành vi và lời nói. Allah, Đấng Tối Cao phán rằng:

﴿مَا يَلْفِظُ مِنْ قَوْلٍ إِلَّا لَدَيْهِ رَقِيبٌ عَتِيدٌ﴾ (ق: ١٨)

﴿Không một lời nào y thốt ra mà không được ghi chép bởi hai vị (Thiên Thần) Canh gác lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng (ghi chép)﴾ (Chương 50. Qa-f, câu 18).

Và một người có thể bị trục xuất khỏi tôn giáo Islam cũng chỉ vì một lời nói duy nhất được thốt ra. Do đó, phải hết sức cẩn thận trong cách dùng ngôn từ và lời nói.

2- Các ngôn từ và lời nói mang nhiều ý nghĩa trong đó có ý nghĩa khiến người nói phạm vào Shirk.

Không được dùng những ngôn từ và lời nói như thế này, bởi vì dùng nó e rằng nó sẽ khiến người nói rơi vào Shirk hoặc nó có thể là một cái ngõ dẫn lối đến với Shirk.



Bid’ah

(Sự Đổi Mới)

❖ **Định nghĩa :**

- **Theo nghĩa của từ:** Cái gì đó được sáng tạo một cách mới hoàn toàn không được dựa trên cái đã có.

- **Theo thuật ngữ giáo luật:** Những gì trong tôn giáo được đổi mới và cải biên không dựa trên bằng chứng giáo luật (bởi vì không có bằng chứng giáo luật).

❖ **Các loại Bid’ah:**

1- Bid’ah trong đời sống sinh hoạt và tập quán:

Như đổi mới và cải biên các hình thức sinh hoạt cũng như các sự việc trong đời sống xã hội nhằm làm cho cuộc sống luôn phát triển tốt hơn. Đây là loại Bid’ah được phép, bởi vì theo nguyên tắc của giáo luật

thì mọi sinh hoạt và tập quán của đời sống nguyên gốc của nó là được phép.

2- Bid’ah trong đạo giáo:

Và đây là dạng Bid’ah bị nghiêm cấm, bởi vì theo nguyên tắc của giáo luật thì căn nguyên mọi hoạt động của đạo là không được tự ý sáng tạo mà phải dừng lại ngay tại điểm dừng được đạo giáo qui định.

❖ Các dạng Bid’ah trong tôn giáo:

Có ba dạng.

1- Bid’ah trong đức tin:

Là sự có tư tưởng và quan niệm trái với những gì được Allah và Thiên Sứ của Ngài ﷺ thông điệp.

Thí dụ:

Đưa ra thuyết so sánh và suy luận các thuộc tính và đại danh của Allah, hoặc phủ nhận định mệnh và số phận.

2- Bid’ah trong hành động:

Và đó là thờ phượng Allah không theo cung cách được giáo luật qui định.

Tiêu biểu cho các việc làm Bid’ah này:

- Sự đổi mới và cải biên cung cách thờ phượng không có trong giáo luật.

- Thêm bớt trong cung cách thờ phượng đã được giáo luật qui định.

- Thực hiện cung cách thờ phượng được giáo luật qui định theo một phong cách mới được cải biên.

- Ấn định thời gian cụ thể để thực hiện các nghi thức thờ phượng được giáo luật qui định trong khi giáo luật không hề qui định thời gian nhất định nào cả. Như viếng mồ mả vào một thời điểm nhất định nào đó, tạo ra các ngày lễ để thờ phượng, tổ chức tiệc tùng cho các lễ hội không có trong giáo luật.

3- Bid’ah trong việc từ bỏ một thứ gì đó:

Đó là việc từ bỏ một hành động, sinh hoạt nào đó, hoặc bỏ một nhu cầu nào đó với mục đích thờ phượng.

Thí dụ:

Không ăn thịt với mục đích thờ phượng, không lập gia đình (cưới vợ, lấy chồng) với mục đích thờ phượng.

❁ **Các dạng Bid’ah được phân loại theo giới luật:** Có hai dạng.

1- Bid’ah Kufr (vô đức tin): Người làm dạng Bid’ah này sẽ bị trục xuất khỏi Islam tức trở thành Kafir (kẻ ngoại đạo)

Thí dụ: Sự chống đối giáo luật, cho rằng Kinh Qur'an là tạo vật của Allah chứ không phải là lời của Ngài.

2- Bid'ah mang tính sai quấy và lệch lạc:

Người làm dạng Bid'ah này sẽ bị mang tội nhưng chưa đến mức bị trục xuất khỏi Islam.

Thí dụ: Tụng niệm tập thể, ấn định các đêm của nửa tháng Sha'ban để hành đạo.

❖ Lời cảnh báo và sự phản bác những điều Bid'ah:

Lời cảnh báo và phản bác những điều Bid'ah chỉ thông qua một câu kinh và hai Hadith sau đây là đã đầy đủ.

1- Lời phán của Allah, Đấng Tối Cao:

﴿الْيَوْمَ أَكْمَلْتُ لَكُمْ دِينَكُمْ وَأَتَمَمْتُ عَلَيْكُمْ نِعْمَتِي
وَرَضِيتُ لَكُمُ الْإِسْلَامَ دِينًا﴾ (المائدة : 3)

﴿Ngày hôm nay TA (Allah) đã hoàn thành tôn giáo cho các ngươi, TA cũng đã hoàn tất ân huệ của TA cho các ngươi, và TA đã hài lòng chọn Islam làm tôn giáo cho các ngươi.﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 3).

2- Lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ:

« مَنْ أَحَدَّثَ فِي أَمْرِنَا هَذَا مَا لَيْسَ فِيهِ فَهُوَ رَدٌّ » (البخاري)

“Ai đời mới một điều gì đó mà nó không có trong sứ mạng này của ta thì y sẽ không được chấp nhận.” (Al-Bukhari).

« مَنْ عَمِلَ عَمَلًا لَيْسَ عَلَيْهِ أَمْرُنَا فَهُوَ رَدٌّ » (رواه مسلم)

“Ai làm một việc làm nào đó mà nó không thuộc sứ mạng của ta thì y không được chấp nhận.” (Muslim).

3- Lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ trong bài thuyết giảng cuối cùng của Người:

« وَشَرُّ الْأُمُورِ مُحَدَّثَاتُهَا وَكُلُّ مُحَدَّثَةٍ بِدْعَةٌ وَكُلُّ بِدْعَةٍ ضَلَالَةٌ وَكُلُّ ضَلَالَةٍ فِي النَّارِ » (رواه مسلم)

“Và điều xấu nhất là sự đời mới, và tất cả sự đời mới đều Bid’ah, và tất cả điều Bid’ah đều lệch lạc, và tất cả điều lệch lạc đều phải ở trong Hỏa ngục.” (Muslim ghi lại).

❖ Liệu có điều Bid’ah tốt và Bid’ah xấu không?

Người nào phân chia việc làm Bid’ah thành hai loại: Bid’ah tốt và Bid’ah xấu, là người đã không thông suốt và nghịch lại với lời di huấn của Nabi Muhammad

ﷺ khi Người nói: “**Và tất cả điều Bid’ah đều lệch lạc**”. Rõ ràng Thiên sứ của Allah ﷺ đã phán quyết rằng tất cả mọi điều Bid’ah đều lệch lạc và sai quấy, còn người này lại dám bảo rằng: Không phải tất cả điều Bid’ah đều sai trái và lệch lạc mà vẫn có những điều Bid’ah tốt đẹp và đúng đắn.

❖ Các nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện các điều Bid’ah:

Tiêu biểu là các nguyên nhân sau đây:

- 1- Dốt kiến thức tôn giáo.
- 2- Theo chủ nghĩa ý thích của bản thân.
- 3- Cố chấp và tin một cách mù quáng vào những tư tưởng hay những ai đó.
- 4- Bắt chước theo những người ngoại đạo.
- 5- Dựa vào các Hadith bịa đặt không có sở xác thực từ Nabi ﷺ.
- 6- Những phong tục và mê tín đi ngược lại với trí tuệ và không được giáo luật ủng hộ và tán thành.

❖ Hai nguyên tắc quan trọng rất hữu ích trong việc nhận biết những điều Bid’ah và để phản kháng lại chúng:

Thứ nhất: Căn nguyên của mọi việc thờ phượng là nghiêm cấm, là dừng lại, là không tự ý hành

động cho đến khi nào có bằng chứng từ giáo luật sai khiến và hướng dẫn.

Thứ hai: Tất cả những việc làm thờ phượng nào đó đã có người thực hiện và mời gọi đến chúng trong thời của Nabi Muhammad ﷺ nhưng Người đã không làm và các vị Sahabah của Người cũng không ai làm thì có nghĩa là những việc làm đó không có trong giáo luật.

❖ Hai điều lưu ý quan trọng:

Điều thứ nhất: Imam Malik ﷺ nói: (Người nào cải biên và đổi mới trong Islam một điều Bid’ah và khẳng định nó là điều tốt đẹp thì quả thật y đã cho rằng Muhammad ﷺ đã không làm đúng theo Thông điệp; bởi vì Allah đã phán rằng: ﴿الْيَوْمَ أَكْمَلْتُ لَكُمْ دِينَكُمْ﴾

﴿**Ngày hôm nay TA (Allah) đã hoàn thành tôn giáo cho các ngươi**﴾ (Chương 5. Al-Ma-idah, câu 3), do đó, những gì của ngày hôm đó chưa phải là tôn giáo thì ngày hôm nay sẽ không phải là tôn giáo).

Điều thứ hai: Sheikh Alba-ni ﷺ nói: (Chúng ta phải biết rằng một điều Bid’ah nhỏ nhất mà một người mang đến trong tôn giáo là Haram (bị nghiêm cấm), chứ trong Bid’ah không có điều gì – như một số người cho rằng – là điều đáng chê trách chưa đến mức nghiêm cấm).

❖ Một số điều Bid’ah đã lan rộng trong cộng đồng tín đồ Islam:

1- Tổ chức lễ Sinh nhật cho Nabi ﷺ và các lễ sinh nhật khác.

2- Tổ chức lễ ăn mừng cho đêm Isra’ (Dạ hành) và Mi’ra-j (Thăng thiên) của Nabi ﷺ.

3- Tổ chức lễ ăn mừng vào đêm giữa tháng Sha’ban.

4- Tổ chức lễ đón tết dương lịch.

5- Tìm ân phúc từ những địa điểm, những di tích, những con người còn sống và đã chết.

6- Tụng niệm tập thể.

7- Nhờ vả và yêu cầu ai đó đọc Fatihah cho những linh hồn đã chết hoặc vào những dịp nào đó.

8- Ấn định tháng Rajab cho Umrah và cho những hình thức thờ phượng nhất định nào đó.

9- Định tâm vào lễ nguyện Salah một cách lớn tiếng bằng lời.

10- Nhờ vả ai đó có một vị trí nhất định nào đó làm kẻ trung gian trong việc cầu nguyện và khấn vái Allah.

❖ Giới thiệu các sách hữu ích trong việc nhận biết những điều Bid’ah:

1- “التحذير من البدع” “Cảnh Báo Những Điều Bid’ah” của Sheikh Abdul-Aziz Bin Baz رحمته الله.

2- “السنن والمبتدعات” “Những Điều Sunnah Và Những Điều Bid’ah” của Sheikh Muhammad Abdussalam Alqushayri.

3- “البدع والمحدثات وما لا أصل له” “Những Điều Bid’ah, Những Điều Đổi Mới, Và Những Gì Không Có Cơ Sở Giáo Luật” được tập hợp và soạn thảo bởi Humu-d Almatar.

4- “الإبداع في مضار الابتداع” “Tại Hại Trong Việc Tạo Ra Điều Bid’ah” của Sheikh Ali Mahfu-zh.

5- “البدع الحولية” “Những Điều Bid’ah Phổ Biến” của Sheikh Abdullah Attuwaijari.

Phần bổ sung kiến thức:

Sự noi theo sẽ không đúng ngoại trừ phải hội đủ những điều sau đây:

| TT | Điều kiện cho sự noi theo | Thí dụ về sự noi theo không đúng |
|----|---------------------------|---|
| 1 | Lý do | Dâng lễ nguyện Salah hai Rak-at do mưa. |
| 2 | Loại | Xuất Zakah Fitr bằng tiền. |

| | | |
|---|-----------|---|
| 3 | Mức lượng | Dâng lễ nguyện Salah Maghrib bốn Rak-at có chủ ý |
| 4 | Cách thức | Lấy Wudu bằng cách bắt đầu từ chân và kết thúc ở gương mặt |
| 5 | Thời gian | Giết Qurban Adhi-yah trong Ramadan |
| 6 | Địa điểm | I'tika-f tại những nơi hoang vắng như Sa mạc, các ngọn đồi. |



Sự Tuyên Truyền Và Kêu Gọi Đến Với Tawhid

Sự tuyên truyền, kêu gọi đến với Allah là một việc làm rất thiêng liêng và ân phước của nó thì vĩ đại vô cùng, và nó là sứ mạng của các vị Thiên Sứ, các vị Nabi, là nhiệm vụ của những người ngoan đạo cũng như những vị lãnh đạo Islam.

Allah, Đáng Tội Cao phán:

﴿ادْعُ إِلَى سَبِيلِ رَبِّكَ بِالْحُكْمَةِ وَالْمَوْعِظَةِ الْحَسَنَةِ وَجَدِلْهُمْ بِالَّتِي

هِيَ أَحْسَنُ﴾ (النحل: ١٢٥)

﴿Hãy mời gọi đến với con đường của Thượng Đế của Người (hỡi Muhammad!) một cách khôn ngoan cùng với lời khuyên răn tốt đẹp, và hãy tranh luận với họ bằng những gì tốt đẹp nhất﴾ (Chương 16. An-Nahl, câu 125).

﴿قُلْ هَذِهِ سَبِيلِي أَدْعُو إِلَى اللَّهِ عَلَىٰ بَصِيرَةٍ أَنَا وَمَنِ اتَّبَعَنِي﴾
(يوسف : ١٠٨)

﴿Hãy bảo (họ): “Đây là con đường của Ta (Muhammad). Ta kêu gọi các người đến với Allah. Ta và những ai theo ta đang ở trên chân lý﴾ (Chương 12. Yusuf, câu 108).

Nabi Muhammad ﷺ nói:

«فَوَاللَّهِ لَأَنْ يُهْدَىٰ بِكَ رَجُلٌ وَاحِدٌ خَيْرٌ لَّكَ مِنْ حُمْرِ التَّعَمِّ»
(متفق عليه)

“Thề bởi Allah, nếu chỉ có một người duy nhất được hướng dẫn bởi người (một vị Sahabah) thì điều đó tốt cho người hơn cả người có được một con lạc đà màu vàng hoe (đây là con lạc đà quý giá đối với người Ả rập lúc bấy giờ)” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó)

«مَنْ دَعَا إِلَى هُدًى كَانَ لَهُ مِنَ الْأَجْرِ مِثْلُ أُجُورِ مَنْ تَبِعَهُ لَا يَنْقُصُ ذَلِكَ مِنْ أُجُورِهِمْ شَيْئًا» (رواه مسلم)

“Ai kêu gọi đến với Chỉ đạo thì y sẽ được ban ân phước giống như ân phước của những người đã đi theo lời kêu gọi của y và sẽ không thiếu sót một điều gì từ ân phước của họ.” (Muslim ghi lại).

❖ **Tawhid là điều đầu tiên trong việc truyền bá:**

Điều đầu tiên phải được biết, hiểu, thực hành và mời gọi mọi người đến với nó, đó là Tawhid.

Bằng chứng cho điều này là lời di huấn của Nabi Muhammad ﷺ khi Người nói với Mu-a'z lúc Người cử phái ông đi xứ Yemen:

« فَلْيَكُنْ أَوَّلَ مَا تَدْعُوهُمْ إِلَيْهِ شَهَادَةٌ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ » و في رواية « إِلَى أَنْ يُوحِدُوا اللَّهَ » (متفق عليه)

“Điều đầu tiên mà người phải kêu gọi họ đến với nó đó là lời tuyên thệ Shahadah: “لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ” “La ilaha illollo-h” “Không có Đấng thờ phượng nào khác ngoài Allah”” và trong một lời dẫn khác “..đến với sự tôn thờ duy nhất một mình Allah.” (Hadith được thống nhất về tính xác thực của nó).

❁ Một số hình thức truyền bá đến với Tawhid:

Sau đây là một số hình thức phù hợp cho tất cả mọi người nhưng không gặp nhiều khó khăn:

1- In ấn sách, các tờ rơi về các chủ đề liên quan đến Tawhid và đem phân phát.

2- Nói chuyện với những nhà kinh doanh để hợp tác cổ phần trong việc in ấn và xuất bản các loại sách về Tawhid cũng như các vấn đề về giáo lý.

3- Ghi âm và phân phát các băng đĩa thuyết giảng và tuyên truyền giáo lý Tawhid.

4- Đi Thuyết trình giảng dạy Tawhid đối với ai có khả năng đó hoặc có thể tổ chức sắp xếp chương trình mời các vị học giả, các vị truyền giáo đến thuyết giảng.

5- Giáo dục con cái và người thân trong gia đình về căn bản Tawhid, dạy họ các sách về giáo lý Tawhid và khuyến khích việc học của họ bằng cách thưởng các món quà cho họ.



Các Sách Quan Trọng Về Giáo Lý Tawhid

Dưới đây là danh sách hữu ích về các sách quan trọng về Giáo lý Tawhid, khuyên các bạn đạo hữu Muslim tìm đọc và nghiên cứu chúng, mục đích để các bạn có thể bổ sung kiến thức chân lý về tôn giáo của mình, để nhận biết đâu là con đường thành đạt ở đời này và đời sau, và để biết rằng người nào đi ngược lại với nó sẽ bị thất bại và thua thiệt.

Các bạn đạo hữu Muslim hãy biết rằng việc học hỏi và nghiên cứu giáo lý Tawhid là một trong các nội

dung quan trọng của môn học Fiqh (Thông hiểu giáo luật Islam) về tôn giáo. Và quả thật, một số học giả đã phân chia môn học Fiqh thành:

1- Đại Fiqh: Gồm các nội dung về các vấn đề tư tưởng, đức tin và Tawhid.

2- Tiểu Fiqh: Gồm các nội dung về các vấn đề giáo luật trong việc hành đạo, thờ phượng và trong lĩnh vực đời sống xã hội cũng như sinh hoạt đời thường.

Và sau đây là các tên sách:

1- “الأصول الثلاثة” “Ba Căn Nguyên Của Giáo Lý”

2- “القواعد الأربع” “Bốn Nguyên Tắc Cơ Bản”

3- “كشف الشبهات” “Khám Phá Những Điều Chưa Rõ Ràng”

4- “كتاب التوحيد” “Kitab Tawhid”.

Bốn quyển sách đều từ một tác giả đó là Sheikh AlMujaddid Muhammad bin Abdul-Wahha-b رحمته.

5- “مجموعة التوحيد التجديدية” “Bộ Tawhid Hữu Ích”.

6- “فتح المجيد شرح كتاب التوحيد” “Fathul-Majid, Giải Thích Kitab Tawhid”

Của Sheikh Abdurrahman bin Hasan.

7- “تيسير العزيز الحميد شرح كتاب التوحيد” “Taysi-r Al-Aziz Alhami-d, Giải Thích Kitab Tawhid”

Của Sheik Sulayman bin Abdullah.

8- “معارج القبول” “Đường Thẳng Thiên ĐƯỢC Chấp Nhận”

9- “أعلام السنة المنشورة” “Tiêu Chuẩn Sunnah ĐƯỢC Truyền Bá”.

Hai sách này đều là của học giả Sheikh Ha-fizh Al-hukmi.

10- “القول المفيد على كتاب التوحيد” “Lời Nói Hữu Ích Về Kitab Tawhid” của Sheik Muhammad bin Salih Al-Uthaymeen.

11- “كتاب التوحيد” “Kitab Tawhid”.

12- “الإرشاد إلى صحيح الاعتقاد” “Hướng dẫn đến ĐỨC Tin Đúng Đắn”

Hai sách này của Sheikh Salih Al-Fawzan.

13- “العقيدة الواسطية” “Al-Aqi-dah Wa-siti-yah” tạm dịch “ĐỨC Tin Trung Hòa” của Sheikh Al-Islam ibnu Taymi-yah.

14- “شرح العقيدة الواسطية” “Giải Thích Al-Aqi-dah Wa-siti-yah” của Sheikh Muhammad Al-Uthaymeen.

15- “شرح العقيدة الواسطية” “Giải Thích Al-Aqi-dah Wa-siti-yah” của Sheikh Salih AlFawzan.

16- “القواعد المثلى في صفات الله وأسمائه الحسنى” “Các Nguyên Tắc Tốt Đẹp Về Các Thuộc Tính Và Đại Danh Hoàn Mỹ Của Allah” của Sheikh Muhammad Al-Uthaymeen.

17- “العقيدة الطحاوية” “Al-Aqi-dah Attaha-wiyah” tạm dịch “Đức Tin Thiên Liêng” và bộ giải thích về sách này của Ibnu Abi Al-Az Al-Hanafi.

❖ **Hãy cố gắng tìm đọc các sách và các Fatawa của những học giả uyên bác này:**

1- Sheikh Al-Islam Ibnu Taymi-yah.

2- Học trò của ông Imam Ibnu AlQayyim.

3- Sheikh Al-Islam Muhammad bin Abdul-Wahha-b và thế hệ con cháu ông từ những vị Imam trong việc truyền bá.

4- Sheikh Abdul-Aziz bin Abdullah bin Baz.

5- Sheikh Muhammad bin Salid Al-Uthaymeen.

6- Sheikh Abdullah Aljibiri-n.

7- Sheikh Salih Al-Fawzan.

Và những vị học giả Islam khác được biết đến về vấn đề Tawhid và tư tưởng tôn giáo đúng đắn.



Lời Kết

Để kết thúc bức thông điệp này, tôi xin dâng lên Allah, Đấng Tối Cao, mọi lời ca ngợi và tạ ơn về những thuận lợi trong việc hoàn tất nó.

Mong rằng bức thông điệp này đây có thể giúp các đạo hữu Muslim hiểu rõ hơn về Tawhid qua phong cách trình bày đã được cố gắng sao cho đơn giản và dễ hiểu nhất.

Cầu xin Allah, Đấng Tối Cao và Quyền năng ban ân phước tốt đẹp nhất cho tất cả những ai đã đóng góp công sức trong việc truyền truyền, in ấn bức thông điệp này, và xin Ngài hãy nhân ân phước thêm cho họ nhiều và thật nhiều hơn nữa.

وَصَلَّى اللّٰهُ وَسَلَّم عَلَى نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِهِ وَأَصْحَابِهِ أَجْمَعِينَ

Cầu xin Allah ban sự bằng an và phúc lành cho Nabi của chúng ta Muhammad, cho dòng dõi của Người cùng tất cả các vị Sahabah của Người.

Tác Giả

Abdullah bin Ahmad Alhaweel

Dịch Thuật

Abu Zaytune Usman Ibrahim